

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP

Vietnam Airlines

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 01/01/2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 88/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 07 năm 2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày / /2021 sau khi Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chấp thuận chào bán tại <https://www.vietnamairlines.com/>, <https://www.bsc.com.vn/>, <https://hsx.vn/> và tại:

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



Vietnam Airlines

Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Số 200, Phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội

Website: www.vietnamairlines.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN



BSC

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 1, 10, 11 Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 222 00 672

Fax: (84-24) 222 00 669

Website: www.bsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên:

Nguyễn Xuân Thủy

Chức vụ:

Người phụ trách quản trị - Thư ký Tổng công ty

Số điện thoại:

(84) 90 328 7516



TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 01/01/2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	:	800.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	:	8.000.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM



Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại: (84 24) 71050 000

Số fax: (84 24) 6288 5678

Email: deloittevietnam@deloitte.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam



Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 10, 11 Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 222 00 672

Số fax: (84-24) 222 00 669

Website: www.bsc.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	12
1. Tổ chức phát hành	12
2. Tổ chức tư vấn	12
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	12
1. Rủi ro về kinh tế	12
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế	12
1.2. Tình hình lạm phát	13
1.3. Lãi suất	13
1.4. Tỷ giá	14
2. Rủi ro về luật pháp	15
3. Rủi ro đặc thù	15
3.1. Rủi ro cạnh tranh trong ngành hàng không	15
3.1.1. Đối với thị trường hàng không nội địa	15
3.1.2. Đối với thị trường hàng không quốc tế	15
3.2. Rủi ro đặc thù ngành hàng không	16
3.2.1. Rủi ro nhiên liệu đầu vào	16
3.2.2. Rủi ro về cơ sở hạ tầng kỹ thuật sân bay, kiểm soát không lưu, quyền tiếp cận giờ cất/hạ cánh	17
3.2.3. Rủi ro về tai nạn hoặc sự cố	18
4. Rủi ro về đợt chào bán	18
5. Rủi ro về sử dụng vốn	18
6. Rủi ro pha loãng	19
6.1. Rủi ro pha loãng giá thị trường sau khi chào bán	19
6.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu	19
6.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu	20
6.4. Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết	20
7. Rủi ro quản trị công ty	20
8. Rủi ro khác	20
8.1. Rủi ro mang tính bất thường	20
8.2. Rủi ro hoạt động liên tục	21
8.3. Rủi ro khả năng hủy niêm yết	22

III. CÁC KHÁI NIỆM.....	23
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	24
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	24
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	25
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	31
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành	32
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.	35
5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành.....	35
5.2. Danh sách công ty con VNA nắm giữ 100%.....	35
5.3. Danh sách công ty con VNA nắm giữ trên 50%.....	36
5.4. Danh sách những công ty mà VNA đang nắm giữ cổ phần không chi phối	40
6. Thông tin về quá trình tăng/giảm vốn điều lệ	42
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của VNA tại các doanh nghiệp khác.....	47
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	47
8.1. Cổ phiếu phổ thông.....	47
8.2. Cổ phiếu ưu đãi.....	47
8.3. Các loại chứng khoán khác	47
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	47
9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA theo quy định pháp luật.....	47
9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty	49
9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại.....	50
10. Hoạt động kinh doanh	50
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	50
10.1.1. Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng	50
10.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh	53
10.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ	53
10.2. Tài sản	57
10.2.1. Tài sản cố định.....	57
10.2.2. Đất đai.....	60

10.3.	Thị trường hoạt động.....	63
10.4.	Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính	64
10.4.1.	Báo cáo tình hình đầu tư.....	65
10.4.2.	Báo cáo hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính.....	66
10.5.	Các hợp đồng lớn, nhà cung cấp lớn.....	67
10.6.	Các khách hàng, nhà cung cấp lớn.....	70
10.7.	Vị thế của VNA trong ngành hàng không.....	74
10.7.1.	Vị thế của VNA trên thị trường nội địa	74
10.7.2.	Vị thế của VNA trên các thị trường quốc tế	75
10.7.3.	Triển vọng phát triển của ngành	76
10.7.4.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của VNA so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.....	80
10.8.	Hoạt động Marketing	80
10.9.	Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế.....	83
10.10.	Chính sách nghiên cứu và phát triển.....	85
10.11.	Chiến lược kinh doanh	86
10.11.1.	Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025.....	86
10.11.2.	Nguồn vốn dự kiến	87
10.11.3.	Nguồn lực dự kiến	88
10.12.	Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan 89	
11.	Chính sách đối với người lao động.....	89
11.1.	Số lượng lao động	89
11.2.	Các chính sách liên quan đến người lao động.....	90
11.3.	Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động.....	92
12.	Chính sách cổ tức	92
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	93
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	93
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	94

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	95
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	95
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	95
1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát	95
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành	96
2. Tình hình tài chính	98
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	99
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	114
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	116
3.1. Về Báo cáo tài chính riêng năm 2019 được kiểm toán của VNA.....	116
3.1.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán.....	116
3.1.2. Vấn đề cần nhấn mạnh	116
3.2. Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được kiểm toán của VNA.....	117
3.2.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán.....	117
3.2.2. Vấn đề cần nhấn mạnh	118
3.3. Về Báo cáo tài chính riêng năm 2020 được kiểm toán của VNA.....	119
3.3.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán.....	119
3.3.2. Vấn đề cần nhấn mạnh	119
3.4. Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của VNA.....	123
3.4.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán.....	123
3.4.2. Vấn đề cần nhấn mạnh	124
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	128
4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021.....	128
4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nói trên.....	129
4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	130
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG	131
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	131
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	131
2.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ	131

2.2.	Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp.....	131
2.2.1.	Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch của cổ đông lớn với Tổ chức phát hành	132
2.2.2.	Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành.....	132
2.3.	ANA Holdings Inc.	132
2.3.1.	Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch của cổ đông lớn với Tổ chức phát hành	133
2.3.2.	Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành.....	133
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	133
3.1.	Hội đồng quản trị.....	133
3.2.	Ban kiểm soát	143
3.3.	Ban Giám đốc	149
3.4.	Kế toán trưởng.....	161
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	163
1.	Loại cổ phiếu:.....	163
2.	Mệnh giá.....	163
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	163
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán	163
5.	Giá chào bán dự kiến:.....	163
6.	Phương pháp tính giá.....	164
7.	Phương thức phân phối.....	164
7.1.	Tỷ lệ phân phối	164
7.2.	Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, đăng ký nhưng không nộp tiền mua.....	164
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	165
8.1.	Đăng ký mua cổ phiếu	165
8.2.	Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu	165
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	165
10.	Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi)	166
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	166
12.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	167
13.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của VNA.....	167
14.	Hủy bỏ đợt chào bán.....	167
15.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	167

16.	Các loại thuế có liên quan	168
16.1.	Đối với công ty.....	168
16.1.1.	Thuế giá trị gia tăng (GTGT).....	168
16.1.2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).....	168
16.1.3.	Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)	168
16.1.4.	Thuế nhà thầu nước ngoài (NTNN).....	169
16.1.5.	Các loại thuế khác.....	169
16.2.	Đối với nhà đầu tư.....	169
16.2.1.	Đối với nhà đầu tư cá nhân	169
16.2.2.	Đối với nhà đầu tư tổ chức	170
17.	Thông tin về các cam kết.....	170
18.	Thông tin về các chứng khoán khác đang được chào bán, phát hành trong cùng đợt... 170	
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	170
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	171
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	173
1.	Tổ chức tư vấn.....	173
2.	Tổ chức kiểm toán	173
XI.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	173
XII.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH HOẶC KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN	174
XIII.	PHỤ LỤC	175

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Quá trình thay đổi vốn điều lệ của VNA	43
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 04/06/2021 VNA	47
Bảng 3: Kết quả hoạt động vận tải hành khách 2019 – 6T/2021	54
Bảng 4: Chi tiết kết quả vận tải hàng hóa	54
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất	56
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần công ty mẹ	57
Bảng 7: Tài sản cố định hợp nhất	58
Bảng 8: Tài sản cố định công ty mẹ	59
Bảng 9: Cơ cấu đất đai VNA đang quản lý	60
Bảng 10: Danh mục một số cơ sở đất đai lớn VNA đang quản lý, sử dụng tại ngày 30/06/2021	61
Bảng 11: Số lượng tàu bay tại thời điểm 30/6/2021	65
Bảng 12: Danh sách các hợp đồng lớn	67
Bảng 13: Danh sách nhà cung cấp lớn của VNA	71
Bảng 14: Các nhãn hiệu đã được VNA đăng ký bản quyền	83
Bảng 15: Dự kiến các nguồn vốn của Công ty mẹ giai đoạn 2021-2025 như sau	88
Bảng 16: Chỉ tiêu năng suất lao động dự kiến	89
Bảng 17: Cơ cấu lao động	90
Bảng 18: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh hợp nhất của VNA từ 2019 đến nay	95
Bảng 19: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh công ty mẹ của VNA từ 2019 đến nay	95
Bảng 20: Vốn điều lệ, vốn kinh doanh hợp nhất	99
Bảng 21: Vốn điều lệ, vốn kinh doanh công ty mẹ	99
Bảng 22: Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	102
Bảng 23: Tổng công nợ hợp nhất	102
Bảng 24: Tổng công nợ công ty mẹ	103
Bảng 25: Các khoản phải thu hợp nhất	103
Bảng 26: Các khoản phải thu Công ty mẹ	104
Bảng 27: Các khoản phải thu quá hạn năm 2019 và 2020	105
Bảng 28: Các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm 30/06/2021	106
Bảng 29: Các khoản phải trả hợp nhất	106
Bảng 30: Các khoản phải trả công ty mẹ	107
Bảng 31: Chi tiết các khoản vay hợp nhất	108
Bảng 32: Chi tiết các khoản vay Công ty mẹ	110
Bảng 33: Các khoản phải nộp nhà nước Hợp nhất	111
Bảng 34: Các khoản phải nộp Nhà nước Công ty mẹ	112

Bảng 35: Tình hình trích lập các quỹ	112
Bảng 36: Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất	114
Bảng 37: Các chỉ tiêu tài chính công ty mẹ	115
Bảng 38: Các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu lợi nhuận năm 2021	128
Bảng 39: Thông tin về cổ đông lớn	131
Bảng 40: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	133
Bảng 41: Danh sách thành viên Ban kiểm soát	143
Bảng 42: Danh sách thành viên Ban Giám đốc	149
Bảng 43: Lịch trình phân phối cổ phiếu	166
Bảng 44: Kế hoạch sử dụng tiền thu được dự kiến	171

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm	13
Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm	13
Biểu đồ 3: Tỷ giá USD/VND	15
Biểu đồ 4: Cơ cấu tổ chức của VNA	31
Biểu đồ 5: Sơ đồ tổ chức của VNA (thời điểm 30/06/2021)	32
Biểu đồ 6: Tổng thị trường hàng không Việt Nam 2021-2035	78

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Đặng Ngọc Hòa

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Lê Hồng Hà

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Trần Thanh Hiền

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân Anh Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền theo Quyết định số 1145/QĐ-BSC ngày 02/12/2020 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 2705/2021/TVPHCP-BSC ngày 27/5/2021 với Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

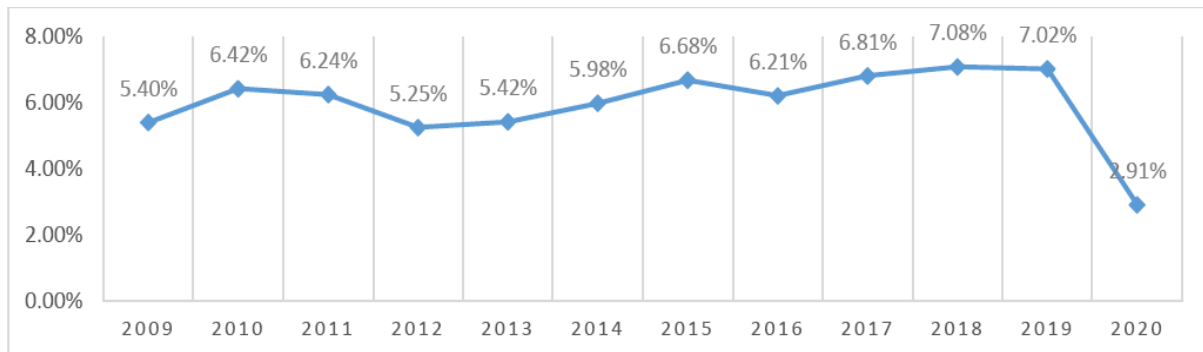
1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Những biến động trong tốc độ tăng trưởng GDP sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới mức chi tiêu của nền kinh tế, từ đó ảnh hưởng tới nhu cầu đi lại của người tiêu dùng, và theo đó ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh vận tải hàng không của Vietnam Airlines.

Trong những năm gần đây và tính đến trước năm 2020, nền kinh tế toàn cầu đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ.

Những thay đổi mang tính đột phá về thể chế kinh tế giai đoạn 2016 - 2020, dù mới chỉ là bước đầu, đã có tác động tích cực đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm


Nguồn: Tổng cục thống kê

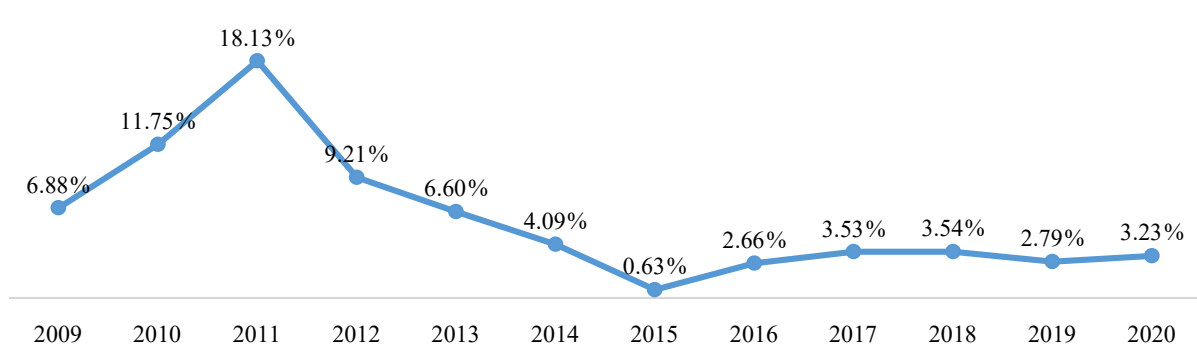
Năm 2020, dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới.

Trong bối cảnh đó, GDP năm 2020 của Việt Nam tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020.

1.2. Tình hình lạm phát

Lạm phát tăng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines do chi phí đầu vào tăng cao làm giảm lợi nhuận; đồng thời, người tiêu dùng cũng tiết giảm chi phí, giảm chi tiêu cho du lịch hay đi lại bằng đường hàng không làm doanh thu giảm sút, từ đó tổng lợi nhuận của Vietnam Airlines bị suy giảm.

Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm


Nguồn: Tổng cục thống kê

Giai đoạn 2016-2020, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm qua (khoảng trên 3%), do chỉ đạo, điều hành của Chính phủ cũng như sự lao dốc của giá dầu thô.

1.3. Lãi suất

Hiện tại, VNA có các khoản vay bằng VND, và các khoản vay ngoại tệ như USD và EUR trong đó các khoản vay bằng VND chỉ chiếm phần nhỏ, còn phần lớn dư nợ phát sinh bằng tiền USD để mua máy bay, động cơ và máy móc thiết bị khác phục vụ sản xuất kinh doanh. Do đó

rủi ro lãi suất trong tương lai đối với VNA chủ yếu sẽ đến từ biến động lãi suất của USD.

Tuy nhiên, với tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại, không ngoại trừ việc tỷ trọng các khoản vay bằng VND của VNA sẽ tăng lên do các chính sách cứu trợ của Chính phủ nhằm đảm bảo hoạt động liên tục của VNA. Các khoản vay này có thể được ưu đãi về lãi suất nên VNA có thể không chịu nhiều rủi ro về việc thay đổi lãi suất cho vay VND.

Mặt khác, ngày 21/6/2021, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã tổ chức họp báo thông tin về kết quả hoạt động ngân hàng 6 tháng đầu năm và định hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021. Trong đó có nêu thông tin: (i) về điều hành lãi suất, NHNN cho biết, tiếp tục điều hành lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát, diễn biến thị trường và mục tiêu chính sách tiền tệ, tạo điều kiện giảm chi phí vốn cho người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND thuộc một số ngành, lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,5%/năm; lãi suất cho vay USD bình quân ở mức 3,0 - 6,0%/năm. (ii) Trong điều hành tín dụng, để tiếp tục hỗ trợ khách hàng khắc phục khó khăn do ảnh hưởng của dịch, NHNN đã ban hành Thông tư 03/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư 01/2020/TT-NHNN quy định về tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Do đó, rủi ro về lãi suất đối với VNA hay các doanh nghiệp trong tình hình dịch bệnh hiện tại là không lớn.

1.4. Tỷ giá

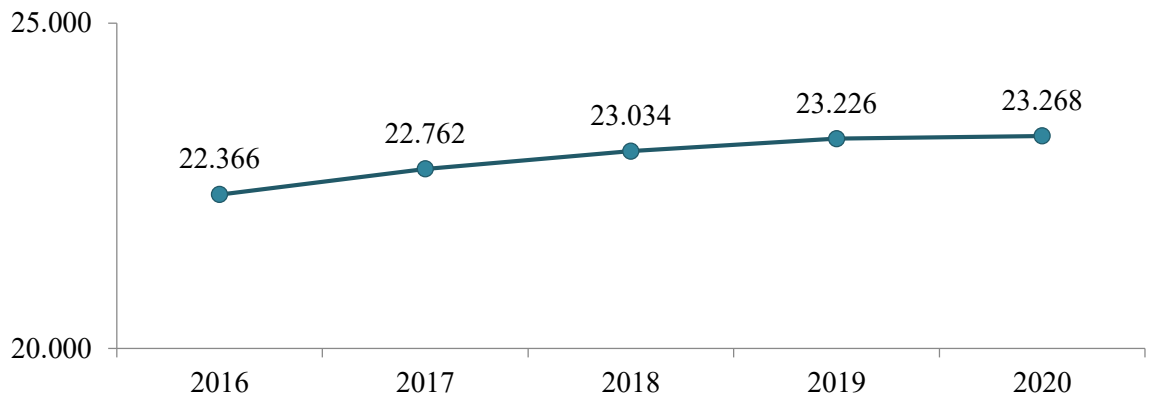
Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines có nhiều khoản vay và thuê tài chính để mua máy bay và máy móc thiết bị; thanh toán chi phí cho các đối tác nước ngoài có giá trị lớn nên rủi ro tỷ giá của Vietnam Airlines đến chủ yếu từ biến động của tỷ giá USD/VND và một số ngoại tệ mạnh khác (CNY, JPY, EUR...).

Với nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định và những thành công của Việt Nam trong việc phòng chống và vượt qua đại dịch Covid 19 đã thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài đầu tư mạnh mẽ vào thị trường Việt Nam, giúp tăng nguồn cung ngoại tệ, giá trị đồng tiền Việt Nam có mức ổn định cao trong điều kiện nền kinh tế thế giới có nhiều biến động.

Mặt khác, khi thị trường trong nước xuất hiện biến động tỷ giá lớn, Ngân hàng Nhà nước sẵn sàng có những động thái can thiệp thị trường với cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết giúp tình hình tỷ giá những năm qua biến động trong phạm vi nhất định, không gây ra ảnh hưởng quá lớn tới doanh nghiệp và nền kinh tế.

Tỷ giá USD/VND giai đoạn 2016-2020 được Ngân hàng nhà nước điều tiết ở mức ổn định, tăng trung bình 1,2%/năm. Việc tỷ giá USD/VND qua các năm ổn định dưới 2%/năm tạo điều kiện tốt cho các công ty xuất nhập khẩu và các công ty sử dụng nhiều ngoại tệ như VNA, không làm gia tăng chi phí chênh lệch tỷ giá, đặc biệt năm 2019 và năm 2020 có tăng trưởng dưới 1%/năm.

[Phần dưới của trang này được cố tình để trống]

Biểu đồ 3: Tỷ giá USD/VND


Nguồn: Số liệu Tổng cục thống kê

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines và các đơn vị thành viên của Vietnam Airlines chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các chính sách thuế, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán... Do hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra và có thể tạo điều kiện thuận lợi hoặc có ảnh hưởng không tốt cho hoạt động kinh doanh của Vietnam Airlines.

Hoạt động vận tải hàng không phụ thuộc nhiều vào các quy định của Chính phủ, với việc cung cấp dịch vụ quốc tế, hãng phải chịu chi phối của pháp luật của Việt Nam và một số nước mà hãng định hướng khai thác đến. Trong một số trường hợp, giá vé và lịch bay phải được sự phê duyệt của Chính phủ các nước liên quan.

Về vấn đề bảo vệ môi trường, chương trình thu phí nhiên liệu xả thải tại EU đã tạm dừng, tuy nhiên nếu áp dụng có thể dẫn tới tăng chi phí khai thác của Vietnam Airlines.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro cạnh tranh trong ngành hàng không

3.1.1. Đối với thị trường hàng không nội địa

Do các hãng hàng không quốc tế hiện không được khai thác tuyến bay nội địa tại Việt Nam, đối thủ cạnh tranh của Vietnam Airlines tại mảng thị trường này là các hãng hàng không nội địa. Trong các năm gần đây, bên cạnh đối thủ trực tiếp là Vietjet Air, Vietnam Airlines cũng phải chịu nhiều sức ép cạnh tranh bởi các công ty hàng không nội địa mới gia nhập thị trường như Bamboo Airways và Vietravel.... Sự cạnh tranh quyết liệt của các hãng hàng không giá rẻ (LCCs) đối với phân thị khách thu nhập thấp làm gia tăng rủi ro suy giảm thị phần của Vietnam Airlines. Trong bối cảnh các hãng hầu như chưa khai thác thường lệ các đường bay quốc tế trở lại, các hãng hàng không sẽ tiếp tục tăng tải trên các đường bay nội địa dẫn đến cạnh tranh gay gắt, giá vé bình quân tiếp tục sụt giảm (trong 2 tháng đầu năm 2021, giá vé bình quân đã giảm gần 50% so cùng kỳ).

3.1.2. Đối với thị trường hàng không quốc tế

Quá trình hội nhập quốc tế đặt ngành hàng không Việt Nam trước những thách thức không

nhỏ, đặc biệt khi Hiệp định Bầu trời mở cửa ASEAN (ASEAN Open Skies) hướng đến một thị trường hàng không thống nhất trong khối ASEAN, bắt đầu có hiệu lực từ năm 2016. Hiệp định này loại bỏ các rào cản về số đường bay, tần suất chuyến bay, ... giữa các sân bay quốc tế ở các quốc gia ASEAN, khiến cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp hàng không nội địa lẫn nước ngoài.

Các hãng hàng không quốc tế cạnh tranh với Vietnam Airlines trên các đường bay quốc tế đến và đi từ Việt Nam như:

- Tại thị trường ASEAN, chính sách mở cửa bầu trời tại ASEAN và các hợp tác liên doanh giữa các hãng hàng không giá rẻ trong khu vực với các hãng trong nước để khai thác thị trường nội địa Việt Nam làm tăng cạnh tranh trên thị trường Việt Nam.
- Tại thị trường Châu Âu, bên cạnh việc cạnh tranh với các đối thủ cạnh tranh cửa ngõ truyền thống (Thai Airways, Singapore Airlines, Cathay Pacific), các hãng tại khu vực Trung Đông như Emirates, Qatar, Ethiad đang tiếp tục đẩy nhanh việc mở rộng khai thác đi/đến Việt Nam và chiếm thị phần ngày càng lớn trên phân thị khách đi lại giữa châu Âu và Việt Nam. Với ưu thế về tần suất cao, chất lượng dịch vụ tốt và giá bán hợp lý, các hãng này sẽ ngày càng tạo sức ép cạnh tranh lên Vietnam Airlines trên thị trường khu vực Châu Âu.

Vietnam Airlines nhận thức rõ ràng các rủi ro cạnh tranh này và để hạn chế được rủi ro cạnh tranh, giữ được vị thế dẫn đầu trên thị trường nội địa Việt Nam, đồng thời hướng tới mục tiêu trở thành hãng hàng không hàng đầu Châu Á được khách hàng tin yêu lựa chọn thì bên cạnh nâng cao chất lượng dịch vụ chất lượng cao của thương hiệu Vietnam Airlines, Vietnam Airlines đẩy mạnh mảng hàng không giá rẻ với thương hiệu Pacific Airlines. Biện pháp này đóng vai trò quan trọng trong việc đa dạng hóa dải sản phẩm và nâng cao hiện diện của Vietnam Airlines trên thị trường nội địa và quốc tế.

3.2. Rủi ro đặc thù ngành hàng không

Bên cạnh những rủi ro thường trực trong môi trường sản xuất kinh doanh, Vietnam Airlines còn đối mặt với những rủi ro mang tính đặc thù ngành hàng không như:

3.2.1. Rủi ro nhiên liệu đầu vào

Nhiên liệu máy bay sử dụng cho ngành hàng không được sản xuất bằng cách chưng cất dầu thô vì thế giá dầu thô và giá nhiên liệu máy bay sử dụng cho ngành hàng không có sự tương quan chặt chẽ với nhau. Giá nhiên liệu đầu vào nhìn chung khó kiểm soát và dự báo, phụ thuộc vào diễn biến giá giá dầu thô thế giới – một trong những mặt hàng vô cùng nhạy cảm, rất dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội. Giá nhiên liệu không ổn định và khó dự báo khiến cho VNA khó lập kế hoạch chính xác để ước tính chi phí/lợi nhuận.

Giá dầu thô có xu hướng tăng và biến động khó lường trong khoảng thời gian từ đầu năm 2019 tới trước thời điểm bùng phát dịch Covid – 19, trung bình biến động tăng từ 5,5% - 21,8% (nguồn: Tổng cục thống kê). Tuy nhiên, kể từ thời điểm dịch Covid-19 bùng phát, giá dầu thô ban đầu có xu hướng giảm do nhu cầu tiêu thụ trên thế giới suy giảm mạnh nhưng sau đó đã có xu hướng tăng trở lại trong những tháng cuối năm 2020 và đầu năm 2021 bởi sự hồi phục của các nền kinh tế lớn, các nhà máy khôi phục hoạt động.

Đối với VNA, nhiên liệu đầu vào chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của VNA. Năm 2019, nhiên liệu đầu vào chiếm 29% tổng chi phí, năm 2020 là 19%. 6 tháng đầu năm 2021,

nhiên liệu ước tính chiếm khoảng 16,44%, thấp hơn với năm 2020 do số lượng chuyến bay giảm mạnh.

Để khắc phục cũng như giảm bớt rủi ro đặc thù này, VNA đã và đang thực hiện nhiều biện pháp hữu hiệu, điển hình như:

(i) triển khai đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trên tất cả các lĩnh vực với mục tiêu cải thiện doanh thu và tiết kiệm chi phí, trong đó nổi bật là giải pháp sử dụng các dòng tàu bay thế hệ mới như B787, A350, A321 Neo... đã giúp giảm tiêu thụ nhiên liệu và lượng khí thải đến 25% với chi phí bảo dưỡng thấp,

(ii) phối hợp với Hiệp hội Vận tải Hàng không quốc tế (IATA) triển khai triệt để chương trình bay tiết kiệm nhiên liệu và,

(iii) thực hiện công tác nghiên cứu toàn diện về nghiệp vụ bảo hiểm giá nhiên liệu để sẵn sàng cho việc thực hiện nghiệp vụ bảo hiểm giá nhiên liệu khi khung pháp lý cho nghiệp vụ này được các cơ quan quản lý nhà nước ban hành.

3.2.2. Rủi ro về cơ sở hạ tầng kỹ thuật sân bay, kiểm soát không lưu, quyền tiếp cận giờ cất/hạ cánh

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật sân bay và kiểm soát không lưu tại Việt Nam còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được hết nhu cầu khai thác của các hãng hàng không cũng như ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cung ứng đến khách hàng. Việc tắc nghẽn không lưu tại sân bay Tân Sơn Nhất thời gian qua đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động khai thác của VNA. Trong các năm gần đây, Chỉ số khai thác đúng giờ (On-time performance Index) cũng như thời gian bay kéo dài hơn so với lịch trình của các chặng bay đi/đến sân bay Tân Sơn Nhất (SGN) đã làm tăng chi phí khai thác của VNA (số liệu thống kê từ 2010 – 2019 thống kê cho thấy thời gian bay chặng nội địa HAN-SGN tăng trung bình từ 2:05 lên 2:15 giờ; giai đoạn 2020-2021, tình trạng tắc nghẽn sân bay xảy ra trầm trọng vì sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất thực hiện nâng cấp, các hãng hàng không nội địa tăng cường khai thác Nội địa khi không thể khai thác quốc tế). Một số sân bay bị giới hạn giờ khai thác chỉ đến 21h như sân bay Phù Cát (tỉnh Quy Nhơn), sân bay Pleiku (tỉnh Đắc Lắc) ... cũng gây khó khăn cho VNA trong việc xây dựng kế hoạch bay tối ưu nguồn lực tàu bay, đặc biệt là trong giai đoạn cao điểm.

Tình trạng quá tải tại các sân bay, cơ sở hạ tầng hàng không không đủ trang thiết bị phục vụ mặt đất (hạn chế về chỗ đậu tàu bay, số lượng quầy phục vụ, nhân lực an ninh tại bộ phận xuất nhập cảnh...) gây khó khăn cho các hãng trong việc khai thác các chuyến bay đúng lịch trình. Một số sân bay còn xảy ra tình trạng thiếu cửa lên máy bay khi phục vụ khách mùa cao điểm. Tại một số sân bay lẻ, số lượng quầy làm thủ tục và xe thang còn thiếu dẫn đến tình trạng quá tải khi có những chuyến bay trùng giờ và làm ảnh hưởng đến thời gian quay đầu máy bay của hãng.

Về quyền tiếp cận khai thác giờ hạ/cất cánh (slot) tại các sân bay lớn tại Việt Nam và quốc tế: hiện nay, slot tại sân bay Tân Sơn Nhất đang bị giới hạn lớn hầu hết các khung giờ ban ngày không còn slot để các hãng tăng thêm tần suất khai thác. Slot tại sân bay Cam Ranh (CXR) cũng đang giới hạn tối đa 5 chuyến quốc tế cất cánh trong 1 khung giờ và các chuyến phải giãn cách tối thiểu 10 phút; nguyên nhân chính là do năng lực phục vụ của nhà ga, hải quan, an ninh chưa đáp ứng được lưu lượng khách đến CXR. Tại các sân bay quốc tế, VNA cũng gặp khó khăn khi không được cấp thêm slot hoặc cấp slot không phù hợp với lịch trình bay phù hợp với nhu cầu khách hàng mục tiêu của VNA, đặc biệt tại các sân bay Trung Quốc và Hàn Quốc. Điều này ảnh hưởng đến kế hoạch mở rộng hoạt động khai thác của hãng đến các quốc gia này.

Để hạn chế các ảnh hưởng từ các hạn chế về cơ sở hạ tầng kỹ thuật hàng không, VNA triển khai các giải pháp như: nâng cao hiệu quả công tác điều hành và lập lịch bay hợp lý trong khai thác; duy trì hiệu suất sử dụng máy bay ngày càng cao và khai thác có hiệu quả để tăng doanh thu và giảm chi phí thông qua việc giảm thời gian quay đầu máy bay tại sân bay. Bên cạnh đó, VNA đã chủ động điều hành linh hoạt lịch bay, điều chỉnh cơ cấu và sản lượng giờ bay song song với phát triển đội tàu bay phù hợp với quy hoạch đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật sân bay.

3.2.3. Rủi ro về tai nạn hoặc sự cố

Như đối với các hãng hàng không khác, công ty cũng có thể phải chịu tổn thất tiềm năng đáng kể trong trường hợp xấu khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng không, dẫn tới thiệt hại về tài sản và hình ảnh của Công ty. Bất kỳ sự kiện nào như vậy xảy ra sẽ làm tăng chi phí liên quan như: chi phí bồi thường hành khách, chi phí sửa chữa, thay thế máy bay. Điều quan trọng nhất là, khi xảy ra sự cố, có thể dẫn đến nhận thức rằng vận chuyển hàng không kém an toàn so với các phương thức vận chuyển khác. Điều này sẽ gây tổn hại và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VNA.

Để phòng ngừa rủi ro này, VNA đã xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn bay, nhận diện các môi nguy hiểm trong hoạt động khai thác, đánh giá mức độ rủi ro....

4. Rủi ro về đợt chào bán

Đợt chào bán được thực hiện trong giai đoạn thị trường đang có nhiều bất ổn do tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên quy mô toàn thế giới, kinh tế biến động và ngành hàng không là một trong các ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất nói chung và VNA nói riêng. Trong điều kiện kết quả kinh doanh của VNA bị ảnh hưởng nặng nề (kết thúc năm 2020, công ty mẹ VNA lỗ 8.754,8 tỷ đồng), đợt chào bán này có rủi ro cổ phiếu không được chào bán hết.

Để giảm thiểu rủi ro không chào bán hết cổ phiếu phát hành thêm, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của VNA đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. So với mức giá cổ phiếu HVN đang giao dịch trên thị trường, Công ty đánh giá mức giá chào bán này có tính khả thi cao.

Trong trường hợp thị trường bất ngờ có diễn biến xấu và đi xuống hoặc trong trường hợp giá cổ phiếu HVN giảm xuống dưới vùng giá chào bán khiến các cổ đông khác có thể không thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm thì số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT phân phối tiếp cho các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định pháp luật và Điều lệ VNA để đợt phát hành thành công ở mức tối đa, với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.

5. Rủi ro về sử dụng vốn

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán này sẽ được sử dụng để thanh toán nợ quá hạn, nợ đến hạn; thanh toán nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả và bổ sung vốn lưu động để đảm bảo khả năng thanh toán, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của VNA trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp. Kể cả khi VNA sử dụng hết số tiền thu được vẫn không đủ để thanh toán hết các khoản nợ quá hạn, đến hạn của VNA, dòng tiền của VNA vẫn bị thâm hụt nặng nề. Do đó, đợt chào bán này sẽ không phát sinh rủi ro sử dụng vốn sai mục đích.

VNA sẽ kiểm soát chặt chẽ quá trình sử dụng vốn, đảm bảo đúng mục đích và tuân thủ các quy định về kế toán và kiểm toán, đồng thời tiếp tục có các giải pháp tái cơ cấu tài sản- nguồn vốn để tìm kiếm các nguồn thu bổ sung để bù đắp thâm hụt dòng tiền.

6. Rủi ro pha loãng

6.1. Rủi ro pha loãng giá thị trường sau khi chào bán

Đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu chịu rủi ro pha loãng giá cổ phiếu.

Sự điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu được tính theo công thức:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

- P: là giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng
- P_{t-1} : là giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng
- I: là tỷ lệ vốn tăng
- PR: là giá sẽ bán cho người mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

Giá định thị giá cổ phiếu HVN trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 27.000 đồng/cổ phiếu. Do việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu thấp hơn giá cổ phiếu đang giao dịch trên thị trường nên giá cổ phiếu HVN tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ bị điều chỉnh giảm xuống 20.869,15 đồng/cổ phiếu.

Trường hợp thị giá cổ phiếu HVN trước ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn giá chào bán thì sẽ không thực hiện điều chỉnh giá cổ phiếu HVN tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo quy chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

6.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của VNA sẽ ảnh hưởng đến chỉ số thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS) của mỗi cổ đông như sau:

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ} - \text{Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Chi tiết như sau:

Số lượng CP đang lưu hành	(1)	1.418.290.847 CP
Số lượng CP phát hành thêm	(2)	800.000.000 CP
SLCP lưu hành sau khi phát hành	(3) = (1)+(2)	2.218.290.847 CP
Lợi nhuận sau thuế năm 2020	(4)	-8.754.809.461.552 đồng
EPS trước khi phát hành	(5) = (4)/(1)	-6.173 đồng
EPS sau khi phát hành	(6) = (4)/(3)	-3.947 đồng

6.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

Chỉ số giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành - Số lượng Cổ phiếu quỹ}}$$

Vào thời điểm kết thúc đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu (dự kiến Quý IV/2021), giả định đợt phát hành thành công 100% và dự tính kết quả kinh doanh công ty mẹ năm 2021 theo kế hoạch lỗ khoảng 12.908 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu công ty mẹ là 4.253 tỷ đồng, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu đạt mức 1.917 đồng/cổ phiếu. Lý do: kết quả kinh doanh năm 2020, 2021 lỗ lớn làm quy mô vốn chủ sở hữu giảm nhanh trong khi số lượng cổ phiếu lưu hành tăng thêm 800 triệu cổ phiếu sau đợt phát hành.

6.4. Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết

Đợt chào bán ra công chúng thông qua phát hành quyền mua được ưu tiên đối tượng là cổ đông hiện hữu của VNA. Do đó, sau đợt chào bán, tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông có thể sẽ bị giảm so với thời điểm trước chào bán nếu cổ đông hiện hữu không tham gia thực hiện quyền mua trong đợt phát hành lần này.

7. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro những tổn thất trong hoạt động kinh doanh đến từ những quyết định và phương hướng quản trị của Ban điều hành. Rủi ro này được hạn chế ở mức thấp nhất nhờ vào nhân sự trong Ban điều hành là những cán bộ có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng không, nhiều năm gắn bó với VNA nên có những am hiểu sâu sắc về hoạt động kinh doanh của VNA.

Để hạn chế rủi ro quản trị, VNA cần tuân thủ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

8. Rủi ro khác

8.1. Rủi ro mang tính bất thường

Một số rủi ro mang tính bất thường, khả năng xảy ra rất ít nhưng nếu xảy ra sẽ có tác động lớn và nghiêm trọng như động đất, lụt bão, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo ... Những hiện tượng này nếu xảy ra có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines.

Tình hình dịch bệnh trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp với các đợt bùng phát mới và các biến thể mới của virus SARS Cov 2. Việc triển khai tiêm chủng vaccine trên thế giới chậm hơn so với kỳ vọng ban đầu. Cũng do ảnh hưởng dịch bệnh, kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu của suy thoái, thu nhập người dân bị ảnh hưởng khiến nhu cầu đi lại sẽ bị ảnh hưởng trong dài hạn. Suy thoái kinh tế trong thời gian ngắn sau dịch bệnh Covid 19 là tương lai có thể xảy ra. Đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2020 giảm xuống còn 2,9% (so với 7%/năm 2019) do đại dịch Covid. Tuy nhiên, theo dự báo của ngân hàng phát triển châu Á – ADB (cập nhật Tháng 4/2021), tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021 sẽ đạt

6,7% và 7% trong năm 2022 bởi khả năng kiểm soát dịch bệnh tốt cũng như các chính sách kích thích kinh tế của Chính phủ. Đối với ngành hàng không, IATA đã cập nhật lại các dự báo về ngành hàng không thế giới trong năm 2021 theo chiều hướng xấu đi rất nhiều so với thời điểm tháng 12/2020. Cụ thể, sản lượng khách luân chuyển giảm 57% so 2019, mức lỗ của ngành hàng không thế giới năm 2021 dự kiến là 47 tỷ USD, thâm hụt dòng tiền khoảng 81 tỷ USD và các hãng hàng không chỉ bắt đầu có dòng tiền dương từ năm 2022.

Trong tương lai, tình hình dịch bệnh, thảm họa môi trường là điều không thể dự báo trước cũng là rủi ro lớn đối với ngành hàng không.

Trong bối cảnh hiện nay, các doanh nghiệp rất khó có các biện pháp chính xác để phòng ngừa các rủi ro bất thường, đặc biệt là rủi ro dịch bệnh. Mặc dù vậy, để giảm thiểu các tác động, thiệt hại, VNA liên tục bám sát diễn biến thị trường và thường xuyên cập nhật, đánh giá, điều chỉnh các kế hoạch theo giai đoạn, điều hành linh hoạt các hoạt động kinh doanh phù hợp với diễn biến dịch bệnh, tích cực áp dụng đồng bộ các biện pháp nhằm cải thiện khó khăn trước mắt và duy trì hoạt động của VNA.

8.2. Rủi ro hoạt động liên tục

Theo báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm tài chính 2020, Tổ chức kiểm toán là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã có ý kiến nhấn mạnh như sau:

- Tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của VNA vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 22.645 tỷ đồng và khoản phải trả quá hạn của VNA là 4.802 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, VNA có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 8.755 tỷ đồng và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm với số tiền là 6.894 tỷ đồng. Bên cạnh đó, dịch bệnh Covid-19 đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của VNA. Khả năng hoạt động liên tục của VNA sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, các khoản phải trả cho các nhà cung cấp và cho thuê cũng như diễn biến của dịch Covid-19.

- Tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 24.456 tỷ đồng và khoản phải trả quá hạn của Tổng công ty là 6.640 tỷ đồng. Tổng công ty có kết quả kinh doanh hợp nhất lỗ trong năm với số tiền là 11.178 tỷ đồng và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm âm với số tiền là 6.456 tỷ đồng. Dịch bệnh Covid-19 đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp cũng như diễn biến của dịch Covid-19.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc VNA đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để VNA có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. VNA đã đàm phán với các đối tác giảm giá, hoãn tiến độ thanh toán, giãn nợ vay với các khoản vay đến hạn, tìm kiếm các đối tác giảm giá, hoãn tiến độ thanh toán, giãn nợ vay với các khoản vay đến hạn để duy trì khả năng hoạt động liên tục. Tính tới thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, VNA đã nhận được một số giải pháp tháo gỡ khó khăn của Chính phủ và các đối tác, nhà cung cấp, ngân hàng... như hỗ trợ dòng tiền, cơ cấu nợ, giãn nợ.

8.3. Rủi ro khả năng hủy niêm yết

Trong trường hợp tổng số lỗ lũy kế của VNA vượt quá số vốn điều lệ thực góp hoặc vốn chủ sở hữu âm trong báo cáo tài chính kiểm toán năm gần nhất trước thời điểm xem xét và/hoặc Tổ chức kiểm toán không chấp nhận thực hiện kiểm toán hoặc có ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối cho ý kiến đối với báo cáo tài chính năm gần nhất của tổ chức niêm yết thì VNA sẽ phải đối mặt với rủi ro khả năng bị hủy niêm yết bắt buộc trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm e và điểm h Khoản 1 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Theo số liệu tại báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của VNA, vốn điều lệ thực góp của chủ sở hữu là 14.182.908.470.000 đồng và lỗ lũy kế là 9.328.983.490.778 đồng.

Theo số liệu tại báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021 của VNA, vốn điều lệ thực góp của chủ sở hữu là 14.182.908.470.000 đồng và lỗ lũy kế là 19.733.735.737.471 đồng.

Con số lỗ lũy kế dự kiến sẽ tiếp tục tăng lên trong năm 2021 (theo số liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của VNA, lỗ dự kiến là 14.526 tỷ đồng). Tuy nhiên, VNA cũng có kế hoạch tăng vốn điều lệ thực góp của các cổ đông để bảo đảm duy trì vốn điều lệ thực góp của VNA luôn vượt tổng số lỗ lũy kế.

[Phần dưới của trang này được cố tình để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

ATK:	Available tonne kilometers - Tải luân chuyển, là chỉ số đo lường năng lực vận chuyển (cả hành khách và hàng hóa) của một hãng hàng không. Chỉ số này được tính bằng cách lấy tổng tải (hành khách và hàng hóa) cung ứng trên mỗi chặng bay nhân với chiều dài chặng bay đó.
BKS:	Ban Kiểm soát
CLMV:	Cam-pu-chia, Lào, My-an-ma, Việt Nam
CTCP:	Công ty cổ phần
DHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
JPA, Jetstar Pacific:	Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific
HĐQT:	Hội đồng quản trị
PA:	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines
RTK:	Revenue tonne kilometers - Trọng lượng Khách và Hàng luân chuyển, là chỉ số đo lường dung lượng vận chuyển (cả hành khách và hàng hóa) của một hãng hàng không. Chỉ số này được tính bằng cách lấy tổng trọng lượng hành khách và hàng hóa được vận chuyển trên mỗi chặng bay nhân với chiều dài chặng bay đó.
SLB:	Sale and Lease back: Nghiệp vụ bán và thuê lại
TSCĐ:	Tài sản cố định
TGD:	Tổng Giám đốc
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
VNA, Vietnam Airlines:	Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
VSD:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên đầy đủ:	TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP	
Tên viết tắt:	VIETNAM AIRLINES	
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:	VIETNAM AIRLINES JSC	
Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 01/01/2021	
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 200, Phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	
Số điện thoại	(84.24) 3873 2732	Số fax: (84.24) 3872 2375
Vốn điều lệ:	14.182.908.470.000 đồng (<i>Mười bốn nghìn một trăm tám mươi hai tỷ chín trăm lẻ tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng</i>)	
Ngành nghề kinh doanh chính:	Ngành, nghề kinh doanh của VNA được quy định tại Điều lệ VNA và thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Các ngành nghề kinh doanh chính của VNA theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 01/01/2021 như sau: <ul style="list-style-type: none">- Vận tải hành khách hàng không (vận chuyển hàng không đối với hành khách), vận tải hàng hóa hàng không (vận chuyển hàng lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư);- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không:<ul style="list-style-type: none">(i) Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng);(ii) Dịch vụ chuyên ngành hàng không khác; (iii) Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế sân bay, trên tàu bay và tại các tỉnh, thành phố; (iv) Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay;- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư, thiết bị hàng không, thiết bị	

phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và các thiết bị kỹ thuật khác);

- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển: Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không; Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Hồng Hà** - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty

Mã cổ phiếu: HVN

Sàn niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Website: www.vietnamairlines.com

Email: vanthu.corp@vietnamairlines.com

Logo:



VietnamAirlines

Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không số 02/2016/GPKDVCHK do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 24/08/2016

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

- Ngày 27/5/1995, VNA được thành lập theo Quyết định số 328/TTg của Thủ tướng Chính phủ dưới hình thức tổng công ty nhà nước hoạt động kinh doanh, trên cơ sở liên kết 20 doanh nghiệp trong ngành hàng không Việt Nam lấy Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam làm nòng cốt.
- Năm 2010, VNA được chuyển thành Công ty TNHH Một Thành Viên do Nhà nước làm chủ sở hữu căn cứ theo Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 06 năm 2010 về việc chuyển Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một Thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 01/07/2010.
- Ngày 01/04/2015, VNA chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Đây là kết quả thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Vốn điều lệ tại thời điểm chuyển sang CTCP được ghi nhận trong Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần thứ 4 là 11.198.648.400.000 đồng.
- Đến tháng 07/2015, VNA đã đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được cấp mã chứng khoán HVN.

- Ngày 08/07/2016, VNA nâng vốn điều lệ lên 12.275.337.780.000 đồng thông qua đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tập đoàn Hàng không Nhật Bản – ANA Holdings Inc. (theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/07/2016).
- Ngày 03/01/2017, cổ phiếu của VNA chính thức được giao dịch trên Sàn Upcom thuộc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HVN.
- Trải qua hơn 25 năm lịch sử phát triển, VNA đã góp phần quan trọng phát triển ngành Hàng không dân dụng của Việt Nam cũng như đóng góp to lớn trong phát triển kinh tế, xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1995	Thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam gồm Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam và 20 doanh nghiệp trong ngành
2002	VNA giới thiệu biểu tượng mới - Bông Sen Vàng gắn với các cải tiến vượt trội về chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng đường bay và đặc biệt là nâng cấp đội máy bay của VNA
2003	Tổ chức lại hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con theo Quyết định số 372/QĐ-TTG ngày 04/04/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp nhận đưa vào khai thác chiếc máy bay hiện đại với nhiều tính năng ưu việt Boeing 777 đầu tiên, sự kiện khởi đầu chương trình hiện đại hóa đội bay
2006	Trở thành thành viên chính thức của IATA
2009	Hợp tác và hỗ trợ Chính phủ Cam-pu-chia thành lập Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air, vốn điều lệ 100 triệu USD, trong đó VNA góp 49%
2010	Chuyển thành công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; Chính thức trở thành thành viên thứ 10 của Liên minh hàng không toàn cầu SkyTeam
2012	Tiếp nhận quản lý phần vốn góp của cổ đông Nhà nước tại CTCP Hàng không Jetstar Pacific Airlines, trở thành cổ đông lớn nhất với tỉ lệ nắm giữ 68,46% vốn điều lệ
1/2013	Bộ Giao thông vận tải phê duyệt thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam là ngày 31/3/2013
5/2014	Bộ Giao thông vận tải phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam
9/2014	Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam

11/2014	VNA hoàn thành chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng thông qua đấu giá cổ phần hóa vào ngày 14/11/2014 tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
03/2015	Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất của Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP đã được tổ chức vào ngày 12/3/2015
04/2015	VNA được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP và chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/4/2015
07/2015	VNA hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thủ tục đăng ký chứng khoán với VSD
07/2016	VNA hoàn tất việc đàm phán và lựa chọn đối tác chiến lược nước ngoài là Tập đoàn hàng không hàng đầu Nhật Bản (ANA Holdings Inc.)
01/2017	Cổ phiếu HVN chính thức được đăng ký giao dịch trên Sàn UPCOM
11/2018	Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước từ Bộ Giao thông vận tải sang Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp
5/2019	Cổ phiếu HVN chính thức được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Các danh hiệu và thành tích đã được Nhà nước ghi nhận :

- Huân chương Hồ Chí Minh do Chủ tịch nước trao tặng, năm 2010;
- Huân chương Độc lập hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng năm 2003;
- Huân chương Lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng năm 1996, 1997;
- Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng năm 2011;
- Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng năm 2010;
- Bằng khen Quỹ hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam năm 2000;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2001;
- Giải thưởng Sao Khuê năm 2005;
- Cờ thi đua của Chính phủ năm 2011 (Giải Ba) khối thi đua các Tập đoàn và Tổng công ty Nhà nước.
- Cờ thi đua của Chính phủ năm 2012 (Giải Nhất) khối thi đua các Tập đoàn và Tổng công ty Nhà nước.
- Huân chương Chiến công hạng Nhất năm 2014.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về công tác tái cơ cấu và sắp xếp doanh nghiệp (năm 2015) và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2016, 2017.

Các giải thưởng đạt được qua các năm

Năm 2016

- Top 10 Nhân hiệu nổi tiếng – Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam;
- Top 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam - Tổ chức định giá độc lập Brand Finance;
- Xếp hạng Top 3 Hãng hàng không tiên bộ nhất thế giới - Tổ chức đánh giá Skytrax;
- Chứng chỉ công nhận Hãng hàng không 4 sao - Tổ chức đánh giá Skytrax;
- Hãng hàng không có thiết kế khoang Thương gia đẹp nhất trên đội tàu bay mới Boeing 787-9 Dreamliner và Airbus A350-900 XWB - Tạp chí Global Traveler Trung Quốc bình chọn;

Năm 2017

- Chứng chỉ “Hãng hàng không 4 sao” 2 năm liên tiếp theo tiêu chuẩn của Tổ chức đánh giá và xếp hạng hàng không SkyTrax;
- Hãng hàng không dẫn đầu thế giới về hạng phổ thông và hạng đặc biệt do World Travel Awards trao tặng;
- Hãng hàng không dẫn đầu thế giới về bản sắc văn hóa do World Travel Awards trao tặng;
- Hãng hàng không của năm 2017 khu vực Châu Á – Thái Bình Dương do CAPA trao tặng;
- Top 15 thương hiệu Công ty có giá trị nhất Việt Nam năm 2017 do FORBES Việt Nam bình chọn;
- 1 trong 10 Hãng hàng không có chỉ số đúng giờ tốt nhất thế giới theo kết quả khảo sát khách hàng trên quy mô mở rộng quốc tế;
- Brand Finance nâng hạng đánh giá Thương hiệu Vietnam Airlines lên mức AA, là công ty có sức mạnh thương hiệu (BSI) cải thiện tốt nhất 2017 tại Việt Nam với định giá 310 triệu đô so năm 2016 là 194 triệu USD;
- Hãng hàng không vận chuyển nhiều khách du lịch nhất Việt Nam năm 2017 do Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch bình chọn;
- Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam do Công ty cổ phần báo cáo đánh giá Việt Nam – VNR500 bình chọn;
- Top 10 Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2017 do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam bình chọn;
- Bằng khen của Hội di sản văn hóa về thành tích tham gia “Hành trình 70 năm Tri ân – Hội tụ” nhân kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh liệt sĩ.

Năm 2018

- Chứng chỉ “Hãng hàng không 4 sao” 3 năm liên tiếp theo tiêu chuẩn của Tổ chức đánh giá và xếp hạng hàng không SkyTrax
- Giải thưởng Hãng hàng không 4 sao toàn cầu của Tổ chức APEX;

- Vietnam Airlines và Jetstar Pacific được xếp hạng tuyệt đối 7/7 sao về an toàn hàng không do Airlines Ratings bình chọn;
- Giải thưởng “The Best Tourism Marketing Award 2018” do Hội chợ du lịch quốc tế Busan lần thứ 21 tại Hàn Quốc xét chọn;
- 02 giải thưởng “Hãng hàng không hàng đầu thế giới về hạng phổ thông đặc biệt” và Hãng hàng không hàng đầu thế giới về bản sắc văn hóa”
- Hãng hàng không lớn được yêu thích nhất Châu Á – Traveller’s Choice Major Airlines – Asia 2018 do TripAdvisor trao tặng;
- Top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam (Vietnam Airlines đứng thứ 8 với 416 triệu USD, tăng 34% về giá trị và 1 bậc về vị trí so với năm 2017) theo báo cáo của Brand Finance – công ty định giá thương hiệu hàng đầu thế giới;
- Top 10 nhãn hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng;
- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2018, Vietnam Airlines nằm trong Top 10 doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam;
- Top 10 doanh nghiệp Upcom được vinh danh công bố thông tin minh bạch và công khai trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2017 -2018;
- Giải vàng đối tác chiến lược ITE 2018 cho Hội chợ Du lịch quốc tế tại TP. Hồ Chí Minh do Tổng cục Du lịch trao tặng (Nhà vận chuyển chính thức);
- Thương hiệu quốc gia Việt Nam (Vietnam Value) có giá trị trong 2 năm: 2018 và 2019.
- Bằng khen của Chủ tịch Hội nhà báo Việt Nam về thành tích xuất sắc đóng góp vào thành công của Liên hoan toàn quốc tiếng hát Người làm báo Việt Nam.
- Thương hiệu vàng (12 năm liên tiếp từ 2005 – 2018).

Năm 2019

- Chứng chỉ “Hãng hàng không 4 sao” 4 năm liên tiếp theo tiêu chuẩn của Tổ chức đánh giá và xếp hạng hàng không SkyTrax
- Giải thưởng “Hãng hàng không dẫn đầu thế giới về bản sắc văn hóa” và Hãng hàng không dẫn đầu thế giới về hạng phổ thông đặc biệt” do Tổ chức Giải thưởng du lịch quốc tế - World Travel Awards trao tặng.
- Giải thưởng “Hãng hàng không dẫn đầu châu Á về hạng phổ thông đặc biệt và “Hãng hàng không dẫn đầu châu Á về Thương hiệu” do Tổ chức Giải thưởng du lịch quốc tế - World Travel Awards trao tặng.
- Giải thưởng “Hãng hàng không vận tải nhiều khách du lịch nhất năm 2019 của Tổng cục Du lịch Việt Nam
- “Top 50 công ty niêm yết tốt nhất” do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn;
- Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2019;

- Top 5 Hãng hàng không đạt độ tin cậy cất cánh máy bay Airbus A350XWB cao nhất thế giới do nhà sản xuất máy bay Airbus bình chọn.
- Giải thưởng uy tín của tổ chức Công nghiệp điện toán châu Á – châu Đại Dương (Asocio Awards năm 2019 dành cho Tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin xuất sắc.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế về thành tích xuất sắc trong việc thực hiện thành công 15 ca ghép tạng từ 12/8-18/8/2019 (VNA hỗ trợ vận chuyển mô tạng người phục vụ hoạt động cấy, ghép tạng).
- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về đóng góp, tham gia tài trợ để tổ chức sự kiện Ngày Tây Ninh tại Hà Nội năm 2019.

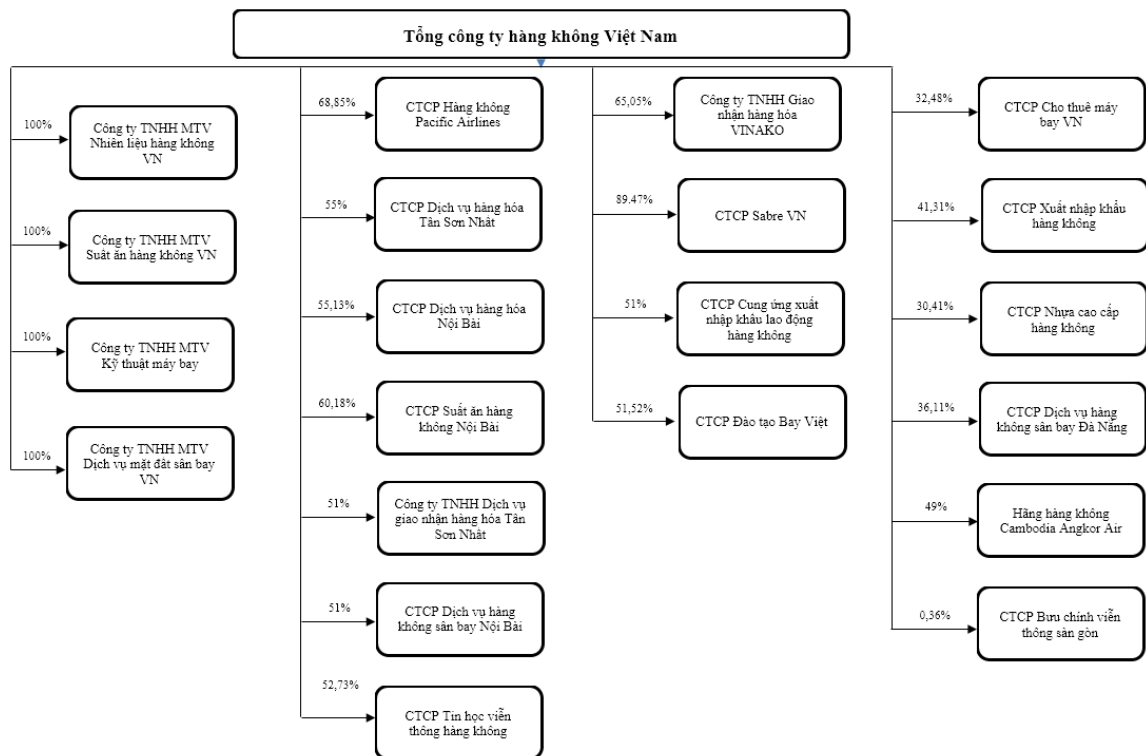
Năm 2020

- Vietnam Airlines là thương hiệu có trải nghiệm khách hàng xuất sắc nhất Việt Nam do KPMG – một trong những công ty kiểm toán và tư vấn hàng đầu thế giới công bố kết quả khảo sát những thương hiệu Việt Nam có trải nghiệm khách hàng xuất sắc nhất (Top brand in Vietnam), trong đó Vietnam Airlines được xếp vị trí số 1 và là đại diện duy nhất của ngành hàng không.
- Top 10 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam do Campaign Asia - Pacific khảo sát;
- Hãng hàng không MICE tốt nhất thế giới năm 2020 (World's Best MICE Airline 2020) do World Travel Awards trao tặng.
- Hãng hàng không dẫn đầu thế giới về bản sắc văn hóa – do World Travel Awards trao tặng
- Giải thưởng “Hãng hàng không hàng đầu Châu Á về bản sắc văn hoá”, “Hãng hàng không hàng đầu Châu Á về hạng Phổ thông và Phổ thông đặc biệt” do World Travel Awards 2020 cấp khu vực châu Á trao tặng.
- Vietnam Airlines tiếp tục dẫn đầu bảng xếp hạng thương hiệu tốt nhất tại Việt Nam năm 2020 (Kết quả do YouGov - tập đoàn nghiên cứu và phân tích dữ liệu uy tín quốc tế có trụ sở tại Anh - công bố trong Bảng xếp hạng thương hiệu toàn cầu - BrandIndex Rankings 2020).
- Danh hiệu “Doanh nghiệp nộp thuế tiêu biểu” do Tổng Cục thuế bình chọn và trao tặng.
- Top 50 doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam năm thứ tư liên tiếp do VNR500 bình chọn (VNA đứng thứ 7);
- Top 5 doanh nghiệp Vận tải xuất sắc nhất Việt Nam (VNA đứng thứ nhất)
- Top 10 Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2020;
- Thương hiệu quốc gia Việt Nam (Vietnam Value) có giá trị trong 2 năm: 2020 và 2021;
- Giải thưởng “Thương hiệu Vàng năm 2020” và “Thương hiệu Việt được yêu thích nhất năm 2020” tại Lễ trao giải thưởng Thương hiệu Việt yêu thích nhất năm 2020;

- Giữ vị trí số 1 năm thứ 3 liên tiếp trong Top 10 “Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam” năm 2020 của Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam;
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế về thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống Covid-19 và về đóng góp trong công tác phòng, chống dịch Covid-19;
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thành tích tiêu biểu xuất sắc trong việc chấp hành pháp luật Thuế và thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách nhà nước.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Biểu đồ 4: Cơ cấu tổ chức của VNA



Nguồn: VNA

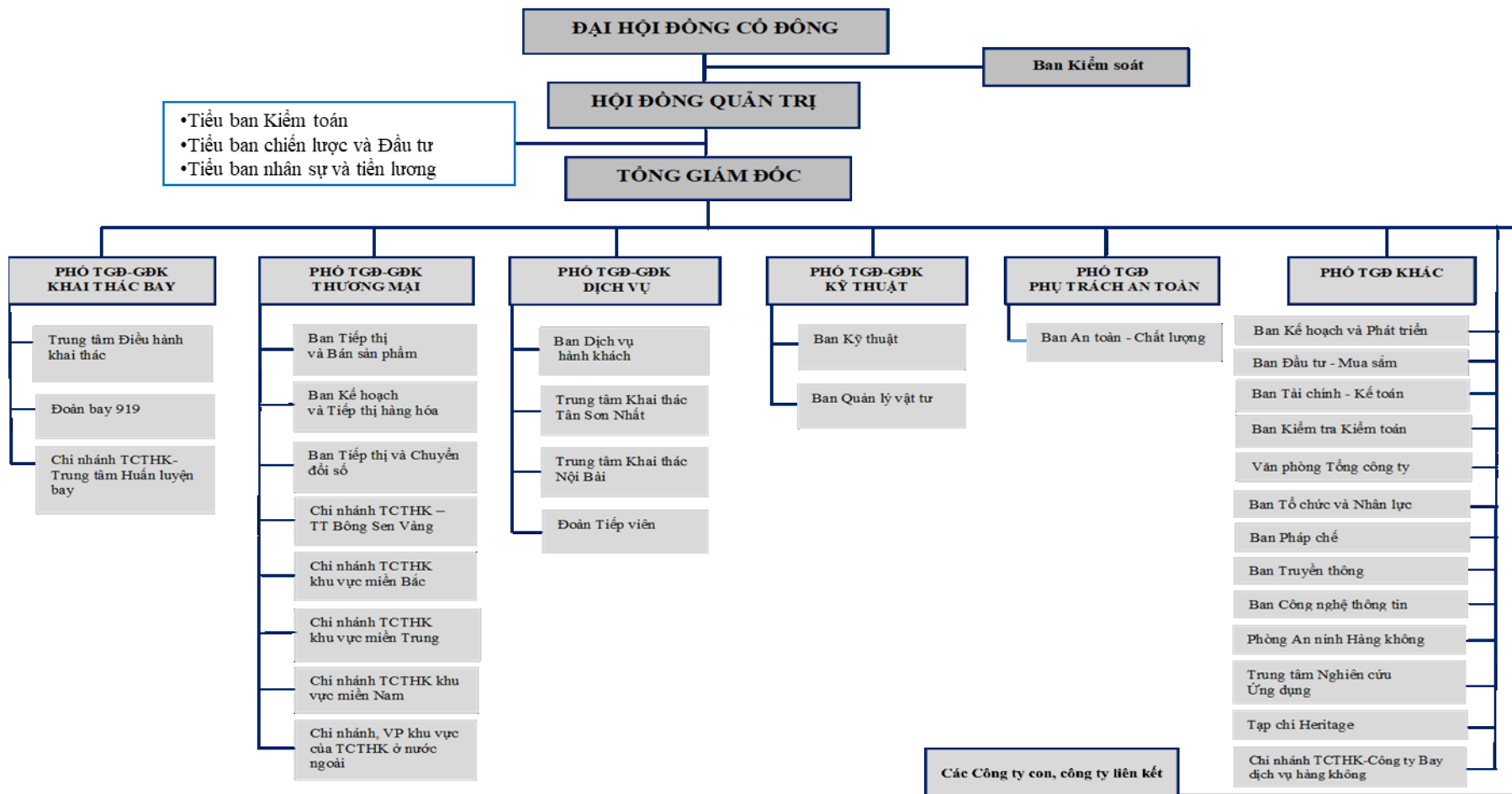
Cơ cấu tổ chức của Vietnam Airlines được vận hành theo mô hình công ty mẹ (Vietnam Airlines) và các đơn vị thành viên, được phân tách thành 3 nhóm: VNA sở hữu 100% vốn điều lệ, sở hữu trên 50% vốn điều lệ và dưới 50% vốn điều lệ. Thông tin chi tiết về các đơn vị thành viên này được trình bày tại mục 5 Phần IV: *Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.*

[Phần dưới của trang này được cố tình để trống]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Biểu đồ 5: Sơ đồ tổ chức của VNA (thời điểm 30/06/2021)

Nguồn: VNA



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của VNA, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý VNA, có toàn quyền nhân danh VNA để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của VNA không thuộc thẩm quyền ĐHCĐ. HĐQT phải có tối thiểu là năm (05) thành viên và không quá chín (09) thành viên, số lượng thành viên HĐQT cụ thể sẽ do ĐHCĐ quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên HĐQT do ĐHCĐ bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế. Hiện tại, HĐQT của VNA gồm 05 thành viên, không có thành viên HĐQT độc lập, danh sách chi tiết như sau:

- Ông Đặng Ngọc Hòa Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Hồng Hà Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT
- Ông Tạ Mạnh Hùng Thành viên HĐQT
- Ông Lê Trường Giang Thành viên HĐQT
- Ông Tomoji Ishii Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát (BKS)

BKS là cơ quan do ĐHCĐ bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành VNA, thực trạng tài chính của VNA và chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong thực hiện nhiệm vụ được giao. BKS có từ ba (03) đến năm (05) thành viên do ĐHCĐ bầu, trong đó có hơn một phần hai (1/2) tổng số thành viên thường trú tại Việt Nam. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hiện tại, BKS của VNA gồm 03 thành viên, danh sách chi tiết như sau:

- Bà Nguyễn Thị Thiên Kim Trưởng ban Kiểm soát
- Ông Mai Hữu Thọ Thành viên BKS
- Ông Nguyễn Thanh Tùng Thành viên BKS

Ban Giám đốc điều hành

Ban Giám đốc điều hành VNA là cấp quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của VNA, đứng đầu là Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm một người trong số các thành viên HĐQT, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước Pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của VNA và về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của VNA. Hiện tại, Ban Giám đốc điều hành của VNA gồm 07 thành viên, danh sách chi tiết như sau:

- Ông Lê Hồng Hà Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Hồng Lĩnh Phó Tổng Giám đốc

- Ông Trịnh Ngọc Thành Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trịnh Hồng Quang Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Chiến Thắng Phó Tổng Giám đốc
- Ông Tô Ngọc Giang Phó Tổng Giám đốc
- Ông Đinh Văn Tuấn Phó Tổng Giám đốc

Các Tiểu ban giúp việc HĐQT

HĐQT có thể thành lập và ủy quyền cho các Tiểu ban trực thuộc, giúp việc cho HĐQT, bao gồm:

- Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư: Tham mưu, tư vấn, giúp việc HĐQT trong công tác chiến lược, đầu tư; thực hiện thẩm định đối với các dự án lớn, quan trọng; đánh giá việc thực hiện chiến lược, đầu tư của VNA
- Tiểu ban Nhân sự và Tiền lương: Tham mưu, tư vấn, giúp việc HĐQT về các định hướng, chính sách trung hạn, dài hạn; đánh giá hiệu quả hoạt động đối với công tác tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương, đào tạo thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Tiểu ban Kiểm toán: Tham mưu, tư vấn, giúp việc HĐQT trong việc đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ, hoạt động kiểm toán và quản lý rủi ro hiệu quả và tuân thủ pháp luật; đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật và Điều lệ VNA.
- Tiểu ban khác theo quyết định của HĐQT

Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quyền lợi của các thành viên của các Ủy ban này và cơ chế làm việc của các Ủy ban do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

Bộ máy giúp việc chung cho HĐQT và Tổng Giám đốc

Giúp việc chung cho HĐQT và Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng; 19 văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ và các cơ quan tương đương của VNA.

Cơ cấu tổ chức hoạt động của VNA bao gồm:

- Trụ sở chính tại địa chỉ: số 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
- 05 đơn vị trực thuộc và 25 chi nhánh trong nước
- 31 chi nhánh, văn phòng đại diện nước ngoài
- Các công ty con và công ty liên kết theo Điều lệ VNA

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.

Danh sách các công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, kèm theo thông tin cụ thể tính đến thời điểm nắm giữ gần nhất như sau:

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

VNA được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước, đại diện sở hữu phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tại VNA là 86,19%.

5.2. Danh sách công ty con VNA nắm giữ 100%

🌸 Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Mặt Đất Sân Bay Việt Nam (VIAGS)


- Ngày thành lập: 01/01/2016
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0313587386 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/01/2016
- Địa chỉ: 49 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-028) 3547 2288 Fax: (84-028) 3547 1188
- Website: <https://www.viags.vn/>
- Hoạt động kinh doanh chính: dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 250.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại Doanh nghiệp (31/12/2020): 100%

🌸 Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC)

- Ngày thành lập: 19/7/2010
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100107638 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/7/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 21/01/2020
- Địa chỉ: Số 202 phố Nguyễn Sơn, Phường Bò Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 38272316 Fax: (84-024) 38272317
- Website: <http://www.skypec.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 800.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 100%


 **Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)**

- Ngày thành lập: 02/4/2008
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102713673 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/4/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/06/2021
- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 38865532 Fax: (84-024) 38865532
- Website: <http://www.vaeco.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 1.093.117.074.332 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 100%

 **Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam (VACS)**

- Ngày thành lập: 13/8/2013
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300691598 do Sở Kế hoạch đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/8/2013; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 3/3/2020
- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt nam
- Số điện thoại: (84-024) 38448367 Fax: (84-024) 38446719
- Website: <http://www.vacs.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 85.448.232.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 100%

5.3. Danh sách công ty con VNA nắm giữ trên 50%

 **CTCP Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS)**

- Ngày thành lập: 16/12/2008
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301215249 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/12/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/11/2020
- Địa chỉ: Số 46-48 đường Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-028) 38486489 Fax: (84-028) 38427944
- Website: <http://www.tcs.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

- Vốn điều lệ (31/12/2020): 93.726.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 55%

 **Công ty TNHH Giao nhận Hàng hóa Vinako (VINAKO)**

- Ngày thành lập: 17/01/2007
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300587886 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/01/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20/4/2018
- Địa chỉ: Số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-028) 3848 5353 Fax: (84-028) 3848 5353
- Website: <http://www.vinakoforwarding.com>
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 8.578.051.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 65,05%

 **CTCP Suất ăn Hàng không Nội Bài (NCS)**

- Ngày thành lập: 07/7/2004
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101509403 do Sở Kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/7/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 1/2/2021
- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 8840289 Fax: (84-024) 3884 0199
- Website: <http://www.noibaicatering.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 179.490.980.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 60,17%

 **CTCP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NCTS)**

- Ngày thành lập: 19/4/2005
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101640729 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/4/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 6/5/2016
- Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 35840905 Fax: (84-024) 35840906
- Website: <http://www.noibaicargo.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không

- Vốn điều lệ (31/12/2020): 261.669.400.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 55,13%

🌸 Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)

- Ngày thành lập: 25/4/2006
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304312360 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/4/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 4/5/2016
- Địa chỉ: Số 6 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84-028) 38110633 Fax: (84-028) 38115522
- Website: <http://www.tecs.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 51.430.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 51%

🌸 CTCP Sabre Việt Nam (SABRE)

- Ngày thành lập: 13/5/2013
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100113825 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/5/2013; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/07/2021
- Địa chỉ: L3-K, M1, M5 Tầng 3, Sungrand Ancora, số 3 Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 39431975 Fax: (84-024) 39431972
- Website: <http://www.sabretn.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: thiết lập hệ thống đặt chỗ và các dịch vụ có liên quan thông qua hệ thống phân phối toàn cầu Sabre, tổng đài chăm sóc khách hàng
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 5.200.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 51,69%

🌸 CTCP Cung ứng và Xuất Nhập Khẩu Lao động Hàng Không (ALSIMEXCO)

- Ngày thành lập: 23/06/2005
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100108399 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/06/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 28/05/2019
- Địa chỉ: Số 1, ngõ 200/10 phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 38732383 Fax: (84-024) 38730624

- Website: <http://www.alsimexco.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu lao động
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 10.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 51%

CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (NASCO)

- Ngày thành lập: 5/4/2006
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100108254 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 5/4/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 14/9/2018
- Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài - xã Phú Minh - huyện Sóc Sơn - Hà Nội
- Số điện thoại: (84-024) 3.884.0085 Fax: (84-024) 3886 5555
- Website: www.nasco.com.vn
- Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ vận tải hàng không
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 83.157.640.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 51%

CTCP Tin học viễn thông Hàng không (AITS)

- Ngày thành lập: 11/11/2008
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103019524 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/11/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 1/3/2019
- Địa chỉ: Tòa nhà Airimex, Số 414 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 62521555 Fax: (84-024) 3873 0892
- Website: <http://www.aits.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ tin học viễn thông
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 58.031.660.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 52,73%

CTCP Đào tạo Bay Việt (VFT)

- Ngày thành lập: 11/6/2008
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305790306 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/6/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/1/2011
- Địa chỉ: 117 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Số điện thoại: +84 909345860
- Website: bayviet.com.vn
- Hoạt động kinh doanh chính: Đào tạo phi công
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 66.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 51,52%

CTCP Hàng không Pacific Airlines (PA)

- Ngày thành lập: 12/12/1990 theo Quyết định số 2355/TCCB-LĐ của Bộ GTVT và Bộ Điện
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301103030 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/10/1992; đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 21/08/2020
- Địa chỉ: 112 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-028) 3628 0058 Fax: (84-028) 35474515
- Website: <http://www.pacificairlines.com>
- Hoạt động kinh doanh chính: Vận tải hành khách hàng không
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 3.522.081.420.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 68,85%

5.4. Danh sách những công ty mà VNA đang nắm giữ cổ phần không chi phối

CTCP Cho thuê máy bay Việt Nam (VALC)

- Ngày thành lập: 08/10/2007
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102384108 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/10/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 05/9/2019
- Địa chỉ: Tầng 06, Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: (84-024) 3577 2225 Fax: (84-024) 35772270
- Website: <http://www.valc.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Mua và cho thuê, thuê và cho thuê lại máy bay
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 63.315.837 USD
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 32,48%

CTCP Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng (MASCO)

- Ngày thành lập: 5/4/2006

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3203000950 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 5/4/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 20/4/2017
- Địa chỉ: sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Số điện thoại: (84-0236) 3830340 Fax: (84-0236) 3826824
- Website: <http://www.masco.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ sân bay
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 42.676.830.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 36,11%

CTCP Xuất Nhập khẩu Hàng không (AIRIMEX)

- Ngày thành lập: 18/5/2006
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100107934 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/5/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 16/03/2021
- Địa chỉ: Số 414 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-024) 38271939 Fax: (84-024) 38271925
- Website: <http://www.airimex.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Nhập khẩu/phân phối phụ tùng máy bay và các thiết bị mặt đất sân bay
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 31.112.830.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 41,31%

Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air (K6)

- Ngày thành lập: 28/12/2011
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Co.5834M/2009 do Bộ Thương mại Campuchia cấp ngày 28/12/2011
- Địa chỉ: #206A, Preah Norodom Blvd, Tonle Bassac, Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia.
- Số điện thoại: +855 23 66 000 26 Fax: +855 23 224 164
- Website: <http://www.cambodiaangkorair.com>
- Hoạt động kinh doanh chính: Vận tải hành khách và hàng hóa hàng không
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 100.000.000 USD (Tương đương 2.313.100.000.000 đồng)
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 49%

 **Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không (APLACO)**

- Ngày thành lập: 01/06/2006
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100108825 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/06/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 21/12/2015
- Địa chỉ: Ngõ 200 đường Nguyễn Sơn (Lâm Hạ), Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội
- Số điện thoại: 0968671586 Fax: 8730769
- Website: <http://www.aplaco.com.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: công nghiệp nhựa cao cấp
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 17.280.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 30,41%

 **CTCP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT)**

- Ngày thành lập: 17/10/1996
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300849034 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/10/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 20/10/2015
- Địa chỉ: Số 10 Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-028) 5444 9999 Fax: (84-028) 5404 0609
- Website: <http://www.spt.vn>
- Hoạt động kinh doanh chính: Viễn thông
- Vốn điều lệ (31/12/2020): 1.203.917.290.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của VNA tại doanh nghiệp (31/12/2020): 0,36%

6. Thông tin về quá trình tăng/giảm vốn điều lệ

Thông tin về các đợt tăng, giảm vốn kể từ thời điểm hoạt động theo hình thức công ty cổ phần bao gồm thời điểm tăng/giảm vốn, giá trị vốn tăng/giảm, hình thức tăng/giảm vốn, đơn vị cấp, ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có) của VNA như sau:

[Phần dưới của trang này được cố tình để trống]

Bảng 1: Quá trình thay đổi vốn điều lệ của VNA

STT	Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	04/2015		11.198.648.400.000		<ul style="list-style-type: none"> Quyết định số 1611/QĐ-TTg ngày 10/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam về phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam
2	07/2016	1.076.689.380.000	12.275.337.780.000	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/3/2015; Công văn số 3340/UBCK-QLCB ngày 17/06/2016 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã tiếp nhận hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ; Công văn số 4399/UBCK-QLCB ngày 7/7/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán riêng lẻ cổ phiếu của VNA.
3	12/2018	1.907.570.690.000	14.182.908.470.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2017; Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 21/GCN-UBCK ngày 04/04/2018 được gia hạn bởi Quyết định số 570/QĐ-UBCK ngày 29/06/2018 về việc chấp thuận gia hạn Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho VNA.

Nguồn: VNA

Lần 1: Triển khai công tác cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam theo Quyết định số 1611/QĐ-TTg ngày 10/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

- Vốn điều lệ trước khi cổ phần hóa: 9.023.171.403.149 đồng;
- Thay đổi vốn điều lệ khi cổ phần hóa: Giữ nguyên phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;
- Ngày quyết toán vốn bàn giao sang công ty cổ phần: 31/3/2015;
- Vốn điều lệ sau khi cổ phần hóa: 11.198.648.400.000 đồng.

Căn cứ thực hiện:

- Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 16/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng không Việt Nam giai đoạn 2012-2015;
- Công văn số 291/VPCP-ĐMDN ngày 14/1/2008 của Văn phòng Chính phủ về việc cổ phần hóa VNA;
- Công văn số 2129/VPCP-ĐMDN ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước của Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Công văn số 3184/VPCP-ĐMDN ngày 07/5/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp VNA;
- Công văn số 315/BGTVT-TC ngày 9/1/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa VNA;
- Quyết định số 1807/QĐ-BGTVT ngày 14/5/2014 của Bộ Giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Quyết định số 1611/QĐ-TTg ngày 10/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Quyết định số 3584/QĐ-BGTVT ngày 24/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu và địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Quyết định số 3207/QĐ-BGTVT ngày 13/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải về quyết toán số tiền thu cổ phần hóa, quyết toán chi phí cổ phần hóa, xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của VNA.

Lần 2: Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược nước ngoài

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 11.198.648.400.000 đồng;
- Hình thức tăng vốn: chào bán riêng lẻ cho cổ đông nước ngoài;
- Cổ đông nước ngoài: ANA Holdings Inc.;

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 107.668.938 cổ phiếu;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 12.275.337.780.000 đồng;
- Ngày bắt đầu chào bán: 30/09/2014;
- Ngày phát hành báo cáo kiểm toán vốn: 20/06/2017;
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Hạn chế chuyển nhượng trong 05 năm kể từ ngày 01/07/2016;
- Tổng số lượng cổ phiếu sau phát hành: 1.227.533.778 cổ phiếu.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất của VNA số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/3/2015;
- Công văn số 933/VPCP-ĐMDN ngày 16 tháng 05 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính Phủ Vương Đình Huệ về việc bán cổ phần tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP cho nhà đầu tư chiến lược;
- Quyết định số 138/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP;
- Công văn số 3340/UBCK-QLCB ngày 17/06/2016 về việc tiếp nhận hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
- Công văn số 4399/UBCK-QLCB ngày 07/07/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán riêng lẻ cổ phiếu của VNA;
- *Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:* Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã kiểm tra tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán trên là phù hợp với phương án tăng vốn đã được ĐHĐCĐ của VNA thông qua, theo “Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược” số 16-02-266 được lập ngày 20/09/2016 bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Lần 3: Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 12.275.337.780.000 đồng;
- Hình thức tăng vốn: chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 190.757.069 cổ phiếu;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 14.182.908.470.000 đồng;
- Ngày bắt đầu đợt chào bán: 7/5/2018;
- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 14/12/2018;
- Tổng số lượng cổ phiếu sau phát hành: 1.418.290.847 cổ phiếu.

Căn cứ thực hiện:

- Công văn số 1567/TTg-CN ngày 18 tháng 10 năm 2007 và số 1567/TTg-KTN ngày 22 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển đội bay của Tổng công ty Hàng không Việt nam (trước CPH) đến năm 2020;
- Quyết định 1611/QĐ-TTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ-Tổng công ty Hàng không Việt Nam;
- Công văn số 933/VPCP-ĐMDN ngày 16 tháng 05 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính Phủ Vương Đình Huệ về việc bán cổ phần tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP cho nhà đầu tư chiến lược;
- Quyết định số 138/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của VNA số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2017;
- Nghị quyết số 1323/NQ-HĐQT-TCTHK ngày 14/7/2017 phê duyệt hồ sơ phát hành;
- Nghị quyết số 225/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 06/02/2018 của HĐQT bổ sung về phương án phát hành chi tiết;
- Quyết định số 480/QĐ-BGTVT ngày 12/03/2018 của Bộ GTVT phê duyệt phương án chuyển nhượng quyền mua cổ phần;
- Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 21/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/04/2018;
- Quyết định số 570/QĐ-UBCK ngày 29/6/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP;
- Công văn số 1466/VPCP-ĐMDN ngày 26/5/2017 của VPCP thông báo ý kiến của Phó Thủ Tướng Chính Phủ Vương Đình Huệ về phương án tăng vốn điều lệ của VNA;
- Nghị quyết 124/NQ-CP ngày 6/10/2018 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại phiên họp Chính Phủ thường kỳ tháng 9/2018 trong đó có nội dung Chính phủ thống nhất tiếp tục thực hiện chủ trương Cổ đông Nhà nước mua thêm cổ phần khi VNA phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Công văn số 146/UBCK-QLCB ngày 05/01/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của VNA.
- *Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:* Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã kiểm tra tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán trên là phù hợp với phương án tăng vốn đã được ĐHĐCĐ của VNA thông qua, theo “Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu” số 18-02-168-19-1 được lập ngày 17/01/2019 bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của VNA tại các doanh nghiệp khác

Trong các năm 2019, 2020 và đến thời điểm hiện tại, VNA không triển khai góp vốn và thoái vốn tại các doanh nghiệp khác có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành
8.1. Cổ phiếu phổ thông

Số lượng lưu hành: 1.418.290.847 cổ phiếu

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 04/06/2021 VNA

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	22.329	1.288.502.074	12.885.021	90,8%
1	Tổ chức	62	1.240.355.845	12.403.559	87,5%
a.	Nhà nước	1	1.222.368.291	12.223.683	86,2%
b.	Tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ > 50% vốn điều lệ	6	48.575	486	0,0%
c.	Tổ chức khác	55	17.938.979	179.390	1,3%
2	Cá nhân	22.267	48.146.229	481.462	3,3%
II.	Nước ngoài	614	129.788.773	1.297.888	9,2%
1	Tổ chức	33	128.169.075	1.281.691	9,0%
2	Cá nhân	581	1.619.698	16.197	0,2%
TỔNG CỘNG		22.943	1.418.290.847	14.182.908	100,0%

Nguồn: VSD

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi đang lưu hành.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Công ty không có các chứng khoán khác đang lưu hành như trái phiếu, trái phiếu chuyên đổi...

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài
9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA theo quy định pháp luật

Hiện VNA đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 01/01/2021. Thông tin về lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh của VNA đã được đăng tải trên Cổng thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo đường link:

<https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=aa>

Theo quy định tại Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016

của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, điều kiện nhà đầu tư nước ngoài đối với ngành nghề kinh doanh vận tải hàng không chiếm không quá 34% vốn điều lệ của VNA.

Trong ngành nghề đăng ký kinh doanh của VNA có nhóm ngành mà tỷ lệ sở hữu nước ngoài bị giới hạn là 0%. Cụ thể như sau:

TT	Tên ngành, nghề của VNA	Giới hạn sở hữu nước ngoài
1	Mã ngành: 5223 <i>Hoạt động hàng không chung (...bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng)</i>	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% <i>Kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại (hàng hóa dịch vụ phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng) là các ngành chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo Mục A.1 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, Nghị định 94/2017/NĐ-CP</i>
2	Mã ngành: 5813, 5819 <i>Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ; Hoạt động xuất bản khác</i>	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% <i>Hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức là các ngành chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo Mục A.2 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</i>
3	Mã ngành: 4610 <i>Đại lý môi giới, đấu giá hàng hóa: Đại lý bán lẻ xăng dầu; Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài.</i>	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% <i>Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối (Dầu thô, dầu đã qua chế biến) là các ngành chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo Mục A.16 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, Phụ lục 3 Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương</i>
4	Mã ngành: 7912, 5510, 7911 <i>Kinh doanh du lịch bao gồm: Du lịch lữ hành; Kinh doanh lưu trú du lịch; Vận chuyển hành khách</i>	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% <i>Kinh doanh dịch vụ lữ hành, trừ dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam là các ngành chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư</i>

TT	Tên ngành, nghề của VNA	Giới hạn sở hữu nước ngoài
	<i>du lịch, phát triển khu du lịch và điểm du lịch...</i>	nước ngoài theo Mục A.25 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Theo Khoản 1 Điều 139 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng được xác định như sau:

“a) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà điều ước quốc tế có Việt Nam là thành viên quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật liên quan có quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó;

c) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thì thực hiện theo quy định về sở hữu nước ngoài tại danh mục. Trường hợp ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện tại danh mục không quy định cụ thể điều kiện tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 50% vốn điều lệ;

d) Công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế;

đ) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

e) Trường hợp công ty đại chúng quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ cụ thể phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ công ty.”

Nghị định 155/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, theo đó do VNA có hoạt động kinh doanh đăng ký đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, nên tỷ lệ sở hữu nước ngoài không được vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác.

Vậy theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP, giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VNA là 0% cho đến khi VNA điều chỉnh đăng ký ngành nghề đăng ký kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty

Theo quy định tại Điều 16 Điều lệ hoạt động của Công ty, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA được xác định theo quy định Pháp luật.

9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại

Căn cứ danh sách cổ đông của VNA tại ngày 04/6/2021, tỷ lệ sở hữu của các cổ đông nước ngoài tại VNA là 9,15% vốn điều lệ VNA, trong đó cổ đông chiến lược ANA sở hữu 8,77%¹. Do đó, để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và quyền lợi của cổ đông, VNA đã có lộ trình sửa đổi Điều lệ và Giấy đăng ký kinh doanh để đảm bảo phù hợp với quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan.

Trong đợt phát hành này, VNA xin cam kết bảo đảm không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty, đồng thời sau khi hoàn thành việc phát hành sẽ rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA theo đúng quy định.

10. Hoạt động kinh doanh

VNA là hãng hàng không hàng đầu Việt Nam. Trong hơn 25 năm qua, với tốc độ tăng trưởng trung bình luôn đạt mức hai con số, VNA đã không ngừng lớn mạnh và vươn lên trở thành một hãng hàng không có uy tín, tầm cỡ trong khu vực nhờ thế mạnh về đội bay hiện đại, mạng đường bay rộng khắp, lịch nối chuyến thuận lợi, dịch vụ đạt tiêu chuẩn 4 sao.

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng


a. Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính

Trải qua 26 năm hình thành và phát triển, VNA với vai trò là Hãng hàng không quốc gia không ngừng nỗ lực để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ đa dạng có thể đáp ứng tốt các nhu cầu của khách hàng đi lại bằng đường hàng không. Các sản phẩm, dịch vụ chính của VNA gồm có:

- (i) **Hoạt động vận tải hàng không:** Sản phẩm vận chuyển hành khách, hàng hóa (hàng hóa, hành lý, bưu kiện, bưu phẩm, thư...) trong nước, quốc tế và thuê chuyến; Dịch vụ mặt đất (đặt giữ chỗ, check-in, phòng chờ...) và dịch vụ trên không (suất ăn, giải trí không dây, dịch vụ WiFi kết nối Internet...).
- (ii) **Hoạt động phụ trợ vận tải:** Các sản phẩm, dịch vụ phụ trợ khác như phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất cho các hãng hàng không quốc tế đi/đến Việt Nam (thường lệ và không thường lệ), hợp tác interlines với các hãng hàng không, cho thuê quảng cáo (trên một số ấn phẩm của VNA), cho thuê tài sản (máy bay, thuê nhà, mặt bằng, trang thiết bị...),
- (iii) **Các dịch vụ khác** (giao nhận, vận chuyển hành lý, bán hàng miễn thuế...).

¹ Tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài ANA Holdings Inc là 8,77% vốn điều lệ VNA tuân thủ theo các quy định về cổ phần hóa VNA: Quyết định số 1611/QĐ-TTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa VNA, Công văn số 933/VPCP-ĐMDN ngày 16/5/2016 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ về việc bán cổ phần tại VNA cho nhà đầu tư chiến lược và Quyết định số 138/QĐ-BGTVT ngày 18/5/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược của VNA. Ngoài ra, tại Thông báo số 10638 ngày 23/6/2016, Sở KHĐT TP. Hà Nội đã thông báo xác nhận ANA đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

b. *Đặc điểm, quy trình sản xuất kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ chính của VNA*

 **Đặc điểm**

- Phạm vi cung cấp sản phẩm, dịch vụ rộng khắp trong cả nước và quốc tế với các văn phòng đại diện ở 19 quốc gia, lực lượng lao động với nhiều lao động đặc thù (phi công, thợ kỹ thuật, ...) và có rất nhiều quốc tịch khác nhau trên khắp thế giới.

- Sản phẩm bao gồm nhiều công đoạn hợp thành, quá trình tiêu thụ sản phẩm đồng thời với quá trình sản xuất và cung ứng sản phẩm; Nguyên vật liệu chủ yếu trong sản xuất phần lớn là mua ngoài và tiêu thụ trực tiếp vào quá trình sản xuất như: nhiên liệu máy bay, suất ăn trên máy bay; các dịch vụ phục vụ cho sản xuất khác như: phục vụ kỹ thuật thương mại cho chuyến bay, chỉ huy bay, đại lý bán vé máy bay.

- Khách hàng luôn là trung tâm, mỗi khách hàng là một cá thể riêng biệt cần phải được lắng nghe, được phục vụ riêng biệt và mong muốn tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có khả năng đáp ứng nhu cầu của từng khách hàng. Do đó mọi quyết định kinh doanh đều được dựa trên cơ sở tổng hợp phân tích dữ liệu và hướng tới khách hàng để đem đến những giá trị hữu ích dài hạn.

- Hình thành nhiều mô hình hợp tác quốc tế song phương, đa phương: liên danh, liên doanh, liên minh, thanh toán quốc tế (interlines/SPA)... (để tối ưu hóa nguồn lực, công nghệ, mở rộng mạng bay, đa dạng hóa sản phẩm).

- Điều hành sản xuất mang tính tập trung cao. Mặc dù quy mô hoạt động rộng khắp thế giới nhưng công việc điều hành liên quan đến khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, chính sách bán, quản lý chỗ...đều phải tập trung ở trụ sở chính.

- Tài sản lớn và quan trọng nhất mang lại doanh thu chính là đội tàu bay hoạt động khai thác của VNA. Đến hết năm 2020, đội bay khai thác của VNA là 107 chiếc, gồm các chủng loại máy bay mới, hiện đại (B787-9, A350, A321CEO, A321NEO, ATR72).

- Các sản phẩm dịch vụ dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố tác động bên ngoài như tình hình chính trị, chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai và các yếu tố kinh tế như lạm phát, giá nhiên liệu, biến động tỷ giá, tâm lý thị trường đều ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại giữa các khu vực thế giới cũng như trong nước...

 **Quy trình**

Vietnam Airlines thực hiện tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình, quy chế, hướng dẫn trong hoạt động kinh doanh và các quy định pháp luật chuyên ngành về vận tải hàng không. Các nhóm văn bản VNA cần tuân thủ bao gồm ba nhóm chính:

Quy trình:

- Quy trình nhận tàu bay;
- Quy trình phục vụ chuyên cơ;
- Quy trình quản lý sửa chữa động cơ, càn và động cơ phụ;
- Quy trình xây dựng, điều hành và quản lý chiết khấu thương mại;

Quy định:

- Quy định phục vụ hành khách, Quy định phối hợp triển khai thực hiện các chuyến bay chở hàng của VNA;
- Quy định về đảm bảo trang thiết bị nội thất tàu bay;
- Quy định phát thanh;
- Quy định về hoàn, hủy, đổi chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý và xử lý chứng từ vận chuyển giấy đã xuất bị mất, Quy định đặt chỗ hành khách và quản lý chuyến bay,

Tài liệu hướng dẫn (manual):

- Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa,
- Hướng dẫn khai thác hàng hóa, ,
- Tài liệu hướng dẫn tiếp viên trong khoang máy bay (“Cabin crew procedures manual”)
- Tài liệu Cabin Crew Operations Manual, Quy định của Tổng công ty Hàng không Việt Nam về giải quyết khiếu nại, bồi thường đối với hàng hóa, hàng bưu chính,
- Điều lệ Chương trình Bông sen vàng

c. Công nghệ áp dụng

- VNA triển khai đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trên tất cả các lĩnh vực với mục tiêu cải thiện doanh thu và tiết kiệm chi phí. Trong đó, nổi bật là việc sử dụng dòng tàu bay thế hệ mới như B787, A350 đã giúp giảm tiêu thụ nhiên liệu và lượng khí thải với chi phí bảo dưỡng thấp. Bên cạnh đó, dòng tàu bay này mang lại nhiều trải nghiệm mới tốt hơn cho khách hàng như không gian rộng, tạo cảm giác dễ chịu, thoải mái, hệ thống giải trí hiện đại, giảm chênh lệch áp suất, tăng độ ẩm trong khoang đã góp phần thu hút thêm khách sử dụng dịch vụ của VNA qua đó góp phần tăng doanh thu.

- Với việc đầu tư mạnh mẽ cho hạ tầng kỹ thuật, VNA đã đẩy mạnh các hình thức làm thủ tục trực tuyến qua website, ứng dụng di động và tăng cường các quầy tự làm thủ tục Kiosk check-in tại nhiều sân bay trong và ngoài nước. Từ năm 2019, VNA đã cho ra mắt phiên bản ứng dụng di động mới có nhiều tính năng hiện đại, dễ sử dụng, giúp cho hành khách có thể nhanh chóng tìm kiếm chuyến bay, tra cứu hành trình, đặt vé trực tuyến, cập nhật kịp thời các chương trình ưu đãi, dễ dàng quản lý và thực hiện các giao dịch thông qua tài khoản Bông Sen Vàng, tra cứu 67 bản đồ kỹ thuật số của 9 sân bay trong nước và 58 sân bay quốc tế... máy đọc thẻ boarding pass trong phục vụ ăn uống và công tác đối chiếu thanh toán cho các chuyến bay bị chậm, nhờ chuyến, khách Thương quyền 6. Bên cạnh đó, VNA còn mở rộng nhiều phương thức thanh toán trên nền tảng công nghệ mới như: thanh toán bằng QR code thông qua cổng thanh toán nội địa Napas (ứng dụng Momo, Moca) và cổng thanh toán nội địa VNPay; đồng thời bổ sung dịch vụ thanh toán trực tuyến SOFORT Banking tại các thị trường Đức, Thụy Sĩ và Áo... để tạo thuận lợi tối đa cho hành khách.

- Cùng với việc số hóa các chương trình giải trí trên chuyến bay, VNA cũng đã giới thiệu ứng dụng Microsite hoạt động song song và liên kết với website của Hãng được cập nhật theo chu kỳ 2 tháng/lần. Với 8 ngôn ngữ hiển thị bao gồm: Việt Nam, Anh, Pháp, Đức, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc, ứng dụng Microsite giúp cho hành khách có thể tự tra

cứu thông tin dịch vụ và lựa chọn các chương trình yêu thích trải nghiệm trên chuyến bay.

- Là hãng hàng không Việt Nam đầu tiên trang bị hệ thống Wireless streaming trên máy bay A321neo, VNA đã làm thay đổi “khái niệm” và mang đến cho hành khách trải nghiệm giải trí trên chuyến bay hoàn toàn mới lạ. Hành khách có hành trình bay dưới 03 giờ có thể sử dụng các thiết bị điện tử cá nhân như máy tính bảng, điện thoại thông minh, máy tính xách tay... ở chế độ máy bay để truy cập và thư giãn với các chương trình giải trí đặc sắc.

- Song song với việc phát triển đội máy bay mới hiện đại nhất thế giới, VNA luôn tiên phong đầu tư ứng dụng công nghệ tiên tiến một cách toàn diện. Trong lĩnh vực kỹ thuật, Hãng đã hợp tác với Boeing, Airbus, General Electric, Rolls-Royce... sử dụng các công nghệ hàng đầu thế giới như: Hệ thống phần mềm theo dõi trạng thái cho các máy bay Boeing (Aircraft Health Monitoring - AHM), Hệ thống phần mềm theo dõi trạng thái cho các máy bay Airbus (Aircraft Maintenance Analysis - AIRMAN), Hệ thống phần mềm theo dõi trạng thái động cơ máy bay (Advanced Diagnostic and Engine Management - ADEM)... để theo dõi tình trạng kỹ thuật theo thời gian thực 24/7, qua đó nâng cao độ tin cậy sẵn sàng khai thác cho đội máy bay thuộc loại cao trên thế giới.

- VNA cũng là hãng hàng không Việt Nam đầu tiên đã triển khai xong giai đoạn đầu của nền tảng dữ liệu mở Skywise được phát triển bởi Airbus và đối tác Big Data - Palantir. Skywise được đánh giá là “trái tim” của cuộc cách mạng số ngành hàng không. Hiện nay, VNA đã và đang triển khai tích hợp các cơ sở dữ liệu vào hệ thống Skywise như: thông tin lịch bay, kế hoạch bay (Netlines, FIM), dữ liệu cảm biến trên tàu bay (AGS), các cảnh báo kỹ thuật từ tàu bay (Airman)...

- Ngoài ra, VNA đưa vào khai thác nhiều phần mềm công nghệ thông để hỗ trợ cho công tác vận hành, quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như Phần mềm phân tích bán NAS-NRPS, phần mềm phân tích chất lượng an toàn khai thác, hệ thống REVERA, hệ thống thương mại điện tử, hệ thống phân bay, hệ thống quản lý và phân phối giá cước, hệ thống cơ sở dữ liệu Oracle,...


10.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động kinh doanh vận tải nói chung và vận tải hàng không nói riêng là hoạt động mang nặng tính thời vụ. Tính thời vụ thể hiện rõ trong từng mùa, từng tháng, từng ngày, từng giờ và thậm chí từng chiều bay trong cùng khung giờ. Cao điểm của ngành vận tải hàng không trong năm tập trung vào giai đoạn Tết nguyên đán và các tháng nghỉ hè.

10.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Tỷ trọng từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại của VNA chủ yếu phân loại theo ba lĩnh vực hoạt động chủ yếu là Hoạt động vận tải hàng không; Hoạt động phụ trợ vận tải và Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và hoạt động khác.

a. Sản lượng sản phẩm từng nhóm dịch vụ:

 **Vận tải hàng không:**

Sản lượng vận tải hành khách hàng không trong giai đoạn 2019 – 6T/2021 được trình bày

trong bảng sau:

Bảng 3: Kết quả hoạt động vận tải hành khách 2019 – 6T/2021

Chỉ tiêu	2019	2020	6T/2021
Khách (Triệu lượt khách)			
- Quốc tế	9,06	1,52	0,04
- Nội địa	13,82	12,61	5,29
Tổng mạng	22,88	14,13	5,32
Thị phần khách trên tổng thị trường (%) (*)			
- Quốc tế ²	23,4%	22,2%	15,5%
- Nội địa ³	38,8%	44,0%	41,5%
Tổng mạng	30,4%	39,4%	41,0%
Khách luân chuyển (1000 HK.km)			
- Quốc tế	27.080	5.114	169
- Nội địa	10.529	10.087	4.151
Tổng mạng	37.609	15.202	4.321
Ghế luân chuyển (1000 HK.km)			
- Quốc tế	33.783	7.360	327
- Nội địa	12.685	12.065	5.245
Tổng mạng	46.469	19.425	5.572
Ghế suất (%)			
- Quốc tế	80,2%	69,5%	51,8%
- Nội địa	83,0%	83,6%	79,2%
Tổng mạng	80,9%	78,3%	77,6%

Ghi chú: số liệu bao gồm VASCO; () bao gồm thuê chuyến*

Nguồn: VNA

Với việc đại dịch Covid – 19 bùng phát mạnh trên toàn thế giới, kể từ thời điểm tháng 3/2020, hoạt động vận chuyển hành khách quốc tế của VNA gần như đóng băng, chỉ còn đối tượng khách hồi hương và chuyên gia. Sản lượng vận chuyển hành khách của VNA tính trong giai đoạn 2019 – 6 tháng đầu năm 2021 đạt 42,33 triệu lượt khách, trong đó 25,1% là khách quốc tế và 74,9% là khách nội địa. Các chỉ tiêu sản lượng vận chuyển khác của VNA trong năm 2020 – 6 tháng đầu năm 2021 đều thấp hơn nhiều so năm 2019.

Sản lượng vận tải hàng hóa hàng không trong giai đoạn 2019 – 6T/2021 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4: Chi tiết kết quả vận tải hàng hóa

Chỉ tiêu	Thị trường	2019	2020	6T/2021
Số lượng hàng hóa luân chuyển	Nội địa	162.019	107.643	57.622

² Tính trên tổng lượt khách đi và đến Việt Nam tại các chuyến bay quốc tế

³ Tính trên tổng lượt khách vận chuyển nội địa trong các điểm đi – đến tại Việt Nam

Chỉ tiêu	Thị trường	2019	2020	6T/2021
(RTK, nghìn tấn km) ⁴	Quốc tế	842.051	392.844	163.799
	Tổng mạng	1.004.070	500.487	221.421
Tổng tải cung ứng km (ATK, nghìn tấn km) ⁵	Nội địa	223.847	265.771	117.861
	Quốc tế	1.091.862	473.213	184.194
	Tổng mạng	1.315.708	738.984	302.055
Hệ số chuyên chở hàng hóa (%) ⁶	Nội địa	72,4%	40,5%	48,9%
	Quốc tế	77,1%	83,0%	88,9%
	Tổng mạng	76,3%	67,7%	73,3%
Sản lượng hàng hóa vận chuyển (tấn)	Nội địa	160.449	104.615	54.883
	Quốc tế	186.667	90.696	41.367
	Tổng mạng	347.116	195.311	96.250
Thị phần	Nội địa	61,0%	56,0%	53,9%
	Quốc tế	18,5%	9,7%	8,1%
	Tổng mạng	27,3%	17,4%	15,7%

Nguồn: VNA

Tổng khối lượng hàng hóa VNA đã vận chuyển trong giai đoạn từ 2019 đến hết 6 tháng 2021 đạt 638.677 tấn, trong đó hàng hóa vận chuyển nội địa đạt 319.949 tấn và hàng hóa vận chuyển quốc tế đạt 318.730 tấn. Diễn biến chi tiết sản lượng qua các năm như sau:


- Năm 2019, VNA vận chuyển được 347 ngàn tấn hàng hóa, quốc tế chiếm 46%, nội địa chiếm 54%. Sang đến năm 2020, do dịch bệnh Covid-19, từ cuối tháng 3/2020, VNA phải dừng hầu hết các chuyến bay chở khách thường lệ đã ảnh hưởng lớn tới việc vận chuyển hàng hóa. Trong hình hình đó, VNA nhanh chóng chuyển đổi sử dụng máy bay chở khách để vận chuyển hàng hóa. Sản lượng vận chuyển năm 2020 giảm mạnh, bằng 56,3% so với năm 2019, đạt hơn 195 nghìn tấn. Trong 6 tháng năm 2021, VNA vận chuyển được 96 ngàn tấn trong đó hàng hóa quốc tế chiếm 43%, nội địa chiếm 57%.
- Sản lượng hàng hóa luân chuyển năm 2020 chỉ bằng 49,8% so với 2019, trong đó hàng hóa luân chuyển nội địa chỉ bằng 66,4% và luân chuyển hàng hóa quốc tế chỉ đạt 46,7% so với 2019, luân chuyển hàng hóa thực hiện năm 6 tháng năm 2021 đạt 221.421 nghìn tấn km bằng 69,3% so cùng kỳ 2020, hệ số chuyên chở đạt 73,3%, tăng 0,9 điểm so với năm 2020.

⁴ Số lượng hàng hóa luân chuyển: Là khối lượng vận tải hàng hóa tính theo cả hai yếu tố: Khối lượng hàng hóa vận chuyển và cự ly vận chuyển thực tế.

⁵ Tổng tải cung ứng km: Là khối lượng hàng hóa có thể cung ứng tính theo cả 2 yếu tố: Khối lượng hàng hóa cung ứng và cự ly vận chuyển.

⁶ Hệ số chuyên chở hàng hóa: Tỷ số giữa khối lượng vận chuyển thực tế với khối lượng vận chuyển định mức

Về thị phần khai thác hàng hóa, do tải cung ứng của VNA năm 2020 giảm dẫn đến VNA bị giảm thị phần (9,9 điểm phần trăm so với năm 2019). 6 tháng đầu năm 2021, thị phần VNA tiếp tục giảm 1,7 điểm so với 2020, đạt 15,7%.

 Phụ trợ vận tải và hoạt động khác:

Hoạt động Phụ trợ vận tải và Hoạt động Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và hoạt động khác: VNA không thực hiện thống kê sản lượng cho hai hoạt động này do đây là các hoạt động kinh doanh đa ngành nghề được gộp chung, không có thống kê cụ thể về sản lượng.

b. *Giá trị dịch vụ*

Doanh thu hoạt động kinh doanh của VNA 2 năm gần đây và đến thời điểm hiện tại như sau:

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Doanh thu	Năm 2019	Năm 2020	6T/2021
1	Doanh thu thuần	98.228.084	40.538.339	14.075.011
1.1	Doanh thu vận tải hàng không	78.025.575	31.300.537	9.359.072
	<i>Tỷ trọng/Doanh thu thuần</i>	<i>79,43%</i>	<i>77,21%</i>	<i>66,49%</i>
1.2	Doanh thu hoạt động phụ trợ vận tải	5.179.391	3.571.298	1.799.096
	<i>Tỷ trọng/Doanh thu thuần</i>	<i>5,27%</i>	<i>8,81%</i>	<i>12,78%</i>
1.3	<i>Doanh thu khác</i>	<i>15.023.118</i>	<i>5.666.504</i>	<i>2.613.535</i>
	<i>Tỷ trọng/Doanh thu thuần</i>	<i>15,29%</i>	<i>13,98%</i>	<i>18,57%</i>
1.3.1	Doanh thu bán hàng	14.022.492	4.983.692	2.579.739
	<i>Tỷ trọng/Doanh thu thuần</i>	<i>14,28%</i>	<i>12,29%</i>	<i>18,33%</i>
1.3.2	Doanh thu khác	1.000.626	682.812	33.796
	<i>Tỷ trọng/Doanh thu thuần</i>	<i>1,02%</i>	<i>1,68%</i>	<i>0,24%</i>
2	Doanh thu tài chính	1.139.599	882.309	247.334
3	Thu nhập khác	982.553	1.012.674	57.769

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021 của VNA

Năm 2019, trong cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất của VNA, doanh thu vận tải hàng không đạt hơn 78.025 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu thuần (79,43%). Năm 2020 con số này đạt hơn 31.300 tỷ đồng, giảm mạnh so với 2019 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Mảng hoạt động phụ trợ vận tải chiếm tỷ trọng trên doanh thu thuần tăng từ 5,27% trong năm 2019 lên 8,81% trong năm 2020.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021, doanh thu thuần của VNA đạt 14.075 tỷ đồng, trong đó đóng góp lớn nhất đến từ doanh thu kinh doanh vận tải hàng không (chiếm 66,49%). Tỷ trọng hoạt động phụ trợ vận tải trên doanh thu thuần tăng từ 8,81% năm 2020 lên 12,78% trong 6 tháng đầu năm 2021.

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần công ty mẹ
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Doanh thu	Năm 2019	Năm 2020	6T/2021
1	Doanh thu thuần	72.116.846	30.467.774	9.141.423
1.1	Doanh thu vận tải hàng không	71.086.760	29.720.582	8.866.651
	<i>Tỷ trọng/Doanh thu thuần</i>	<i>98,57%</i>	<i>97,55%</i>	<i>96,99%</i>
	<i>Quốc tế</i>	<i>43.445.582</i>	<i>10.690.102</i>	<i>2.716.267</i>
	<i>Nội địa</i>	<i>20.567.477</i>	<i>14.422.863</i>	<i>5.899.786</i>
	<i>Khác</i>	<i>7.073.701</i>	<i>4.607.617</i>	<i>250.598</i>
1.2	Doanh thu hoạt động phụ trợ vận tải	1.893.227	958.445	416.559
	<i>Tỷ trọng/Doanh thu thuần</i>	<i>2,63%</i>	<i>3,15%</i>	<i>4,56%</i>
1.3	Các khoản giảm trừ doanh thu	-863.140	-211.253	-141.787
	<i>Tỷ trọng/Doanh thu thuần</i>	<i>-1,20%</i>	<i>-0,69%</i>	<i>-1,55%</i>
2	Doanh thu tài chính	1.793.883	1.937.735	448.386
3	Doanh thu khác	783.165	860.968	25.971

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý II/2021 của VNA

Ghi chú: Tỷ lệ giá trị từng loại dịch vụ trong lợi nhuận gộp không có số liệu thống kê tại VNA do hoạt động kinh doanh của VNA là hoạt động liên kết chuỗi, mỗi hoạt động sử dụng chung nhiều nguồn thành tố chi phí.

10.2. Tài sản

10.2.1. Tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của VNA theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 30/06/2021 được tóm lược ở bảng sau:

[Phần dưới của trang này được cố tình để trống]

Bảng 7: Tài sản cố định hợp nhất
Đơn vị: tỷ đồng

	Nguyên giá			Giá trị còn lại		
	2019	2020	30/06/2021	2019	2020	30/06/2021
Tổng Tài sản cố định hữu hình	38.013,30	38.315,43	38.467,128	17.450,50	16.837,78	15.864,186
Máy bay, động cơ máy bay	28.826,09	28.709,19	28.708,524	13.851,58	13.424,68	12.619,597
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.490,31	2.561,22	2.580,904	1.328,46	1.278,69	1.238,376
Máy móc, thiết bị	3.929,65	4.048,02	4.063,701	1.342,78	1.174,89	1.050,872
Phương tiện vận tải mặt đất	1.659,56	1.785,55	1.888,551	580,46	641,89	680,513
Thiết bị, dụng cụ quản lý	787,10	889,99	903,996	216,29	198,97	166,008
Tài sản cố định hữu hình khác	320,59	321,45	321,452	130,93	118,66	108,819
Tổng Tài sản cố định thuê tài chính	46.845,07	44.667,78	44.667,901	29.268,07	27.468,91	26.188,516
Máy bay và động cơ máy bay	46.845,07	44.664,07	44.664,189	29.268,07	27.465,94	26.185,917
Máy móc, thiết bị văn phòng	-	3,71	3,712	-	2,97	2,599
Tổng tài sản cố định vô hình	739,54	777,63	781,155	237,43	224,47	201,576
Quyền sử dụng đất	72,58	73,25	73,247	68,63	69,21	69,150
Phần mềm máy tính	640,90	678,32	681,841	143,39	129,90	107,090
Khác	26,07	26,07	26,067	25,41	25,36	25,336

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021 của VNA

Bảng 8: Tài sản cố định công ty mẹ
Đơn vị: tỷ đồng

Loại tài sản	Nguyên giá			Giá trị còn lại		
	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
TSCĐ hữu hình	31.401,55	31.300,00	31.295,40	14.818,95	14.233,27	13.340,18
Máy bay, động cơ máy bay	28.826,09	28.709,19	28.708,52	13.851,58	13.424,68	12.619,597
Nhà cửa, vật kiến trúc	529,55	528,36	528,36	334,25	311,14	300,32
Máy móc thiết bị	1.527,93	1.564,11	1.563,26	478,05	397,03	341,72
Phương tiện vận tải mặt đất	192,35	131,57	129,33	65,11	40,55	36,58
Thiết bị dụng cụ quản lý	229,89	301,83	300,998	47,07	51,08	36,94
TSCĐ hữu hình khác	95,75	64,92	64,92	42,89	8,78	5,03
TSCĐ thuê tài chính	46.845,07	44.664,07	44.664,19	29.268,07	27.465,94	26.185,92
Máy bay và động cơ máy bay	46.845,07	44.664,07	44.664,19	29.268,07	27.465,94	26.185,92
TSCĐ vô hình	533,08	533,70	533,70	137,86	114,73	104,79
Quyền sử dụng đất	60,97	61,64	61,64	60,12	60,75	60,71
Phần mềm máy tính	472,11	472,06	472,06	77,73	53,98	44,08

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý II/2021 của VNA

Đối với khoản mục tài sản cố định, chiếm tỷ trọng lớn nhất là tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính. Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020, khoản mục tài sản cố định hữu hình chiếm khoảng 37,8% tài sản cố định; khoản mục tài sản cố định thuê tài chính chiếm khoảng 61,7% tài sản cố định. Trong khoản mục tài sản cố định, khoản mục máy bay và động cơ máy bay chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 91,8%.

Trong giai đoạn 2019-2020, VNA đã thực hiện phương án Sale & Lease Back (Bán và Thuê Lại) đối với 4 tàu bay A350 và 1 động cơ dự phòng PW1133G-JM của đội tàu bay A321 Neo thay vì thực hiện theo phương án mua/vay mua dẫn đến tài sản cố định không tăng. Giá trị tài sản cố định giảm chủ yếu do trích khấu hao các tài sản cố định hiện có trên sổ sách kế toán và thanh lý tàu bay (trong năm 2020 đã bán 3 tàu bay A321 sản xuất năm 2004-2005). Sang năm 2020, giá trị còn lại của tài sản cố định không biến động nhiều chủ yếu do VNA thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc ghi nhận khấu hao các máy bay khai thác và chi phí phân bổ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ áp dụng cho giai đoạn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.

10.2.2. Đất đai

Tổng số diện tích đất VNA đang sử dụng tại thời điểm 30/06/2021 là 265.530,7 m², cơ cấu như sau:

Bảng 9: Cơ cấu đất đai VNA đang quản lý

TT	Phân loại đất	31/12/2019		31/12/2020		30/6/2021	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất được Nhà nước giao	8.367,8	3,2	8.367,8	3,2	8.367,8	3,2
<i>a</i>	<i>Có thu tiền sử dụng đất lâu dài</i>	8.367,8		8.367,8		8.367,8	
<i>b</i>	<i>Không thu tiền sử dụng đất</i>	-		-		-	
2	Đất được Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm	257.162,9	96,8	257.162,9	96,8	257.162,9	96,8
	Tổng cộng	265.530,7	100%	265.530,7	100%	265.530,7	100%

Nguồn: VNA

Đến thời điểm 31/12/2020, VNA đang quản lý, sử dụng một số cơ sở đất đai lớn như sau:

Bảng 10: Danh mục một số cơ sở đất đai lớn VNA đang quản lý, sử dụng tại ngày 30/06/2021

STT	Tên lô đất	Địa chỉ lô đất	Tổng diện tích	Hình thức sử dụng đất	Ghi chú
1	Trụ sở VNA	Số 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội (Văn phòng Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP)	28.502,0	Đất thuê trả tiền hàng năm	Trụ sở văn phòng VNA
2	412 Nguyễn Văn Cừ	Số 412 Nguyễn Văn Cừ (100 Nguyễn Văn Cừ cũ) phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội (Kho hàng hóa)	5.110,8	Đất thuê trả tiền hàng năm	Trụ sở làm việc của đơn vị và kho hàng hóa của VNA
3	Trụ sở VASCO phía Bắc	Ngõ 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội (Trụ sở Công ty VASCO)	1.924,6	Đất thuê trả tiền hàng năm	Nhà điều hành phía Bắc của VASCO
4	114 Bạch Đằng	Số 114 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, TP. HCM	5.798,0	Đất thuê trả tiền hàng năm	Nhà điều hành sản xuất kinh doanh của VASCO
5	Trụ sở Đoàn bay Phía Bắc	Số 121 Nguyễn Sơn, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội (Trụ sở Đoàn bay phía Bắc)	21.699,9	Đất thuê trả tiền hàng năm	Nhà điều hành của Đoàn bay 919 - Miền Bắc
6	01 Hồng Hà	Số 01 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	18.733,1	Đất thuê trả tiền hàng năm	Nhà điều hành của Đoàn bay 919 - Miền Nam
7	108 Hồng Hà	Số 108 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	3.126,3	Đất thuê trả tiền hàng năm	Nhà điều hành khởi khai thác phía Nam của VNA

STT	Tên lô đất	Địa chỉ lô đất	Tổng diện tích	Hình thức sử dụng đất	Ghi chú
8	Trụ sở Đoàn tiếp viên phía Bắc	Ngõ 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội (Trụ sở Đoàn tiếp viên phía Bắc)	9.497,0	Đất thuê trả tiền hàng năm	Nhà điều hành của Đoàn Tiếp viên miền Bắc
9	25 Tràng Thi	25 Tràng Thi, phường Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội (Chi nhánh VNA miền Bắc)	309,3	Đất thuê trả tiền hàng năm	Phòng giao dịch và bán vé máy bay tại Hà Nội
10	7 Lê Nin	Trung tâm thương mại Hàng không - số 7 đường Lê Nin, TP.Vinh, Nghệ An	604,0	Đất thuê trả tiền hàng năm	Phòng giao dịch và bán vé máy bay tại Vinh - Nghệ An
11	23 Nguyễn Văn Cừ	Văn phòng đại diện tại 23 Nguyễn Văn Cừ - Phường Vĩnh Ninh - TP. Huế	842,0	Đất được giao có thu tiền sử dụng đất	Phòng giao dịch và bán vé máy bay tại Huế
12	Lô B2-2	Khu đất tại B2 - 2 Khu tái định cư tây nam ngã 4 Nguyễn Tri Phương - Điện Biên Phủ, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	331,5	Đất được giao có thu tiền sử dụng đất	Phòng giao dịch và bán vé máy bay tại Đà Nẵng
13	35 Trần Hưng Đạo	Văn phòng đại diện và phòng bán vé tại số 35 Trần Hưng Đạo - Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	487,0	Đất thuê trả tiền hàng năm	Văn phòng giao dịch và bán vé
14	17&19 Nơ Trang Long'	Văn phòng đại diện và phòng bán vé tại số 17&19 Nơ Trang Long, TP. Buôn Ma Thuột	185,8	Đất thuê trả tiền hàng năm	Văn phòng giao dịch và bán vé
15	15 Bis Đinh Tiên Hoàng	Số 15Bis Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	449,5	Đất thuê trả tiền hàng năm	Phòng giao dịch và bán vé máy bay
16	64-66 Nguyễn An Ninh	Phòng vé số 64-66 Nguyễn An Ninh - Phường Tân An - Quận Ninh Kiều - TP. Cần Thơ.	159,3	Đất được giao có thu tiền sử dụng đất	Phòng giao dịch và bán vé máy bay tại Cần Thơ

Nguồn: VNA

10.3. Thị trường hoạt động

Kinh doanh vận tải hàng không là hoạt động cơ bản mang lại phần lớn nguồn thu cho VNA. Kết quả hoạt động vận tải hàng không tại VNA gồm kết quả từ hoạt động thực hiện vận chuyển hàng không thường lệ, hoạt động chuyên cơ, thuê chuyên do Hãng hàng không quốc gia Việt Nam thực hiện và từ hoạt động bay phục vụ một số ngành kinh tế - kỹ thuật (chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, trồng rừng...) do Công ty bay dịch vụ Hàng không VASCO - một đơn vị trực thuộc VNA đảm nhiệm.

Thị trường của VNA có thể được phân tách thành hai nhóm chính là thị trường nội địa và thị trường quốc tế. Do đặc thù hoạt động kinh doanh, thống kê doanh thu và lợi nhuận theo từng thị trường của VNA chỉ được ghi nhận cho hoạt động vận tải hành khách. Số liệu doanh thu lợi nhuận trên hai thị trường quốc tế và nội địa được trình bày tại Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần công ty mẹ.

a. Năm 2019

Năm 2019, thị trường hàng không Việt Nam tiếp tục ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao so với mặt bằng chung của thế giới và khu vực tuy nhiên đã chậm lại so với giai đoạn trước, đặc biệt tại thị trường quốc tế. Các yếu tố chi phí đầu vào gặp nhiều thuận lợi như giá nhiên liệu ở mức thấp, tỷ giá USD/VND ổn định. Thị trường hàng không nội địa vô cùng sôi động với việc tham gia thị trường của Bamboo Airways và việc Vietjet tăng mạnh cung ứng để giữ thị phần. Với 66 đường bay quốc tế đến 34 điểm và 41 đường bay nội địa đến 22 điểm, cuối năm 2019, VNA vận chuyển được 22,88 triệu lượt khách, tăng 4,6% so năm trước. Thị trường hoạt động của VNA trải khắp các vùng miền của đất nước với mạng lưới 25 chi nhánh trong nước và có tầm bao phủ rộng về địa lý tại Châu Á, Châu Âu, Châu Úc và khu vực Bắc Mỹ với 31 chi nhánh, văn phòng đại diện nước ngoài tại 19 quốc gia trên thế giới. Năm 2019 là năm VNA mở số lượng đường bay mới nhiều nhất trong giai đoạn 2016-2019, cụ thể:

- Quốc tế: VNA mở mới 11 đường bay, trong đó 9 đường bay quốc tế, tập trung vào khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á, nơi có nhu cầu đi lại tăng trưởng mạnh khi kinh tế Việt Nam phát triển tốt, giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước trong khu vực tăng trưởng. Ngoài ra, VNA thực hiện tăng tải trên một số đường bay quốc tế như TP. HCM – Bangkok, Hà Nội – Busan, TP.HCM – Busan, TP.HCM – Incheon bằng việc đổi loại máy bay khai thác thân rộng thế hệ mới A350/B787, trong đó đưa máy bay Boeing 787-10 hiện đại nhất của VNA vào khai thác trên đường bay TP.HCM – Busan, TP.HCM – Incheon.
- Nội địa: VNA mở 2 đường bay Đà Nẵng – Vân Đồn và Đà Nẵng – Cần Thơ.

b. Năm 2020

Sang năm 2020, do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid, nhu cầu đi lại sụt giảm mạnh, cùng với việc nghiêm túc thực hiện các chỉ thị của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid, VNA buộc phải cắt giảm mạnh tải cung ứng ra thị trường. Trong năm 2020, VNA vận chuyển 14,13 triệu lượt hành khách (tương đương 61,7% năm 2019). Trong năm 2020, VNA khai thác mạng đường bay như sau:

- Quốc tế: Từ tháng 3/2020, VNA đã phải dừng tất cả các đường bay đi/đến quốc tế thường lệ, chỉ còn khai thác các chuyến chở khách hồi hương hoặc kết hợp chở hàng tuân thủ theo sự chỉ đạo của Chính phủ.
- Nội địa: Các đường bay nội địa cũng bị ảnh hưởng và suy giảm nghiêm trọng, trong giai đoạn từ cuối tháng 3 đến hết tháng 4 tần suất bay trong nước bị cắt giảm tối đa bởi chính sách giãn cách xã hội của Chính phủ. Sau khi tình hình dịch được kiểm soát tại Việt Nam từ tháng 5, thị trường nội địa có dấu hiệu phục hồi, VNA đã chủ động điều chỉnh tải giữa các nhóm đường bay trong nước, tăng cường khai thác trên các đường bay du lịch, đường bay lẻ, địa phương, trong đó khai thác trên 20 đường bay mới từ Đà Nẵng, Hải Phòng, Vinh, Cần Thơ, Thanh Hóa, tạm dừng tối đa cơ hội thị trường trong giai đoạn cao điểm hè để tăng doanh thu (lên thành 64 đường bay nội địa). Tuy nhiên, doanh thu cao điểm hè và đà phục hồi của VNA đã bị ảnh hưởng lớn do đợt bùng phát dịch lần 2 tại Đà Nẵng cuối tháng 7.

c. 6 tháng đầu năm 2021

Tình hình dịch bệnh trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp với các đợt bùng phát mới và các biến thể mới của virus SARS – CoV – 2. Việc triển khai tiêm chủng vaccine trên thế giới chậm hơn so với kỳ vọng ban đầu. Cũng do ảnh hưởng dịch bệnh, kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu của suy thoái, thu nhập người dân bị ảnh hưởng khiến nhu cầu đi lại sẽ bị ảnh hưởng trong dài hạn.

Tại thị trường Việt Nam, mặc dù Chính phủ cũng các Bộ, ngành đã rất nỗ lực để kiểm soát dịch bệnh, tuy nhiên việc xuất hiện các biến chủng mới cho thấy dịch bệnh còn tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ bùng phát. Trong 6 tháng đầu năm 2021, hai đợt bùng phát dịch bệnh đúng vào các giai đoạn cao điểm Tết và trước kỳ nghỉ 30/04 – 01/05, kéo dài sang cả cao điểm Hè đã ảnh hưởng hết sức tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các hãng hàng không Việt Nam, trong đó có VNA.

Hoạt động vận chuyển hành khách quốc tế của VNA vẫn gần như đóng băng, chỉ còn các chuyến bay chở khách hồi hương và chuyên gia. Sản lượng vận chuyển hành khách của VNA, dẫn đến sản lượng tiếp tục giảm thấp hơn 20% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 5,32 triệu lượt khách.

Về mạng bay của VNA, mạng đường bay quốc tế thường lệ của VNA trong giai đoạn này vẫn tiếp tục dừng khai thác, chỉ còn duy trì hoạt động chở hàng và các chuyến bay hồi hương. Đối với mạng bay nội địa, trong 6 tháng đầu năm 2021, ở những giai đoạn dịch bệnh được kiểm soát, VNA khai thác 60 đường bay tới 22 sân bay nội địa, đảm bảo sự hiện diện của VNA Group trên toàn bộ các điểm đến trong nước.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Tổng giá trị thực hiện đầu tư từ năm 2019 đến hết Quý II/2021 của VNA là: 943,4 tỷ đồng, trong đó: tàu bay: 700 triệu đồng, xây dựng: 275,1 tỷ đồng, trang thiết bị - công nghệ thông tin: 417,6 tỷ đồng và đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: 250 tỷ đồng.

10.4.1. Báo cáo tình hình đầu tư

Đầu tư phát triển đội tàu bay

Thực hiện định hướng phát triển đội tàu bay đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt, trên cơ sở định hướng nêu trên, VNA đã đầu tư, hiện đại hóa đội tàu bay theo hướng đơn giản về cấu trúc và chủng loại: Ưu tiên lựa chọn những tàu bay hiện đại, thân thiện với môi trường, tiện nghi và tiết kiệm nhiên liệu, tăng doanh thu qua đó nâng cao hiệu quả kinh tế cho VNA.

Việc khai thác các dòng tàu bay thế hệ mới đã giúp giảm tiêu thụ nhiên liệu và lượng khí thải với chi phí bảo dưỡng thấp qua đó rút ngắn thời gian đạt được mục tiêu hòa vốn và lãi. Bên cạnh đó, dòng tàu bay này mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng như không gian rộng tạo cảm giác dễ chịu, thoải mái, giảm chênh lệch áp suất, tăng độ ẩm trong khoang. Hệ thống mạng không dây và các tiện ích giải trí cũng đã thu hút thêm hành khách lựa chọn sử dụng dịch vụ, góp phần tăng doanh thu cho VNA.

Do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh, từ năm 2020, VNA đã và đang tích cực đàm phán với các đối tác để đẩy lùi lịch giao tàu hoặc huỷ các hợp đồng do dư thừa tàu. Số lượng tàu bay hiện tại trong đội tàu bay của VNA (không bao gồm các tàu bay trả/bán) đến hết Quý II/2021 là 107 tàu, cụ thể:

Bảng 11: Số lượng tàu bay tại thời điểm 30/6/2021

Tàu bay	Thuê	Sở hữu	Tổng
ATR72	1	6	7
A321CEO	13	38	51
A321NEO	20	0	20
A350	14	0	14
B787-9	4	7	11
B787-10	4	0	4
Tổng cộng	56	51	107

Nguồn: VNA

Đầu tư trang thiết bị

Cùng với đầu tư đội tàu bay, VNA đã triển khai đầu tư các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ nhằm phục vụ công tác huấn luyện đào tạo, nâng cao hiệu quả khai thác và bảo dưỡng đội tàu bay, trong đó nổi bật là các dự án đầu tư, đổi mới trang thiết bị mặt đất, lắp đặt sharklet cho 10 tàu bay A321 sở hữu, thiết bị huấn luyện phương thức bay cho phi công A321 và mô hình giả lập⁷ cho tàu bay A350. Từng bước đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ theo xu hướng cách mạng công nghệ 4.0, phát triển ứng dụng các hệ thống công nghệ thông tin lõi trên tất cả các lĩnh vực để tăng năng lực quản trị điều hành, nâng cao năng suất lao động, tăng doanh thu, giảm chi phí.

⁷ Là mô hình mô phỏng tỷ lệ thực được sử dụng cho mục đích huấn luyện

Đầu tư xây dựng

Các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh cũng đã được quan tâm chú trọng. Giai đoạn này, VNA đã đưa vào sử dụng 02 công trình trọng điểm: Khu làm việc và giao dịch phòng đặt chỗ bán vé máy bay (Lô B2-2 Nguyễn Tri Phương, Đà Nẵng) và đặc biệt là khánh thành và đưa vào sử dụng tòa nhà Khu làm việc văn phòng bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ tại Trụ sở chính của VNA đã tạo môi trường làm việc hiệu quả, nâng cao tinh thần phấn đấu, hoàn thiện bản thân của Người lao động, sẵn sàng cơ sở vật chất để đáp ứng yêu cầu phát triển của VNA trong tiến trình hội nhập thế giới.

Đầu tư ra ngoài ngoài doanh nghiệp

Hiện nay, VNA có 21 danh mục đầu tư, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực vận tải hàng không và dịch vụ đồng bộ, trong đó có 15 công ty con, 5 công ty liên kết và 1 danh mục đầu tư dài hạn khác (SPT). Tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của VNA theo sổ cổ đông, chứng nhận góp vốn là 6.115,6 tỷ đồng. Trong đó, trong 2 năm 2019 - 2020, VNA đã góp vốn bổ sung vào SKYPEC 250 tỷ đồng, nâng tổng vốn điều lệ của SKYPEC lên 800 tỷ đồng.

Hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp đã được VNA chỉ đạo sát sao và giám sát chặt chẽ, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp được phát triển theo đúng định hướng đầu tư của VNA và đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của VNA, cụ thể: năm 2019 là 1.253 tỷ đồng và năm 2020 là 530 tỷ đồng (giảm do ảnh hưởng bởi dịch bệnh).

10.4.2. Báo cáo hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Năm 2019, các dự án đầu tư đã góp phần giúp VNA hoàn thành các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo toàn vốn, cụ thể:

- Tổng sản lượng khách đạt 22,9 triệu lượt khách, tương đương 91,9% kế hoạch, tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển đạt 347 nghìn tấn, tương đương 92,9% kế hoạch
- Tổng doanh thu thuần hợp nhất đạt 101.221 tỷ đồng, tương đương 89,8% kế hoạch, tổng doanh thu công ty mẹ đạt 75.557 tỷ đồng, tương đương 90,5% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 2.537 tỷ đồng, tương đương 94,7% kế hoạch, trong đó lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ đạt: 2.418 tỷ đồng, tương đương 100,5% kế hoạch.
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (hợp nhất) đạt 13,6%. Nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển, năm 2019, vốn chủ sở hữu của Công ty Mẹ VNA đạt 18.602 tỷ đồng.

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của VNA bị suy giảm nghiêm trọng, VNA đã cắt giảm các Dự án chưa cấp thiết; giãn tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư, đấu thầu, lùi thời gian nhận thiết bị, chưa thực hiện góp vốn bổ sung vào các doanh nghiệp vốn góp, giá trị thực hiện đầu tư năm 2020 giảm 234,8 tỷ đồng so với Kế hoạch.

6 tháng đầu năm 2021, để tiếp tục ứng phó với ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, VNA đã chủ động rà soát và điều chỉnh giảm được 140 tỷ đồng so với kế hoạch qua đó góp phần làm giảm áp lực về dòng tiền phân bổ cho các Dự án đầu tư, giúp VNA sử dụng nguồn tiền một cách hợp lý để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

10.5. Các hợp đồng lớn, nhà cung cấp lớn

Thông tin về các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại bao gồm các nội dung trong bảng sau:

Bảng 12: Danh sách các hợp đồng lớn

STT	Tên Hợp Đồng	Giá trị hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, Dịch vụ	Đối tác cung cấp	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn của VNA
1	Thuê 20 tàu bay A321	-					
1.1	12 Hợp đồng thuê tàu bay A321 NEO	-	2018	2018-2031	12 tàu bay A321 NEO	Airlease Corporation	Không có
1.2	06 Hợp đồng thuê tàu bay A321 NEO	-	2018		06 tàu bay A321 NEO	Aviation Capital Group	Không có
1.3	02 Hợp đồng thuê tàu bay A321 NEO	-	2018		02 tàu bay A321 NEO	ICBC Aviation Leasing Co.,Ltd	Không có
2	Sale and Lease Back (SLB) 10 tàu bay A350-900	-					
2.1	03 Hợp đồng SLB A350-900	-	2016	2016-2031	03 tàu bay A350-900	JP Lease Products & Services Co.,Ltd	Không có
2.2	02 Hợp đồng SLB A350-900	-	2016		02 tàu bay A350-900	Dubai Aerospace Enterprise	Không có

STT	Tên Hợp Đồng	Giá trị hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, Dịch vụ	Đối tác cung cấp	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn của VNA
2.3	02 Hợp đồng SLB A350-900	-	2016		02 tàu bay A350-900	BBAM Aircraft Leasing & Management	Không có
2.4	01 Hợp đồng SLB tàu bay A350-900	-	2016		01 tàu bay A350-900	Avolon Aerospace Leasing Ltd	Không có
2.5	01 Hợp đồng SLB tàu bay A350-900	-	2016		01 tàu bay A350-900	AVIC International Leasing Co., Ltd	Không có
2.6	01 Hợp đồng SLB tàu bay A350-900	-	2016		01 tàu bay A350-900	Jackson Square Aviation	Không có
3	08 Hợp đồng thuê tàu bay B787-10	-	2019	2019-2034	08 tàu bay B787-10	Air Lease Corporation	Không có
4	01 Hợp đồng SLB tàu bay B787-9	-	2017	2017-2029	01 tàu bay B787-9	Clover Aircraft Leasing Co.,Ltd	Không có
5	Hợp đồng bảo dưỡng trọn gói liên quan đến các động cơ hiệu Trent XWB	-	2015	2015- 2027	Bảo dưỡng động cơ máy bay A350 theo giờ	Roll-Royces Holdings Plc	Không có
6	Hợp đồng bảo dưỡng động cơ	-	2018	2018-2030	Bảo dưỡng động cơ máy bay B787-9 theo giờ	KONINKLIJKE LUCHTVAART MAATSCHAPPIJ N.V (KLM)	Không có

STT	Tên Hợp Đồng	Giá trị hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, Dịch vụ	Đối tác cung cấp	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn của VNA
7	Hợp đồng bảo dưỡng động cơ	-	2018	2018-2031	Bảo dưỡng động cơ máy bay A321-Neo theo giờ	IAE International Aero Engines AG	Không có
8	Hợp đồng dịch vụ phụ tùng vật tư (PTVT) trọn gói cho đội bay B787	-	2015	2015-2028	Bảo dưỡng, sửa chữa PTVT máy bay trọn gói B787	Societe Airfrance	Không có
9	Hợp đồng dịch vụ PTVT trọn gói cho đội bay a350	-	2015	2015-2027	Bảo dưỡng, sửa chữa PTVT máy bay trọn gói A350	Airbus Flight Hours Services Ltd	Không có
10	Bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế phương tiện vận tải	-	2018	2018-2031	Bảo dưỡng, sửa chữa PTVT máy bay trọn gói đội tàu bay A321	ST Engineering Aerospace Supplies PTE Ltd	Không có
11	Hợp đồng cung cấp nhiên liệu	-	2020	2020-2022	Cung cấp nhiên liệu tại sân bay CDG, SYD	Kuwait Petroleum International Aviation Company Limited	Không có
12	Dịch vụ Phục vụ mặt đất	-	2012	2012, tự động gia hạn hàng năm	Cung cấp dịch vụ phục vụ mặt đất tại các sân bay địa phương VN (trừ Hà Nội, Sài Gòn, Đà	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP	Không có

STT	Tên Hợp Đồng	Giá trị hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, Dịch vụ	Đối tác cung cấp	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn của VNA
					Năng, Cam Ranh, Vân Đồn)		
13	Dịch vụ Phục vụ mặt đất tại Thượng Hải	-	2020	2020-tự động gia hạn	Dịch vụ phục vụ mặt đất tại Thượng Hải	China Eastern Airlines Co., Ltd	Không có
14	Hợp đồng cung ứng nhiên liệu	-	2018	2018-2022	Cung cấp nhiên liệu tại Thẩm Quyến (Trung Quốc)	Sinopec Aviation Co., Ltd	Không có

Nguồn: VNA

(Ghi chú: Giá trị thực hiện Hợp đồng không được tiết lộ khi chưa được Bên cho thuê cung cấp theo điều khoản bảo mật Hợp đồng).

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Danh sách nhà cung cấp lớn của VNA trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại được thống kê như sau:

Bảng 13: Danh sách nhà cung cấp lớn của VNA

STT	Tên Nhà Cung Cấp	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng ⁸	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, Dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn của VNA
1	Dubai Aero Space	-	2016-2029	03 tàu bay A350-900 XWB	Không
2	PingAn	-	2017-2029	01 tàu bay B787-9 và 03 tàu bay A350-900 XWB	Không
3	BBAM	-	2018-2030	02 tàu bay A350-900 XWB	Không
4	Air Lease Corporation	-	2019-2032	08 tàu bay B787-10	Không
5	Air Lease Corporation	-	2018-2031	12 tàu bay A321 NEO	Không
6	Aviation Capital Group	-	2018-2031	06 tàu bay A321 NEO	Không
7	ICBC Aviation Leasing Co.,Ltd	-	2018-2031	02 tàu bay A321 NEO	Không
8	Jackson Square Aviation	-	2019-2031	01 tàu bay A350	Không

⁸ Các giao dịch với các đối tác nhà cung cấp được thống kê là chi phí hoặc tài sản cố định nên không có số liệu

STT	Tên Nhà Cung Cấp	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng ⁸	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, Dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn của VNA
9	AVALON	-	2019-2031	01 tàu bay A350	Không
10	Roll-Royces	-	18/08/2015-27/07/2027	Bảo dưỡng động cơ máy bay A350 theo giờ	Không
11	KONINKLIJKE LUCHTVAART MAATSCHAPPIJ N.V (KLM)	-	1/1/2018-31/12/2030	Bảo dưỡng động cơ máy bay B787-9 theo giờ	Không
12	IAE INTERNATIONAL AERO ENGINES AG	-	9/4/2018-9/4/2031	Bảo dưỡng động cơ máy bay A321-Neo theo giờ	Không
13	SOCIETE AIR FRANCE	-	01/06/2015-31/7/2028	Bảo dưỡng, sửa chữa PTVT máy bay trọn gói B787	Không
14	AIRBUS FLIGHT HOURS SERVICES LTD	-	15/06/2015-4/10/2027	Bảo dưỡng, sửa chữa PTVT máy bay trọn gói A350	Không
15	ST ENGINEERING AEROSPACE SUPPLIES PTE LTD (Tên cũ: ST Aerospace Supplies Pte Ltd)	-	26/04/2018-31/12/2031	Bảo dưỡng, sửa chữa PTVT máy bay trọn gói đội tàu bay A321	Không

STT	Tên Nhà Cung Cấp	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng ⁸	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, Dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn của VNA
16	Kuwait Petroleum International Aviation Company Limited	-	30/6/2020-30/6/2022	Cung cấp nhiên liệu tại sân bay CDG, SYD	Không
17	Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	-	1/7/2012, tự động gia hạn hàng năm	Cung cấp dịch vụ phục vụ mặt đất tại các sân bay địa phương VN (trừ Hà Nội, Sài Gòn, Đà Nẵng, Cam Ranh, Vân Đồn)	Không
18	China Eastern Airlines Co., Ltd	-	28/3/2020-tự động gia hạn	Dịch vụ phục vụ mặt đất tại Thượng Hải	Không
19	Sinopec(Hong Kong) Aviation Co., Ltd (SZX, HKG)	-	1/7/18-30/06/2022	Cung cấp nhiên liệu tại Thẩm Quyển (Trung Quốc)	Không

10.7. Vị thế của VNA trong ngành hàng không

10.7.1. Vị thế của VNA trên thị trường nội địa

- VNA là hãng hàng không có mạng đường bay nội địa lớn nhất, ngoài ra có mạng đường bay khai thác và hợp tác với các hãng, khai thác khách quốc tế đi kết hợp nội địa.
- Thị trường nội địa được cạnh tranh chủ yếu bởi các hãng hàng không là PA và Vietjet Air, ngoài ra còn có Bamboo Airlines, Vietravel – là các hãng hàng không mới gia nhập thị trường.
- Vietjet Air được định vị là hãng hàng không giá rẻ, Bamboo Airlines là hãng hàng không lai ghép giữa mô hình hàng không giá rẻ và hàng không truyền thống. PA là công ty con của VNA, hoạt động theo mô hình hãng hàng không chi phí thấp, khai thác trên các đường bay nội địa và quốc tế khu vực có cạnh tranh giá rẻ và phối hợp chặt chẽ với VNA về sản phẩm và hỗ trợ chia sẻ các nguồn lực khai thác.
- Đến cuối tháng 6 năm 2021, VNA duy trì thị phần đứng đầu tại thị trường nội địa Việt Nam về vận tải hành khách (thị phần VNA group là 48,7%, riêng VNA là 41,5%) và vận tải hàng hóa hàng không (53,9%). Thông tin chi tiết về thị phần vận tải hành khách được nêu tại Bảng 3 và vận tải hàng hóa tại Bảng 4.

Vị thế về thương hiệu và chất lượng dịch vụ: Thương hiệu VNA – Hãng hàng không quốc gia Việt Nam đã được hình thành và phát triển gắn liền cùng với quá trình trưởng thành của ngành Hàng không dân dụng Việt Nam. Đến nay, từ một hãng hàng không nhỏ bé, VNA đã trở thành một hãng hàng không có thương hiệu uy tín, được khách hàng trong nước và quốc tế biết đến. Trong hơn 10 năm trở lại đây, VNA đã có những bước phát triển quan trọng. Năm 2006, sau khi được đạt được chứng chỉ uy tín về an toàn khai thác (IOSA) của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA), VNA đã chính thức trở thành thành viên của IATA và khẳng định chất lượng dịch vụ mang tiêu chuẩn quốc tế của mình. Ngày 10/6/2010, VNA chính thức trở thành thành viên thứ 10 của Liên minh hàng không toàn cầu - SkyTeam. Sau khi gia nhập liên minh, mạng đường bay của VNA được mở rộng lên tới hơn 1000 điểm đến trên toàn cầu. Năm 2015, VNA trở thành hãng hàng không thứ hai trên thế giới đồng thời đưa vào khai thác hai dòng máy bay hiện đại Boeing 787-9 và Airbus A350-900. Năm 2016, VNA chính thức được Tổ chức đánh giá và xếp hạng hàng không quốc tế SkyTrax trao chứng chỉ công nhận hãng Hàng không 4 sao và tiếp tục duy trì cho đến nay. VNA đã khẳng định vị trí trên bản đồ hàng không khu vực và thế giới với hình ảnh một hãng hàng không trẻ, hiện đại, năng động và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Hiện nay, VNA là hãng hàng không truyền thống duy nhất tại Việt Nam với sản phẩm nội địa có sự khác biệt hóa (hạng Thương gia, chương trình Khách hàng thường xuyên - LotuSmiles).

Vị thế về mạng lưới đường bay trong nước: Vị trí số một Việt Nam của hãng còn thể hiện ở mạng bay nội địa rộng khắp mọi vùng miền của đất nước, tần suất khai thác dày đặc, lịch nối chuyến thuận tiện và mạng đường bay quốc tế mở rộng nhanh chóng. Với việc tiếp nhận hãng hàng không chi phí thấp (Low Cost Carrier - LCC) PA và phối hợp với PA thực hiện

chiến lược “thương hiệu kép – dual brands”, VNA cạnh tranh và chiếm lĩnh khách doanh thu cao và trung bình trong khi PA sẽ cạnh tranh trực tiếp với các hãng hàng không chi phí thấp khác và chiếm lĩnh tăng trưởng của phân khúc khách nhạy cảm về giá. Chiến lược này sẽ càng củng cố thêm vị thế của VNA trên thị trường. Ngoài ra, chiến lược “thương hiệu kép” được cụ thể hóa bằng phối hợp toàn diện về sản phẩm, mạng bay, chính sách bán, tiếp thị, ... tập trung trên các đường bay trực nhằm bao phủ dải sản phẩm, phục vụ mọi đối tượng khách hàng thông qua mạng bay và tần suất phối hợp, đảm bảo mục tiêu thị phần của VNA Group (gồm VNA, Pacific Airlines và Vasco).

Vị thế về đội bay: Tính đến 30/06/2021, so với các hãng hàng không trong nước, VNA có số lượng tàu bay nhiều nhất, với 107 chiếc. Tỷ lệ máy bay hiện đại, tiên tiến trên tổng số tàu bay cao so với các hãng hàng không trong khu vực và trên thế giới, chủ yếu do hai hãng sản xuất tàu bay thương mại hàng đầu là Boeing (Mỹ) và Airbus (Châu Âu) chế tạo.

Đội bay của VNA đã phát triển ổn định và hiện đại hóa không ngừng. Đặc biệt, VNA là hãng hàng không đầu tiên trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương khai thác đồng thời 2 dòng tàu bay thân rộng hiện đại, thế hệ mới của Airbus (A350) và Boeing (B787). Hiện tại, VNA đang từng bước thay thế đội tàu bay A321 thế hệ cũ (A321 CEO) bằng đội tàu bay A321 thế hệ mới (A321 NEO).

10.7.2. Vị thế của VNA trên các thị trường quốc tế

Với vị trí địa lý nằm giữa Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Châu Âu, Nam Thái Bình Dương và Trung Quốc, Việt Nam được coi là cửa ngõ của các khu vực. Đến hết năm 2019, VNA đã khai thác trên 66 đường bay quốc tế đến 34 điểm và 41 đường bay nội địa đến 22 điểm, trong đó mạng đường bay quốc tế đã nhanh chóng mở rộng và phát triển tại các khu vực Châu Âu (Anh, Nga, Pháp, Đức), Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Hongkong) và Tiểu vùng Campuchia - Lào - Myanmar (CLMV). Theo số liệu thống kê của VNA, trong năm 2019, thị phần vận chuyển hành khách quốc tế đạt 23,4% và vận tải hàng hóa là 18,5%. Vị thế của VNA trên từng thị trường quốc tế như sau:

Thị trường khu vực CLMV:

Mạng đường bay rộng khắp tại khu vực CLMV (gồm: Cam-pu-chia, Lào, My-an-ma và Việt Nam) cũng là thế mạnh của VNA, đặc biệt so với các đối thủ cạnh tranh khác. VNA có mạng đường bay với tần suất lớn đi/đến các điểm chính trong khu vực CLMV. Ngoài ra, VNA kết hợp sản phẩm với K6 để tạo ra các sản phẩm bay kết hợp điểm đến. Mạng đường bay trong tiểu vùng vẫn tiếp tục được coi là thế mạnh của VNA trong việc cạnh tranh với các hãng hàng không khác, đặc biệt là khai thác các đối tượng khách có nhu cầu du lịch kết hợp Việt Nam với các điểm trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu do có sản phẩm dày đặc, nổi chuyên tốt các thị trường nguồn là Châu Âu, Đông Bắc Á tạo lợi thế cạnh tranh cho các thị trường nguồn.

Thị trường khu vực Châu Âu:

Ngoại trừ các đường TP. Hà Nội - Nga và TP. Hồ Chí Minh - Pháp, VNA là hãng bay thẳng duy nhất trên đường bay TP. Hà Nội - Pháp, TP. Hà Nội/TP. Hồ Chí Minh – Đức, TP. Hà Nội/TP. Hồ Chí Minh - Anh. Bên cạnh đó, do đặc tính khách du lịch đường dài thường đi

kết hợp nhiều điểm đến, mạng đường bay hỗ trợ tần suất cao đến 05 điểm của khu vực CLMV và nội địa Việt Nam là thế mạnh của VNA.

Thị trường khu vực Đông Bắc Á:

VNA có sản phẩm tần suất cao, hầu hết là 1-2 chuyến/ngày; số lượng điểm đi/đến quốc tế lớn hơn so với các hãng khai thác cạnh tranh trực tiếp, mạng đường bay hỗ trợ tần suất cao đến 5 điểm đến của CLMV và nội địa Việt Nam cũng là thế mạnh của VNA tại khu vực này.

VNA tiếp tục mở thêm các đường bay mới nối các thị trường Đông Bắc Á với các điểm đến tiềm năng Miền Trung Việt Nam, gia tăng lợi thế cạnh tranh. Việc Hàn Quốc và Nhật Bản mở cửa thị trường lao động cũng mở ra cơ hội bán phân khúc khách lao động cho VNA.

Khu vực Đông Nam Á, Úc:

Trong bối cảnh nhu cầu du lịch đi khu vực phát triển ổn định giai đoạn trước Covid-19, VNA hầu hết có tần suất 2-3 chuyến trên các đường bay đi/đến Singapore/Thái Lan/Malaysia, tạo cơ hội nối chuyến thuận lợi 2 chiều đến các thị trường Châu Âu, Đông Bắc Á. VNA là hãng duy nhất khai thác đường bay thẳng đi/đến Úc.

10.7.3. Triển vọng phát triển của ngành⁹

a. Triển vọng phát triển ngành hàng không thế giới

Đại dịch Covid-19 diễn ra trên toàn cầu đã gây ra những thiệt hại to lớn tới kinh tế thế giới và một trong những ngành đầu tiên và chịu tác động nặng nề nhất chính là ngành vận tải hàng không. Theo báo cáo của Hiệp hội các hãng hàng không dân dụng thế giới (ICAO) về tình hình hoạt động hàng không trong năm 2020, lượng khách quốc tế và nội địa lần lượt giảm 1,38 và 1,32 tỷ hành khách, giảm 74% và 50% so với năm 2019 và làm sụt giảm doanh thu lần lượt 250 tỷ (khoảng 5,85 triệu tỷ đồng) và 120 tỷ USD (khoảng 2,81 triệu tỷ đồng).

Theo ước tính mới nhất của Hiệp hội vận tải Hàng không Quốc tế (IATA), cuộc khủng hoảng dịch Covid-19 đã khiến sản lượng ngành hàng không giảm 66%, các hãng hàng không thế giới chịu mức lỗ kỷ lục 128 tỷ USD (khoảng 3 triệu tỷ đồng) trong năm 2020 và bắt đầu năm 2021 với khoản nợ lên tới 220 tỷ USD (khoảng 5,15 triệu tỷ đồng) (trong năm 2019, vận tải hàng không thế giới lãi 29 tỷ USD – khoảng 0,68 triệu tỷ đồng). Cuộc khủng hoảng dịch Covid-19 kéo dài khiến nhiều hãng hàng không trên thế giới đang bên bờ vực phá sản, hoặc phá sản hoàn toàn hoặc cũng lâm vào thua lỗ lớn.

Tháng 4/2021, IATA cập nhật mức lỗ của ngành hàng không dự kiến 48 tỷ USD (1,12 triệu tỷ đồng) cho năm 2021, cao hơn 10 tỷ so mức dự báo lỗ 38 tỷ USD (0,89 triệu tỷ đồng) đưa ra vào tháng 12/2020.

ICAO cũng nhận định trong năm 2021, lượng ghế cung ứng toàn ngành sẽ giảm 36%-39%, sản lượng khách giảm 44%-49% và doanh thu giảm 289-323 tỷ USD (6,76 triệu tỷ đồng – 7,56 triệu tỷ đồng) so với năm 2019. Mặc dù dịch bệnh có xu hướng giảm ở một số quốc gia và đã bắt đầu mở cửa trở lại, tuy nhiên một số quốc gia khác lại đang trải qua giai đoạn dịch bệnh diễn tiến phức tạp như Anh, Nga, Indonesia, Malaysia...

⁹ Để thuận lợi cho việc đánh giá, các giá trị ngoại tệ trong phần này được quy đổi về nội tệ theo tỷ giá bình quân mua - bán ngày 30/06/2021 của Ngân hàng Nhà nước (1 USD đổi 23.399 Việt Nam Đồng)

Hầu hết các hãng hàng không sẽ không đưa ra dự báo lợi nhuận năm 2021 do chịu ảnh hưởng liên tục của dịch Covid-19 và do chưa chắc chắn về thời điểm Chính phủ các nước dỡ bỏ các biện pháp hạn chế đi lại. Trong ngắn hạn, triển vọng của ngành hàng không sẽ chưa mấy sáng sủa. Tốc độ phục hồi phụ thuộc vào mức độ thành công trong việc triển khai tiêm phòng vắc xin Covid-19 của các nước trên thế giới.

b. Triển vọng ngành hàng không tại Việt Nam

Hiện nay, diễn biến dịch Covid-19 trên thế giới vẫn rất phức tạp với số người nhiễm, tử vong do dịch bệnh tại nhiều nước vẫn gia tăng nhanh. Ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu trong thời gian ngắn sau dịch bệnh Covid-19 là tương lai có thể dự báo trước. Đối với ngành hàng không, theo ICAO, các hãng hàng không trên thế giới đã thiệt hại khoảng 370 tỷ USD (khoảng 8,66 triệu tỷ đồng) trong năm 2020. Các nhà phân tích nhấn mạnh rằng nhu cầu đi lại bằng đường hàng không sẽ tiếp tục giảm mạnh do Covid trong những tháng tới và nhiều hãng hàng không dự kiến sẽ cạn kiệt dòng tiền dẫn đến phá sản. Đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung, tăng trưởng GDP năm 2020 của Việt Nam đạt 2,91% (so với 6,8% năm 2019) do đại dịch Covid-19. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khó khăn, ảnh hưởng đến thu nhập của người dân, đòi hỏi sự thắt chặt chi tiêu khiến mức chi trả cho các hoạt động du lịch, đi lại có khả năng giảm.

Theo kịch bản thận trọng của McKinsey, nếu dịch Covid-19 tái bùng phát và nền kinh tế phục hồi chậm chạp thì quy mô thị trường hàng không thế giới giai đoạn 2021-2022 chỉ đạt 49% - 87% quy mô thị trường năm 2019. Dự kiến đến năm 2023 thì thị trường hàng không thế giới mới có thể phục hồi quy mô gần tương đương năm 2019. Kịch bản lạc quan xảy ra trong trường hợp dịch Covid-19 được các quốc gia kiểm soát hiệu quả và kinh tế phục hồi tốt, khi đó dự báo quy mô thị trường hàng không sẽ khả quan hơn. Dự kiến quy mô thị trường hàng không thế giới năm 2021 đạt 64% năm 2019, quy mô thị trường năm 2022 tương đương năm 2019. Dựa trên các kịch bản dự báo của McKinsey, VNA dự kiến thị trường hàng không Quốc tế Việt Nam đến năm 2022 sẽ phục hồi quy mô tương đương năm 2019 đối với kịch bản lạc quan và đến năm 2023 sẽ phục hồi quy mô tương đương năm 2019 đối với kịch bản thận trọng.

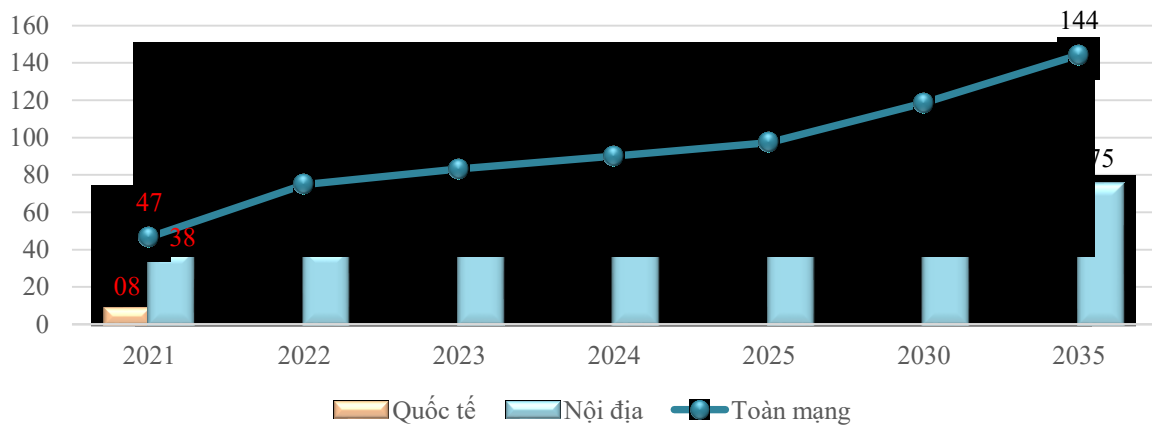
Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, năm 2020, nằm trong xu hướng chung của toàn cầu, tổng thị trường hàng không Việt Nam đã sụt giảm nghiêm trọng từ 37,4 triệu lượt khách nội địa xuống còn 28,3 triệu lượt khách. Tổng thị trường quốc tế, giảm từ 35,5 triệu lượt khách năm 2019 xuống còn 6,0 triệu lượt năm 2020. Trong bảng xếp hạng sức khỏe tài chính của 66 nền kinh tế mới nổi của The Economist, Việt Nam đứng thứ 12, thuộc nhóm an toàn sau dịch Covid nhờ các chỉ số tài chính ổn định. Ngân hàng Thế giới (WB) đánh giá kinh tế Việt Nam có thể khởi sắc trở lại sau khi nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội. Vì vậy, VNA đánh giá ngành hàng không nội địa Việt Nam sẽ phục hồi nhanh hơn các thị trường khác sau dịch bệnh Covid. Trong giai đoạn sắp tới, nếu Nhà nước có các chính sách điều tiết cạnh tranh tại thị trường hàng không nội địa thì quy mô thị trường nội địa có thể thu hẹp lại do các hãng sẽ điều chỉnh theo hướng cải thiện doanh thu bình quân.

Đối với giai đoạn phục hồi sau Covid-19, tổng thị trường hàng không Việt Nam dự báo đạt tốc độ tăng trưởng 8%/năm giai đoạn 2023-2025 và 4% năm giai đoạn 2026-2035, đạt 97,3 triệu lượt khách vào năm 2025 và 144,2 triệu lượt khách vào năm 2035. Trong đó:

- Quốc tế (bao gồm thuê chuyến): tốc độ tăng trưởng dự báo đạt 6,3%/năm giai đoạn 2023-2025 và 4,3%/năm giai đoạn 2026-2035 (theo dự báo 20 năm thị trường hàng không của IATA), đạt 45,6 triệu lượt khách vào năm 2025 và 69,6 triệu lượt khách vào năm 2035. Theo dự báo của IATA, các thị trường có dung lượng khách lớn nhất đến Việt Nam (2019) (Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan, Singapore) sẽ chiếm khoảng 60% tổng dung lượng quốc tế năm 2025.
- Nội địa: với kịch bản tốc độ tăng trưởng bình quân 9,8%/năm giai đoạn đến năm 2025 và 3,8%/năm giai đoạn 2026-2035 theo IATA, tổng lượng khách nội địa dự báo sẽ đạt 51,7 triệu lượt khách vào năm 2025 và 74,6 triệu lượt khách vào năm 2035.

Biểu đồ 6: Tổng thị trường hàng không Việt Nam 2021-2035

Đơn vị: Triệu lượt khách



Ghi chú: dự báo dựa trên phương án thị trường quốc tế hồi phục từ năm 2023 và nội địa có sự tham gia điều tiết cạnh tranh của Nhà nước

c. Về các gói cứu trợ của Chính phủ các nước cho ngành hàng không

Do vai trò trọng yếu của ngành hàng không đối với hoạt động kinh tế, xã hội của đất nước, Chính phủ của hầu hết các nước đã có nhiều gói giải pháp để hỗ trợ các hãng hàng không vượt qua giai đoạn khó khăn gây ra bởi đại dịch Covid-19. Đến nay, các hãng hàng không tại nhiều quốc gia đã nhận được những gói cứu trợ lần 3 (như Mỹ, Nhật, Hà Lan, ...), thậm chí lần 4 (như Singapore) từ Chính phủ. Tính đến quý 1/2021, Chính phủ các nước đã hỗ trợ các hãng hàng không với số tiền lên tới hơn 227 tỷ USD (khoảng 5,31 triệu tỷ đồng) và dự kiến tiếp tục còn bổ sung thêm khoảng 80 tỷ USD (khoảng 1,87 triệu tỷ đồng) tiền để cứu các hãng hàng không trong thời gian tới. Cụ thể, tháng 3/2021, Hạ viện Mỹ phê duyệt thêm gói 14 tỷ USD (0,33 triệu tỷ đồng) hỗ trợ các hãng hàng không và đây là lần hỗ trợ thứ 3. Trước đó, Quốc hội đã trao cho các hãng hàng không Hoa Kỳ 54 tỷ USD (khoảng 1,26 triệu tỷ đồng) cho chi phí trả lương kể từ tháng 3 năm 2020. Chính phủ Úc đã hỗ trợ hơn 150 triệu AUD (116 triệu USD, khoảng 2,71 nghìn tỷ đồng) cho các hãng hàng không để bù đắp chi phí cho các hãng hàng không do vắng khách cho giai đoạn từ tháng 3-9/2020. Ngoài ra, Chính phủ Úc cũng hỗ trợ các hãng hàng không thông qua các chính sách miễn 50% phí phục vụ hành khách nội địa, các chính

sách hỗ trợ người lao động... và kéo dài đến hết tháng 3/2021. Chính phủ Singapore cũng đã thông qua gói cứu trợ bổ sung trị giá 64 triệu SGD (khoảng 1.080 tỷ đồng) để hỗ trợ người lao động, giảm các khoản phí như chi phí cấp phép bay, dịch vụ mặt đất và ăn uống tại sân bay. Ngoài ra, một số quốc gia (như Trung Quốc) cũng đang triển khai một số các giải pháp điều tiết, quản lý ngành hàng không và chính sách bảo hộ quốc gia nhằm đảm bảo cho các hãng hàng không trong nước tăng khả năng cạnh tranh và có khả năng sớm tự hồi phục.

Thông tin chi tiết một số gói cứu trợ từ Chính phủ các nước cho hãng hàng không:

- Lufthansa (Đức) nhận được gói cứu trợ trị giá 9 tỷ EUR (11 tỷ USD, khoảng 257 nghìn tỷ đồng) trong đó 3 tỷ EUR (3,6 tỷ USD, khoảng 84,24 nghìn tỷ đồng) là vay hỗ trợ của Chính phủ, 6 tỷ EUR (7,3 tỷ USD, khoảng 170.81 nghìn tỷ đồng) là từ Quỹ hỗ trợ ổn định tài chính. Điều kiện đặt ra là Chính phủ sẽ nắm giữ 20% cổ phần của hãng hàng không này và hãng phải nhượng lại 24 slot hạ cất cánh tại sân bay Frankfurt và Munich.
- Air France – KLM (Pháp) nhận được gói cứu trợ trị giá 4 tỷ EUR (khoảng 110,34 nghìn tỷ đồng) từ Chính phủ Pháp. Trước đó, Chính phủ Hà Lan thông báo khoản hỗ trợ 3,4 tỷ EUR (khoảng 93,79 nghìn tỷ đồng) cho hãng hàng không quốc gia, trong đó bao gồm 2,1 tỷ EUR (khoảng 57,93 nghìn tỷ đồng) dưới hình thức vay bảo lãnh Chính phủ, 1 tỷ EUR (khoảng 27,58 nghìn tỷ đồng) vay trực tiếp và thanh toán sau 5 năm. Trong khi đó, năm 2020, Air France và đối tác KLM đã được Chính phủ 2 nước hỗ trợ 10,4 tỷ EUR (12,6 tỷ USD, khoảng 294,83 nghìn tỷ đồng) vào giữa năm 2020.
- British Airways (Anh) nhận được gói hỗ trợ 2 tỷ Bảng Anh (khoảng 64,21 nghìn tỷ đồng) thông qua khoản vay bảo lãnh từ Công ty mẹ (International Airlines Group - IAG) và tổ chức tín dụng xuất khẩu Anh (UK Export Finance).
- Singapore Airlines (Singapore) được bảo lãnh phát hành cổ phiếu cho các cổ đông và phát hành trái phiếu chuyển đổi với tổng trị giá 19 tỷ SGD (khoảng 320 nghìn tỷ đồng). Trong đó, Tập đoàn Temasek Holdings sẽ đầu tư tăng vốn 5,3 tỷ USD (124 nghìn tỷ đồng), Ngân hàng DBS sắp xếp khoản vay 4 tỷ SGD (67,52 nghìn tỷ đồng) cho SIA nhằm hỗ trợ cho các yêu cầu thanh khoản ngắn hạn của Công ty.
- Korean Air (Hàn Quốc) được hỗ trợ 1,2 nghìn tỷ KRW (khoảng 23,9 nghìn tỷ đồng), bao gồm 200 triệu KRW (khoảng 3,38 nghìn tỷ đồng) dưới hình thức cho vay, 700 triệu KRW (22,47 nghìn tỷ đồng) dưới dạng chứng khoán đảm bảo tài sản và 300 triệu KRW (khoảng 8,27 nghìn tỷ đồng) là trái phiếu vô thời hạn.
- All Nippons Airways (cổ đông chiến lược của VNA): Tháng 10/2020, ANA được chấp nhận cho vay 3,8 tỷ USD (88,92 nghìn tỷ đồng) dưới hình thức vay hỗ trợ (subordinated loan) từ 5 tổ chức. Theo báo cáo thường niên 2020, ANA thông báo về khoản vay dài hạn có bảo đảm trị giá 535 tỷ Yên (khoảng 112,32 nghìn tỷ đồng) để hỗ trợ thanh khoản. Ngoài ra, Chính phủ Nhật đang triển khai hỗ trợ trả tiền lương tháng cho các công ty Nhật (Retention Fund), mức chi trả là 15.000 Yên (khoảng 3 triệu đồng) tối đa/người/ngày với điều kiện là công ty giữ số người lao động. ANA cũng được hỗ trợ theo chính sách này.

10.7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của VNA so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của VNA là hãng hàng không quốc gia, lực lượng vận tải chủ lực tại Việt Nam, hãng hàng không hàng đầu châu Á được khách hàng tin yêu lựa chọn; giữ vững vị thế là doanh nghiệp hàng không số 1 tại Việt Nam. Các hãng hàng không trong hệ thống VNA (VNA, Pacific Airlines, VASCO) giữ thị phần số một tại nội địa Việt Nam, trong đó Công ty mẹ sẽ nắm vai trò chủ đạo, dẫn dắt và hiệu quả, các hoạt động phụ trợ sẽ do các công ty con thực hiện.

Về định hướng phát triển của ngành, ngành vận tải hàng không Việt Nam nói chung còn nhiều cơ hội để phát triển dựa trên nhu cầu du lịch, giao thương kinh tế trên cả thị trường nội địa, và quốc tế cũng như định hướng phát triển của Chính Phủ (quy hoạch mở và nâng cấp sân bay, kết nối với các loại hình giao thông, v.v.). Tuy nhiên, đây là cơ hội chung cho tất cả các hãng hàng không trên thị trường Việt Nam. VNA xây dựng các kịch bản định hướng phát triển dựa trên xu thế chung của thế giới, quy hoạch, định hướng của Chính phủ, Bộ GTVT để đảm bảo tính khả thi, duy trì vị trí dẫn đầu trên thị trường, tận dụng những thế mạnh của VNA.

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không Việt Nam, theo đó VNA sẽ được phát triển để giữ vai trò nòng cốt của lực lượng vận tải hàng không Việt Nam, có năng lực cạnh tranh quốc tế thuộc nhóm hàng đầu khu vực ASEAN.

Như vậy, có thể thấy định hướng phát triển của VNA là phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành và định hướng về chính sách, quy hoạch của Nhà nước.

10.8. Hoạt động Marketing

Giai đoạn 2015-2019, Vietnam Airlines tập trung quảng bá thương hiệu theo chiến lược phát triển thương hiệu được xây dựng dài hạn bám sát định hướng phát triển, mục tiêu kinh doanh chung của VNA. Công tác thương hiệu và quảng cáo đạt được các kết quả như sau:

- Hình ảnh Hãng hàng không quốc gia 4 sao nhân văn, an toàn, trách nhiệm xã hội, cầu nối giao thương góp phần giúp công chúng, khách hàng hiểu được vai trò của Hãng hàng không quốc gia trong phát triển kinh tế đất nước;
- Phát triển thương hiệu: triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu mới, hình ảnh quảng cáo trong từng giai đoạn được phát triển đồng nhất, hiện đại, sang trọng, đẳng cấp.
- Quảng cáo truyền thông yểm trợ nhanh hiệu quả cho các chương trình bán, phát động thị trường, sản phẩm, dịch vụ.
- Xây dựng chiến lược truyền thông, quan hệ báo chí.
- Hoạt động truyền thông - Quan hệ báo chí: đã thiết lập được quan hệ tốt với các cơ quan báo, đài; giúp thông tin tích cực của VNA được lan tỏa rộng rãi hơn.
- Quản trị rủi ro, xử lý khủng hoảng và các tin tiêu cực.

- Sự kiện, tài trợ: tiếp tục phối hợp với các Bộ, Ban, Ngành, các Tổ chức lớn để quảng bá hình ảnh VNA, khẳng định vai trò hãng hàng không quốc gia thông qua các hoạt động tài trợ, các sự kiện chính trị, văn hóa thể thao lớn như APEC, Giải Bơi chải thuyền rồng Hà Nội mở rộng, Lễ hội Pháo hoa quốc tế, VNA classic, Festa...

Năm 2020, do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, tình hình tài chính suy giảm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh thu hẹp, VNA đã giảm thiểu tối đa chi phí marketing. Công tác Marketing chủ yếu tập trung vào các công việc sau:

- Đưa hình ảnh hãng hàng không quốc gia 4 sao nhân văn, an toàn, trách nhiệm đến với công chúng, khách hàng.
- Yểm trợ linh hoạt nhanh và hiệu quả cho các đường bay mới, phục hồi thị trường và các chương trình kích cầu du lịch.
- Sự kiện, tài trợ: tiếp tục phối hợp với các Bộ, Ban, Ngành, các Tổ chức lớn để quảng bá hình ảnh VNA, khẳng định vai trò Hãng hàng không quốc gia thông qua tài trợ cho Năm Chủ tịch ASEAN, phối hợp với UBND TP. Hà Nội tổ chức Giải Bơi chải thuyền rồng Hà Nội mở rộng.
- Tuyên giáo, dân vận và truyền thông nội bộ: gắn kết cán bộ công nhân viên (CBNV) kịp thời, truyền tải thông điệp của lãnh đạo để CBNV can chia sẻ và đồng hành cùng VNA; tổ chức thường xuyên hoạt động tương tác với CBNV để khơi dậy tinh thần quả cảm của các Chiến binh Sen vàng.

Giai đoạn 2021 -2025, VNA tập trung triển khai các giải pháp và kế hoạch phát triển thương hiệu như sau:

Chiến lược, định hướng lớn

Khách hàng luôn quan tâm đến lợi ích họ nhận được nhưng cảm xúc trong mỗi trải nghiệm xuyên suốt hành trình bay đã trở nên đặc biệt quan trọng, trực tiếp ảnh hưởng tới quá trình ra quyết định của khách hàng. Thông qua việc lấy khách hàng làm trung tâm, kiến tạo những mối quan hệ tích cực, trực tiếp với khách hàng, đây sẽ là điểm nhấn then chốt giúp làm nên một VNA khác biệt, là nền tảng để khẳng định hình ảnh một hãng hàng không nhân văn, một thương hiệu VNA mang tính nhân bản (human-centric).

Mục tiêu thương hiệu

Mục tiêu VNA hướng đến “ cá nhân hóa” sản phẩm dịch vụ, là những trải nghiệm bay thoải mái, những đường bay thuận tiện, nhiều lựa chọn về hành trình bay với chất lượng dịch vụ đẳng cấp, vượt trội, đáp ứng mọi nhu cầu của khách; khách hàng sẽ nhìn thấy hình ảnh một VNA thân thiện, gần gũi, cảm nhận được sự quan tâm, trách nhiệm ở tất cả các điểm tiếp xúc, xuyên suốt quá trình tiếp cận – sử dụng sản phẩm dịch vụ, để thực sự nhận thấy lựa chọn bay với VNA là xứng đáng, từng bước giành niềm tin và tình yêu cho VNA, đặc biệt ở trong nước và ở cả các thị trường nước ngoài trọng điểm.

- Giai đoạn 2021-2022: giai đoạn “*phục hồi*” sau khủng hoảng; lấy trọng tâm là trải nghiệm thân thiện, gần gũi, đồng cảm, trách nhiệm hướng đến khách hàng.

- Giai đoạn 2023-2025: giai đoạn “*tăng tốc hướng đến 5 sao*” hình ảnh hãng hàng không toàn cầu, bay xuyên lục địa; hãng hàng không 5 sao được yêu thích, thương hiệu được yêu mến.

Định vị thương hiệu VNA

- Trở thành hãng hàng không tiêu chuẩn quốc tế 5 sao, hàng không số vào năm 2023-2025, khẳng định năng lực vượt trội và vị thế đại diện xứng đáng cho hình ảnh đất nước và văn hoá Việt Nam.
- Không ngừng hoàn thiện, nâng cao chất lượng dịch vụ, cung ứng dải sản phẩm dịch vụ đa dạng, giá vé phù hợp với mọi đối tượng khách hàng.
- Duy trì thường xuyên trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và cam kết phát triển bền vững.
- Xây dựng hình ảnh hãng hàng không nhân văn, thân thiện, hiện đại, trẻ trung, năng động.

Đặc tính thương hiệu – giá trị cốt lõi thương hiệu VNA

- Nhân ái, yêu thương – Flights of LOVE: hãng hàng không nhân văn, vì con người, cộng đồng, xã hội
- Tận tâm, tự hào – Flights of NATION: nỗ lực vì sự phát triển của đất nước, tự hào hình ảnh đại diện quốc gia, điểm chạm văn hoá Việt
- Đẳng cấp, trải nghiệm – Flights of YOU: khách hàng là trung tâm của mọi hoạt động
- Tự hào, đoàn kết – Flights of US: đoàn kết, tự hào, đồng lòng hướng tới 5 sao.







Giải pháp lớn








- Theo xu thế phát triển của môi trường công nghệ và số hóa, hoạt động truyền thông của VNA chuyển nhanh sang các loại phương tiện có tính tương tác cao với khách hàng. Truyền thông trên nền tảng digital tiếp tục được đẩy mạnh (website, quảng cáo trực tuyến, mạng xã hội, công cụ tìm kiếm (SEO, SEM), email, ứng dụng di động) để lắng nghe, thấu hiểu, tiếp cận, đeo bám trực tiếp với khách hàng nhằm mang đến cho khách hàng những sản phẩm sát nhất với nhu cầu, sở thích.
- VNA nâng tầm hợp tác chiến lược với các tỉnh, thành phố để tiếp cận trực tiếp, sâu tới từng nhóm khách tại các tỉnh, thành phố, phục vụ cho công tác bán. Đồng thời thể hiện vai trò của Hãng hàng không quốc gia, thúc đẩy kinh tế vùng miền, hợp tác đưa nông sản địa phương lên máy bay.
- Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác truyền thông có tầm ảnh hưởng và uy tín lớn như VTV, Vnexpress, VCCorp để thực hiện các chương trình thúc đẩy phát triển kinh tế các vùng miền, kích cầu du lịch với mục tiêu VNA cùng đồng hành và cùng tạo ra các sản phẩm trọn gói.

- Hợp tác với KOLs, Influencers và các nhóm, cộng đồng: quảng cáo, tiếp thị, lan tỏa sâu, rộng sản phẩm dịch vụ VNA trên các nền tảng số thông qua việc tuyển chọn, hợp tác với đội ngũ các KOLs, Influencers và các các nhóm, cộng đồng. Đây là những cá nhân, nhóm người có uy tín, quyền lực ảnh hưởng lớn trên mạng xã hội; hầu hết các chương trình, sự kiện lớn được lan tỏa, đón nhận, hưởng ứng bởi công chúng đều bắt nguồn từ các nhóm đối tượng này.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Bảng 14: Các nhãn hiệu đã được VNA đăng ký bản quyền

STT	Tên Nhãn hiệu	Hình Nhãn hiệu	Đơn vị quản lý	Số quốc gia đã nộp đơn đăng ký	Số quốc gia đã chấp nhận bảo hộ
1	Vietnam Airlines, hình bông sen vàng		Vietnam Airlines	68	68
2	Vietnam Airlines		Vietnam Airlines	1	1
3	Hình Bông sen		Vietnam Airlines	1	1
4	Vietnam Airlines, hình bông sen vàng		Vietnam Airlines	26	23
5	Chữ Vietnam Airlines		Vietnam Airlines	1	1
6	Golden Lotus Plus, hình bông sen		Vietnam Airlines	26	25
7	Lotus Lounge	Lotus Lounge	Vietnam Airlines	1	0
8	Phòng chờ Bông sen vàng	Phòng chờ Bông sen vàng	Vietnam Airlines	1	0
9	Phòng khách Bông sen	Phòng khách Bông sen	Vietnam Airlines	1	0

STT	Tên Nhãn hiệu	Hình Nhãn hiệu	Đơn vị quản lý	Số quốc gia đã nộp đơn đăng ký	Số quốc gia đã chấp nhận bảo hộ
10	Bông sen vàng	Bông sen vàng	Vietnam Airlines	1	0
11	Lotusmiles		Vietnam Airlines	34	26
12	Lotustar		Vietnam Airlines	34	26
13	Lotushop		Vietnam Airlines	34	26
14	Viet Air		Vietnam Airlines	2	2
15	Heritage	HERITAGE	Heritage	1	1
16	Heritage Fashion	HERITAGE FASHION	Heritage	1	1
17	Vasco, hình		Vietnam Airlines	1	1
18	Hình con cò		Vietnam Airlines	1	1
19	VIETNAM AIRLINES, hình con cò		Vietnam Airlines	1	1
20	Viet Airways	VIET AIRWAYS	Vietnam Airlines	1	1

STT	Tên Nhãn hiệu	Hình Nhãn hiệu	Đơn vị quản lý	Số quốc gia đã nộp đơn đăng ký	Số quốc gia đã chấp nhận bảo hộ
21	NIAGS, hình		Niags	1	1
22	Pacific Airlines, hình		Vietnam Airlines	1	0
23	VNAirlines, hình bông sen vàng		Vietnam Airlines	1	0
24	VNAirlines (chữ)		Vietnam Airlines	1	0

Nguồn: VNA

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

VNA xác định hoạt động khoa học công nghệ (KH-CN) là một trong những khâu đột phá với các hoạt động ứng dụng mạnh mẽ, sáng tạo công nghệ của cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0). Chính sách nghiên cứu và phát triển của VNA được đưa ra nhằm thực hiện đồng bộ, toàn diện chuyển đổi số trong các lĩnh vực hoạt động kỹ thuật máy bay, khai thác, thương mại, dịch vụ, quản lý. VNA hướng tới mô hình Hãng Hàng Không Số (Digital Airlines) với các mục tiêu: nâng cao trải nghiệm khách hàng, tiếp cận được nhiều khách hàng và tăng doanh thu; nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm chi phí; lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng và chính xác.

VNA tập trung phát triển, liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ thương mại điện tử (tại trang WEB www.vietnamairlines.com) để cung cấp dịch vụ đặt chỗ/bán vé/bán sản phẩm gia tăng qua Internet, Mobile. Triển khai các phương thức giao dịch trực tuyến B2B, B2C và cá nhân hóa dịch vụ cung cấp tới khách hàng.

Nhiều hệ thống công nghệ thông tin đã được triển khai mới như:

- Hệ thống thông tin quản trị MIS - Cung cấp thông tin về các hoạt động SXKD để trợ giúp lãnh đạo ra quyết định điều hành;
- Hệ thống phân tích hiệu quả đường bay (RPS) - Tăng chất lượng điều hành thông qua việc cho phép xây dựng nhiều kịch bản hiệu quả đường bay;
- Hệ thống làm thủ tục hành khách Online qua WEB, Mobile, Kiosk Check In;
- Hệ thống phân bay phi công/ tiếp viên tập trung.

VNA tiếp tục triển khai phát triển đội bay theo hướng lựa chọn những loại tàu bay thế hệ

mới hiện đại, tiết kiệm nhiên liệu, tiết kiệm chi phí khai thác, chi phí bảo dưỡng thấp và góp phần bảo vệ môi trường như Airbus A350-900, Boeing 787-9 Dreamliner, Boeing 787-10 Dreamliner.

Trong lĩnh vực kỹ thuật, VNA đã làm chủ công nghệ bảo dưỡng sửa chữa các loại máy bay và các thiết bị hiện đại của ngành hàng không. Hiện nay, Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO) - công ty do VNA sở hữu 100%, là tổ chức bảo dưỡng lớn nhất Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật bảo dưỡng các loại máy bay, động cơ và thiết bị máy bay cho VNA và các Hãng hàng không khác trên thế giới. VNA đã được nhà sản xuất máy bay hàng đầu thế giới Airbus vinh danh thuộc top 5 hãng hàng không đạt độ tin cậy cất cánh máy bay Airbus A350 XWB cao nhất thế giới (Top Operational Reliability Trend).

10.11. Chiến lược kinh doanh

10.11.1. Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025

Giai đoạn 2021-2025, VNA xác định chiến lược phát triển của VNA như sau:

Tâm nhìn – Sứ mệnh

- Giữ vững vị thế của VNA là doanh nghiệp hàng không số 1 tại Việt Nam.
- Tập đoàn các hãng hàng không – VNA Group (Vietnam Airlines, Pacific Airlines, Vasco) giữ thị phần số 1 tại nội địa Việt Nam.
- VNA là Hãng hàng không quốc gia, lực lượng vận tải chủ lực tại VN, hãng hàng không hàng đầu châu Á được khách hàng tin yêu lựa chọn.
- Cung cấp dịch vụ hàng không chất lượng cao, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Tạo dựng được môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, hiệu quả, nhiều cơ hội phát triển cho người lao động.
- Kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo lợi ích bền vững cho cổ đông.

Giá trị cốt lõi

- An toàn là số 1, nền tảng cho mọi hoạt động.
- Khách hàng là trung tâm. Chúng tôi thấu hiểu sự phát triển của tổ chức đi cùng với sự tin yêu của khách hàng.
- Người lao động là tài sản quý giá nhất. Mọi chính sách đãi ngộ được xây dựng trên cơ sở công bằng và lợi ích xứng đáng để duy trì sự gắn kết và tạo sức mạnh đoàn kết trong tổ chức.
- Không ngừng sáng tạo. Lấy sáng tạo là phương châm đổi mới, chúng tôi luôn đổi mới không ngừng trên mọi lĩnh vực với tư duy đột phá để đạt được thành công lớn.

- Tập đoàn hàng không có trách nhiệm. Chúng tôi ý thức rằng sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội là nhân tố đầu vào then chốt để đưa ra quyết định trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của VNA.

Mục tiêu

- Trở thành một trong 3 doanh nghiệp hàng không có doanh thu cao nhất tại khu vực Đông Nam Á.
- Vietnam Airlines đạt nhóm 10 hãng hàng không được ưa thích tại châu Á.
- Củng cố dịch vụ 4 sao và từng bước đưa Vietnam Airlines đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao.
- Thực hiện các bước chuyển đổi công nghệ mạnh mẽ hướng tới là hãng hàng không công nghệ số.
- Trở thành Tập đoàn hàng không được ưa thích hàng đầu tại thị trường lao động Việt Nam.

10.11.2. Nguồn vốn dự kiến

Trong giai đoạn 2021-2025, VNA dự kiến thực hiện 2 đợt phát hành cổ phiếu để bổ sung nguồn vốn và dòng tiền khoảng từ 14.000- 17.000 tỷ đồng, trong đó đợt phát hành năm 2021 với quy mô dự kiến 8.000 tỷ đồng (nằm trong gói giải pháp tháo gỡ khó khăn cho VNA do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đã được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt). Để tiếp tục bổ sung nguồn vốn chủ sở hữu củng cố năng lực tài chính, đảm bảo an toàn nguồn vốn và dòng tiền trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh chịu nhiều rủi ro trước các diễn biến khó lường của dịch Covid-19, VNA dự kiến sẽ xin ý kiến ĐHĐCĐ và các cấp có thẩm quyền để tiếp tục phát hành cổ phiếu lần thứ hai trong năm 2022-2023 với quy mô khoảng từ 6.000-9.000 tỷ đồng. Với dự kiến hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi từ năm 2023 và kết quả từ các giải pháp tái cơ cấu tài sản, phát hành tăng vốn, quy mô vốn chủ sở hữu công ty mẹ dự kiến đến cuối năm 2025 đạt 20.000 - 23.000 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ khoảng từ 26.000- 29.100 tỷ đồng.

Ngoài các giải pháp để tăng vốn chủ sở hữu, VNA cũng sẽ triển khai các giải pháp sử dụng công cụ nợ khác để bổ sung nguồn vốn. Trong năm 2021, VNA dự kiến hoàn thành giải ngân toàn bộ các khoản vay tái cấp vốn quy mô 4.000 tỷ đồng nằm trong gói giải pháp tháo gỡ khó khăn cho VNA do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đã được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Khoản vay tái cấp vốn này dự kiến được gia hạn hàng năm đến năm 2024 và được hoàn trả trong năm 2024. Tùy theo diễn biến dịch bệnh và dự kiến ảnh hưởng đến tình hình tài chính trong giai đoạn tới, VNA sẽ xem xét trình cấp có thẩm quyền tiếp tục phát hành trái phiếu/công cụ nợ trung dài hạn từ năm 2022 để bổ sung nguồn vốn có tính dài hạn ổn định, đảm bảo an toàn dòng tiền và nguồn vốn cho đến khi thị trường vận tải hàng không hồi phục sau dịch bệnh. Hoạt động vay vốn cho các dự án đầu tư tài sản mặt đất và dự án máy bay được triển khai phù hợp theo tiến độ của từng dự án đầu tư cụ thể (với dự án máy bay VNA sẽ triển khai dự án sau khi được phê duyệt của cấp có thẩm quyền).

Ngoài ra, VNA tiếp tục sử dụng linh hoạt công cụ tín dụng ngắn hạn để điều tiết cân bằng dòng tiền, kịp thời bổ sung nguồn vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh trong giai đoạn thâm

hút dòng tiền. VNA tăng cường công tác dự báo và quản lý chặt chẽ cân đối dòng tiền bao gồm quản lý dòng tiền thu, chi, vay ngắn hạn và hoạt động cơ cấu nợ, trả nợ các nhà cung cấp.

Bảng 15: Dự kiến các nguồn vốn của Công ty mẹ giai đoạn 2021-2025 như sau

Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu nguồn vốn	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1.VCSH công ty mẹ	9.161	4.253	8.266	13.930	18.368	23.023
2.Nợ phải trả	49.410	48.090	44.835	43.458	39.053	34.680
Trong đó, tổng dư nợ vay:	31.481	32.764	31.989	24.394	19.190	13.704
Dư nợ vay trung dài hạn (*)	26.361	26.481	28.989	24.394	16.690	13.704
Dư nợ vay tín dụng ngắn hạn	5.120	6.284	3.000	-	2.500	-
3.Quy mô VSCH/Vốn vay	29,1%	13,0%	25,8%	57,1%	95,7%	168,0%
4.Tỷ trọng VCSH/Tổng nguồn vốn	15,6%	8,13%	15,57%	24,27%	31,99%	39,90%

Nguồn: VNA

Ghi chú:

(*) *Dư nợ vay trung dài hạn bao gồm tổng dư nợ theo các hợp đồng vay trung, dài hạn, thuê tài chính, dư nợ vay trái phiếu (nếu có) và bao gồm phần nợ đến hạn trả trong vòng 1 năm của các khoản vay nợ trên.*

Số liệu theo dự kiến của VNA tại thời điểm 14/7/2021.

10.11.3. Nguồn lực dự kiến

Để thực hiện được các mục tiêu tổng quát trên, VNA xây dựng kế hoạch phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí. Đến năm 2025, tổng số lao động dự kiến là 6.329 lao động gồm 5.590 lao động Việt Nam và 739 lao động nước ngoài. Trong đó:

- Đối với phi công: VNA tiếp tục xác định nguồn lực phi công là nguồn lực quan trọng để tập trung phát triển với định hướng lực lượng phi công Việt Nam dần thay thế phi công nước ngoài, mỗi năm đưa vào khai thác từ 90-100 phi công cơ bản; thực hiện huấn luyện nâng cấp lái chính, chuyển loại để thay thế phi công nước ngoài nhằm tăng tỷ lệ phi công Việt Nam từ 70% của giai đoạn 2015-2020 lên 85% giai đoạn 2021-2025.
- Đối với tiếp viên: giữ lực lượng Tiếp viên trưởng, tiếp viên hạng C làm nòng cốt; tăng cường sử dụng tiếp viên thuê ngoài để đáp ứng nhu cầu tăng, giảm của thị trường, nâng cao hiệu quả.
- Đối với nguồn lực lao động gián tiếp: duy trì tỷ lệ hợp lý, tăng cường công tác huấn luyện đào tạo để người lao động đa năng, thực hiện nhiều công việc, nhiều vị trí, tăng sự linh hoạt trong sử dụng nguồn lực; chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý.

Trong giai đoạn 2021-2025, chỉ tiêu đánh giá năng suất lao động là tải luân chuyển/lao động (RTK/LĐ) tăng hàng năm, từ 689 nghìn tấn.km/người lên 804 nghìn tấn.km/người vào năm 2025.

Bảng 16: Chỉ tiêu năng suất lao động dự kiến

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
RTK/LĐ	1000 tấn. km/người	689	422	523	681	738	776	804
%NSLĐ	%	-38,70	24,00	30,20	8,40	5,10	3,60	-38,70

Nguồn: VNA

10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

– Điều kiện về vốn pháp định:

VNA đã đáp ứng quy định về mức vốn tối thiểu để duy trì doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không theo quy định tại Điều 8.1 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng (sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng).

– Điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài được nêu chi tiết tại mục 9 Phần IV. Hiện nay, tỷ lệ sở hữu của các cổ đông nước ngoài bao gồm cả ANA là 9,15%. Trong đợt phát hành này, VNA xin cam kết bảo đảm không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty, đồng thời sau khi hoàn thành việc phát hành sẽ rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA theo đúng quy định.

– Điều kiện về giấy phép chuyên ngành:

VNA đã thực hiện xin cấp phép và tiếp nhận nội dung cấp phép hợp lệ cho toàn bộ các giấy phép, đăng ký, chứng chỉ, chứng nhận, chấp thuận, ủy quyền, tiêu chuẩn (trong mục này gọi chung là Giấy Phép) cần thiết cho hoạt động khai thác tàu bay, kinh doanh vận chuyển hàng không hoặc cung cấp các dịch vụ liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan đến hàng không. Các Giấy Phép này hiện vẫn còn hiệu lực đầy đủ.

Trong phạm vi hiểu biết tốt nhất của VNA, các Công ty TNHH MTV do VNA nắm giữ 100% vốn điều lệ (công ty con) đã xin cấp phép và tiếp nhận nội dung cấp phép hợp lệ cần thiết cho toàn bộ các Giấy Phép cung cấp dịch vụ liên quan đến hàng không theo quy định của pháp luật có liên quan. Các Giấy Phép này hiện vẫn còn có hiệu lực đầy đủ.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng lao động

Tổng số lao động trong danh sách tại thời điểm 30/06/2021 của VNA là 5.979 người, với gần 59% có trình độ đại học trở lên, trình độ sơ cấp, phổ thông trung học (PTTH) chỉ chiếm

5%. Số lao động này bao gồm NLD đang tạm hoãn HĐLĐ, NLD nghỉ chờ hưu do ảnh hưởng của dịch Covid theo chính sách tạm hoãn ngắn hạn của VNA. Số lao động thực tế sử dụng tại thời điểm 30/6/2021 (quy đổi toàn thời gian¹⁰) là 4.154 lao động do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid.

Bảng 17: Cơ cấu lao động¹¹

Tiêu chí	31/12/2019		31/12/2020		30/06/2021	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo Trình độ đào tạo	6.409		6.197		5.979	
Đại học và trên đại học	3.849	60%	3.680	59%	3.516	59%
Cao đẳng, trung cấp	2.205	34%	2.216	36%	2.166	36%
Sơ cấp, PTTH	355	6%	301	5%	297	5%
Theo loại HĐLĐ	6.409		6.197		5.979	
Hợp đồng lao động trực tiếp	6.021	94%	5.836	94%	5.738	96%
Hợp đồng thuê dịch vụ	388	6%	361	6%	335	6%
Theo tính thời vụ của Người lao động	6.409		6.197		5.979	
Lao động thường xuyên	6.409	100%	6.197	100%	5.979	100%
Lao động thời vụ	0		0		0	

Nguồn: VNA

11.2. Các chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách lương, thưởng, chế độ đãi ngộ, trợ cấp

Một trong những giá trị cốt lõi của VNA là đội ngũ người lao động. Công tác tuyển dụng, đào tạo, xây dựng và giữ được đội ngũ lao động đặc thù và lao động quản lý chất lượng cao là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, nhất là trong bối cảnh có nhiều hãng hàng không mới gia nhập thị trường.

Trong những năm qua, VNA đã tiến hành nhiều đợt cải cách tiền lương đối với người lao động, trong đó tập trung ưu tiên vào lực lượng lao động đặc thù phi công, thợ kỹ thuật, lao động thương mại, lao động chất lượng cao. Lộ trình cải cách tiền lương của Phi công, Tiếp viên và lao động mặt đất nhằm khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc, tăng năng suất lao động, trách nhiệm với công việc. Cụ thể: Đã triển khai phương thức trả lương mới theo hướng đơn giản hóa, giảm tỷ trọng tiền lương cố định, tăng tỷ trọng tiền lương hiệu quả/lương năng suất theo sản phẩm thực tế: giờ bay/doanh thu/KPIs/kết quả thực hiện công việc của người lao động. VNA có chính sách khuyến khích và sẵn sàng trả mức lương thu hút, cạnh tranh đối với lao động có mức độ hoàn thành KPIs cao, làm việc hiệu suất, chất lượng và trách nhiệm với công việc.

¹⁰ Các lao động làm việc bán thời gian, thời vụ sẽ được tính số công theo giờ làm việc và quy đổi ra ngày làm việc 8 giờ/ngày, tuần làm việc 5 ngày/tuần và trừ đi các ngày nghỉ, ngày lễ.

¹¹ Đối tượng thống kê:

- Lao động Việt Nam trực tiếp giao kết Hợp đồng lao động,
- Phi công nước ngoài, tiếp viên nước ngoài, nhân viên chi nhánh nước ngoài
- Phi công, tiếp viên Việt Nam đang khai thác bay cho K6, PA

Về chế độ phúc lợi cho người lao động, VNA triển khai hệ thống phúc lợi mang tính dài hạn và các ưu đãi nhằm giữ chân người lao động: Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, vé miễn giảm cước, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, du lịch, công trình công cộng, chế độ tuyển dụng con em vào làm việc trên cơ sở đáp ứng các điều kiện tuyển dụng...

Trong giai đoạn ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, VNA đã triển khai một số chế độ chính sách hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng do chính sách sử dụng nguồn lực:

(1) Chi trả lương tối thiểu vùng (đối với lao động ngừng việc);

(2) Chi quỹ phúc lợi mức 1,8 triệu đồng/người/tháng đối với lao động tạm hoãn hợp đồng lao động/nghi không lương;

(3) Đối với người lao động có thời điểm nghỉ hưu từ năm 2021 đến năm 2023 và tự nguyện đăng ký nghỉ chờ hưu, VNA hỗ trợ từ nguồn quỹ phúc lợi 75% mức lương chức danh, đóng nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (nếu chưa đủ điều kiện năm đóng bảo hiểm xã hội để hưởng lương hưu hoặc chưa đạt tỷ lệ hưởng lương hưu 75%), Bảo hiểm sức khỏe, vé miễn giảm cước và duy trì gói Bảo hiểm hưu trí đã mua. Gói hỗ trợ này duy trì đến khi người lao động đủ tuổi chính thức nghỉ hưu.

(4) Đối với người lao động thuộc danh sách phải nghỉ tạm hoãn hoặc nghỉ không lương do chính sách sử dụng nguồn lực và tự nguyện chấm dứt Hợp đồng lao động: Ngoài khoản trợ cấp thôi việc được thanh toán theo quy định của Bộ Luật lao động, VNA đưa ra gói hỗ trợ từ nguồn quỹ phúc lợi VNA nhằm ổn định tài chính trong thời gian tìm kiếm việc làm mới hoặc học tập để chuyển công việc tại nơi làm việc mới. Mỗi tháng làm việc tại VNA được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương chức danh.

(5) Duy trì liên tục chế độ Bảo hiểm sức khỏe đối với toàn thể người lao động gồm: Người lao động trong danh sách làm việc, người lao động nghỉ không hưởng lương hoặc tạm hoãn Hợp đồng lao động do chính sách sử dụng nguồn lực.

Tuy nhiên, từ khi dịch Covid-19 xảy ra, VNA đã điều hành linh hoạt nguồn lực và các chính sách nhân sự và tiền lương để người lao động và VNA cùng chia sẻ các khó khăn theo từng giai đoạn diễn biến của dịch, tương ứng với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chính sách tuyển dụng:

VNA triển khai đa dạng chính sách tuyển dụng phù hợp đặc điểm, nhu cầu của từng loại nguồn lực. Đối với nguồn lực phi công, thực hiện chủ trương xã hội hóa đào tạo nguồn lực theo các giai đoạn huấn luyện, thực hiện tuyển chọn học viên phi công cơ bản ký cam kết tuyển dụng sau đào tạo phi công cơ bản. Đối với nguồn lực tiếp viên, thực hiện tạo nguồn rộng rãi các vùng miền trong cả nước, xã hội hóa đào tạo tiếp viên cơ bản để phát triển mạnh mẽ số lượng và chất lượng nguồn lực.

Đối với nguồn lực chuyên môn, chú trọng tái cơ cấu, tổ chức lại các quy trình công việc, tinh giản lao động và thực hiện tuyển dụng các vị trí từ nguồn lực nội bộ đáp ứng tiêu chuẩn vị trí. Bên cạnh đó, kết hợp sử dụng có trọng tâm dịch vụ tuyển dụng của các công ty săn đầu người đối với các vị trí cán bộ quản lý, chuyên gia có kinh nghiệm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Năm 2020 và 6 tháng đầu 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, VNA đã phải thu hẹp tối đa quy mô sản xuất để giảm thiểu thiệt hại đồng thời chủ động triển khai hàng loạt giải pháp nhằm tổ chức lại sản xuất: tinh giản biên chế, tái cơ cấu lao động, không tuyển dụng mới, tạm

hoãn hợp đồng lao động.

Chính sách nhân công thuê ngoài “Outsourcing”

Với đặc thù vận tải hàng không mang tính chu kỳ, VNA đã xây dựng và sử dụng hiệu quả lao động thuê ngoài. Thực hiện thuê ngoài các đối tượng lao động giản đơn như lao động bảo vệ, vệ sinh, tạp vụ hay chăm sóc khách hàng qua điện thoại, công nghệ thông tin, tiếp viên nhằm sử dụng lao động hiệu quả, tăng năng suất và tính chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ tới khách hàng.

Chính sách phát triển nghề nghiệp

Phát triển nghề nghiệp nhằm xây dựng mục tiêu công việc của người lao động tương thích với nhu cầu phát triển của VNA. Xây dựng kế hoạch luân chuyển và phát triển nghề nghiệp giúp người lao động mở rộng, hoàn thiện các kiến thức, kỹ năng và làm việc hiệu quả hơn; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có kế hoạch phát triển lên vị trí cao hơn hoặc chuyển tới vị trí công việc phù hợp năng lực, sở thích. Quy hoạch, lựa chọn, sàng lọc các lớp nguồn cán bộ quản lý các cấp; đào tạo trong công việc kết hợp với đào tạo cơ bản, dài hạn chính quy ở nước ngoài.

Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

VNA đã phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu mở rộng, tăng trưởng nhanh của sản xuất kinh doanh trong giai đoạn trước khi ảnh hưởng của dịch Covid 19. Lực lượng lao động đặc thù như người lái, tiếp viên, kỹ sư và thợ kỹ thuật máy bay được quan tâm, chú trọng đầu tư cho phát triển, từng bước giảm số lao động phải thuê nước ngoài, đặc biệt là phi công. Đội ngũ cán bộ được tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo một cách hệ thống, toàn diện, có kiến thức, chuyên môn và kinh nghiệm vững vàng.

Hàng năm, VNA triển khai đào tạo, huấn luyện, huấn luyện lại cho toàn bộ hệ thống, đặc biệt là lực lượng khai thác nhằm đáp ứng yêu cầu của nhà chức trách và duy trì các hệ số an toàn cao, nghiêm ngặt trong khai thác. Đẩy mạnh việc áp dụng E-learning vào trong đào tạo, tăng thời gian, số lượng được đào tạo, tăng hiệu quả và giảm tối đa chi phí, nguồn lực.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, năm 2020-2021, VNA đã điều hành linh hoạt nguồn lực vừa đáp ứng yêu cầu giảm quy mô sử dụng lao động nhưng đồng thời duy trì năng định, chứng chỉ cho toàn bộ nguồn lực, nhằm đảm bảo tốt nhất, sẵn sàng đầy đủ lực lượng có cơ hội sản xuất kinh doanh và chiếm lĩnh thị trường khi thị trường vận tải hàng không dần phục hồi.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Không có

12. Chính sách cổ tức

Chính sách trả cổ tức của VNA thực hiện theo quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp.

- Theo Điều 135.2 (b), 136.2 (e), 149.2 (o) Luật Doanh nghiệp 2014, ĐHĐCĐ quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần trên cơ sở kiến nghị của HĐQT.

Theo đó, Điều 32.2 (b), 45.3 (q) Điều lệ VNA 2019 quy định: ĐHĐCĐ quyết định mức Cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại Cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại Cổ phần đó. Mức Cổ tức được thông qua sẽ không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị.

- Theo Điều 132.2 Luật Doanh nghiệp 2014, Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty.

Theo đó, Điều 91, 93.4 Điều lệ VNA 2019 quy định: Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của VNA được sử dụng để trả Cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Pháp luật.

- Điều 132.2 Luật Doanh nghiệp 2014 cũng quy định: Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Theo đó, Điều 93.2 Điều lệ VNA 2019 quy định: Cổ tức được chia theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề nghị của HĐQT. VNA chỉ được trả Cổ tức cho Cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập các quỹ VNA và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số Cổ tức đã định, VNA vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

- Căn cứ các quy định nêu trên, năm 2019, VNA kinh doanh có lãi, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh đến tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020. ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 quyết định không chi trả cổ tức năm 2019 để tạo nguồn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của VNA.
- Từ ngày 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực thi hành, các quy định liên quan đến thẩm quyền và điều kiện chi trả cổ tức (Điều 138.2 điểm b, 139.3 điểm e, 153.2 điểm o, 135.2) không có sự thay đổi so với Luật Doanh nghiệp 2014. Điều lệ VNA được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua đã thể hiện toàn bộ các nội dung này tại Điều 23.1 (b), 23.2 (f), 37.2 (o), 59.1, 59.6.
- Năm 2020: VNA hiện vẫn đang trong trạng thái lỗ và lỗ lũy kế. Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp, ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 quyết định không chi trả cổ tức năm 2020 của VNA.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Công ty không tiến hành chào bán ra công chúng trong vòng 02 (Hai) năm trở lại đây.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Thông tin về các cam kết có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của VNA như thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, trái phiếu chưa đáo hạn, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi... như sau:

a. *Cam kết với Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh về việc tuân thủ các quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP về hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng ngày 6/6/2017 đối với công ty niêm yết (tại văn bản số 311/TCTHK-VP ngày 12/03/2020) về bổ sung chức danh Thành viên HĐQT độc lập.*

Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng đã hết hiệu lực từ 01/01/2021. Những căn cứ pháp lý chuyển tiếp bao gồm: Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, có quy định tương tự về thành viên Hội đồng quản trị độc lập đối với công ty niêm yết cụ thể như sau:

“Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;*
- b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;*
- c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên”*

Như vậy, VNA chưa thực hiện cam kết về bổ sung chức danh thành viên Hội đồng quản trị độc lập với Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

VNA đang nghiên cứu bổ sung chức danh Thành viên HĐQT độc lập và sẽ triển khai việc kiện toàn đảm bảo tuân thủ đúng quy định như đã cam kết với Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

b. *Các cam kết khác có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của VNA như thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, trái phiếu chưa đáo hạn, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi...:*

Không có

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Về tranh chấp, kiện tụng liên quan đến VNA: theo hiểu biết và tin tưởng tốt nhất của VNA tại thời điểm phát hành Bản cáo bạch này, không có bất kỳ việc tranh chấp, kiện tụng nào đang diễn ra mà có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của VNA, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Về nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tình hình tài chính của VNA bị suy yếu nghiêm trọng, dòng tiền bị thâm hụt lớn. Số công nợ phải trả quá hạn của VNA đến

30/06/2021 là 13.337,7 tỷ đồng (Bao gồm 1.202,2 tỷ đồng đã được VNA đàm phán và thỏa thuận giãn hoãn với Nhà cung cấp và 12.135,5 tỷ đồng được VNA chủ động giãn hoãn). Điều này có khả năng gây ra các rủi ro kiện tụng về mặt pháp lý cho VNA do các khoản nợ quá hạn trên nếu VNA không bố trí được tiền trả nợ.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát

Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của VNA trong năm 2019, 2020 và 6 tháng 2021 như sau:

Bảng 18: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh hợp nhất của VNA từ 2019 đến nay

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng (giảm)	6T/2021
Tổng giá trị tài sản	76.454.866	62.562.138	(18,17%)	59.473.481
Doanh thu thuần	98.228.084	40.538.339	(58,73%)	14.075.011
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.450.236	(11.897.907)	-	(10.424.149)
Lợi nhuận khác	938.660	937.594	(0,11%)	2.469
Lợi nhuận trước thuế	3.388.896	(10.960.312)	-	(10.421.680)
Lợi nhuận sau thuế	2.537.461	(11.178.106)	-	(10.556.644)
Lợi nhuận sau thuế Công ty Mẹ	2.345.802	(10.927.035)	-	(10.397.710)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021 của VNA

Bảng 19: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh công ty mẹ của VNA từ 2019 đến nay

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng (giảm)	6T/2021
Tổng giá trị tài sản	68.989.357	58.571.052	(15,10%)	54.600.530
Doanh thu thuần	72.116.846	30.467.774	(57,75%)	9.141.423
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.119.038	(9.595.571)	-	(9.568.015)
Lợi nhuận khác	780.307	852.416	9,24%	25.581
Lợi nhuận trước thuế	2.899.345	(8.743.155)	-	(9.542.434)
Lợi nhuận sau thuế	2.418.478	(8.754.809)	-	(9.549.390)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý II/2021 của VNA

- Các chỉ tiêu khác: Không có.
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

Năm 2019

Thuận lợi:

Năm 2019, mặc dù thị trường hàng không tiếp tục ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao so với mặt chung của thế giới và khu vực tuy nhiên đã chậm lại so với giai đoạn trước, đặc biệt tại thị trường quốc tế. Các yếu tố chi phí đầu vào gặp nhiều thuận lợi như giá nhiên liệu ở mức thấp (76,7 USD/thùng, giảm 8,4 USD/thùng so cùng kỳ, tương ứng giảm khoảng 1.800 tỷ đồng chi phí), tỷ giá USD/VND giao dịch ở mức ổn định với tỷ giá bình quân năm 2019 USD/VND là 23.236.

Khó khăn:

a. Về tỷ giá hối đoái

Các đồng tiền bản tệ chủ chốt (EUR, CNY, AUD, KRW...) trong rổ tiền tệ của VNA có xu hướng mất giá so với USD vào nửa cuối năm 2019 đã có ảnh hưởng tiêu cực nhất định đến kết quả hoạt động năm 2019. Tỷ giá đồng USD năm 2019 tương đối bình ổn, tỷ giá bình quân năm 2019 USD/VND là 23.240, tỷ giá VND/USD tại thời điểm 31/12/2019 là 23.170 VND/USD. Các khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh năm 2019 là 429 tỷ đồng, lỗ chênh lệch tỷ giá là 559 tỷ đồng.

b. Về cạnh tranh trong ngành hàng không

- Bamboo Airways đã tăng quy mô đội tàu bay khai thác lên tới trên 26 tàu, trong đó có 4 tàu thân rộng B787 (cao hơn 2 lần dự báo đầu năm của VNA và gấp 7 lần đề án của hãng này). Bên cạnh đó Vietjet Air (VJA) mới mục đích giữ slot và giành thị phần nội địa, đã liên tục tăng tải, đặc biệt trên các đường bay trực, trực lẻ và triển khai giảm giá mạnh để lấp đầy chuyến bay;
- Trên các đường bay Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan, tình trạng dư tải phổ biến ở hầu hết các đường bay do các hãng Hàng không giá rẻ đổ tải hàng loạt khiến mặt bằng giá vé giảm mạnh.
- Việc đồng CNY mất giá và kinh tế gặp nhiều khó khăn, thị trường thuê chuyến Trung Quốc cũng trở nên ảm đạm hơn, nhiều đối tác thuê chuyến buộc phải ngừng hợp đồng, giảm tần suất mặc dù VNA có chủ động đề xuất hỗ trợ về giá trong ngắn hạn.

 **Năm 2020**

Thuận lợi

Giá nhiên liệu thực hiện 2020 là 46,67 USD/thùng, thấp hơn 30 USD/thùng so với cùng kỳ.

Khó khăn

a. Đại dịch Covid-19 khiến nhu cầu vận tải hàng không sụt giảm

- Hiệp hội vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) đánh giá năm 2020 là năm tồi tệ nhất trong lịch sử ngành hàng không kể từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ 2. Khách luân chuyển toàn thế giới giảm 66% so cùng kỳ, cùng với đó là số lỗ kỷ lục lên tới 126,4 tỷ USD (trong năm 2019, vận tải hàng không thế giới lãi 29 tỷ USD).
- Trước tình hình khó khăn của các hãng hàng không và đánh giá vai trò của ngành hàng không đối với nền kinh tế và xã hội, Chính phủ các quốc gia đã đưa nhiều gói hỗ trợ tài chính nhằm duy trì hoạt động hàng không và ngăn chặn việc sa thải nhân viên (tính đến hết 2/2021, số liệu ước tính là 200 tỷ USD). IATA cũng cảnh báo khoảng 1,3 triệu việc làm trong ngành hàng không đang gặp rủi ro và tiềm ẩn tác động xấu tới hàng triệu người lao động khác.

b. Tỷ giá hối đoái ảnh hưởng tiêu cực đến khoản nợ USD của VNA

Trong 03 tháng đầu năm 2020, ngoại trừ đồng JPY, hầu hết các đồng bản tệ chủ chốt VNA (EUR, GBP, AUD, KRW, VND...) đều mất giá so với USD, tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ tháng 04/2020, các đồng bản tệ chủ chốt của VNA tăng giá so với USD nhưng dòng tiền thu bằng ngoại tệ giảm mạnh.

c. Cơ sở hạ tầng sân bay chưa đáp ứng nhu cầu vận tải hàng không

Cơ sở hạ tầng sân bay tiếp tục là một vướng mắc lớn trong năm qua. Đặc biệt từ tháng 7/2020, hai cảng hàng không Nội Bài và Tân Sơn Nhất tiến hành sửa chữa, nâng cấp, giới hạn

khai thác tại hai sân bay này ước tính giảm 20% - 25%. Việc sửa chữa, nâng cấp diễn ra đúng vào thời điểm các hãng hàng không trong nước tập trung khai thác nội địa khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của VNA gặp nhiều khó khăn.

Năm 2021

Thuận lợi

Một số nước phát triển bước đầu có dấu hiệu kiểm soát được dịch Covid-19 thông qua việc triển khai tiêm chủng Vaccine. Đây là điều kiện tiên quyết cho việc mở cửa hoạt động kinh tế, du lịch, giao thương, đặc biệt là khôi phục cho ngành hàng không trên thế giới.

Khó khăn

a. Về kinh tế

Tình hình dịch bệnh trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp với các đợt bùng phát mới và các biến thể mới của virus SARS – CoV – 2. Việc triển khai tiêm chủng vaccine trên thế giới chậm hơn so với kỳ vọng ban đầu. Cũng do ảnh hưởng dịch bệnh, kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu của suy thoái, thu nhập người dân bị ảnh hưởng khiến nhu cầu đi lại sẽ bị ảnh hưởng trong dài hạn.

b. Về thị phần

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến các hãng hàng không, các đối thủ cạnh tranh của VNA hầu như chưa khai thác thường lệ các đường bay quốc tế trở lại, các hãng hàng không sẽ tiếp tục tăng tải trên các đường bay nội địa nhằm giữ và chiếm lĩnh thị phần dẫn đến cạnh tranh gay gắt, giá vé bình quân tiếp tục sụt giảm (trong 2 tháng đầu năm 2021, giá vé bình quân đã giảm gần 50% so cùng kỳ), ảnh hưởng đến thị phần của VNA mạnh vào nội địa khi không có khả năng khai thác quốc tế làm cho giá vé bình quân sụt giảm.

c. Về giá nhiên liệu

Giá dầu dự kiến năm 2021 được cập nhật theo diễn biến thực tế của giá nhiên liệu đến thời điểm hiện tại và dự báo giá các tháng cuối năm trên cơ sở các nguồn thông tin quốc tế. Giá dầu SingJet Kerosene trung bình năm 2021 được dự báo khoảng 70,44 USD/thùng, tăng hơn 20 USD/thùng so với cùng kỳ. Tuy nhiên, rủi ro về giá nhiên liệu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh rất lớn trước nhiều yếu tố khó dự đoán như diễn biến dịch bệnh, tình hình triển khai tiêm vaccine Covid 19, các yếu tố kinh tế vĩ mô trên thế giới và chính sách của các quốc gia dầu mỏ lớn.

d. Về tỷ giá

Các dự báo về tỷ giá được xây dựng trên cơ sở các dự báo của ngân hàng và trang thông tin điện tử về tài chính có uy tín như ngân hàng Ngân hàng Hồng Kông – Thượng Hải (“HSBC”), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam, ngân hàng Trung ương Úc, dự báo của Long forecast, Trading Economics, Go Capital, ... Các đồng tiền chủ chốt được dự báo vẫn có xu hướng tăng giá so với USD.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản
a. Vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh
Bảng 20: Vốn điều lệ, vốn kinh doanh hợp nhất
Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	% tăng (giảm)	30/06/2021
Vốn chủ sở hữu	18.607.556	6.072.334	-67,37%	(4.712.470)
Vốn góp của chủ sở hữu	14.182.908	14.182.908	0,00%	14.182.908
Thặng dư vốn cổ phần	1.220.852	1.220.852	0,00%	1.220.852
Vốn khác của chủ sở hữu	241.355	241.355	0,00%	241.355
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(1.153.004)	(1.153.004)	0,00%	(1.153.004)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	239.247	234.377	-2,04%	228.812
Quỹ đầu tư phát triển	801.378	931.334	16,22%	931.334
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.024	2.024	0,00%	2.024
LNST chưa phân phối	2.612.483	(9.328.983)	-	(19.733.736)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	460.312	(258.530)	-	(633.016)
Nợ phải trả	57.847.310	56.489.804	(2,35%)	64.185.951
Nợ ngắn hạn	31.420.636	32.705.410	4,09%	42.692.678
Nợ dài hạn	26.426.674	23.784.394	(10,00%)	21.493.273
Tổng nguồn vốn	76.454.866	62.562.138	(18,17%)	59.473.481

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021 của VNA

Bảng 21: Vốn điều lệ, vốn kinh doanh công ty mẹ
Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	% tăng (giảm)	30/06/2021
Vốn chủ sở hữu	18.602.170	9.161.398	(50,75%)	(387.991)
Vốn góp của chủ sở hữu	14.182.908	14.182.908	-	14.182.908
Thặng dư vốn cổ phần	1.220.852	1.220.852	-	1.220.852

CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020	% tăng (giảm)	30/06/2021
Quỹ đầu tư phát triển	779.931	779.931	-	779.931
LNST chưa phân phối	2.418.478	(7.022.294)	-	(16.571.683)
Nợ phải trả	50.387.187	49.409.654	(1,94%)	54.988.521
Nợ ngắn hạn	24.789.970	26.552.384	7,11%	34.386.503
Nợ dài hạn	25.597.217	22.857.270	(10,70%)	20.602.018
Tổng nguồn vốn	68.989.357	58.571.052	(15,10%)	54.600.530

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý II/2021 của VNA

b. *Trích khấu hao tài sản cố định*

(i) Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Khấu hao của máy bay khai thác và động cơ máy bay

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 26/BTC-TCDN (“Công văn số 26/BTC-TCDN”) về việc hướng dẫn riêng cho VNA trích và ghi nhận khấu hao các máy bay khai thác và chi phí phân bổ sửa chữa bảo dưỡng máy bay, động cơ tương ứng áp dụng cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, chi phí khấu hao và chi phí phân bổ sửa chữa, bảo dưỡng hàng tháng của từng loại máy bay ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được xác định theo tỷ lệ tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay so với tổng giờ khai thác theo kế hoạch của từng loại máy bay đó, như sau:

Số khấu hao được ghi nhận hàng tháng/Chi phí sửa chữa bảo dưỡng được phân bổ trong từng tháng của từng loại máy bay	=	Giá trị khấu hao hàng tháng của từng máy bay/Giá trị chi phí sửa chữa bảo dưỡng hàng tháng theo loại máy bay trong điều kiện hoạt động bình thường	X	Tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay ----- Tổng giờ khai thác theo kế hoạch của loại máy bay đó
---	---	--	---	--

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong trường hợp tài sản cố định hữu hình là máy bay, phần hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay được ghi nhận theo nguyên tắc sau:

- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là dịch vụ không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là phụ tùng vật tư hoặc thiết bị không chắc chắn sẽ nhận được thì không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là thiết bị chắc chắn sẽ nhận được và có danh mục cụ thể khi bàn giao thì được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm
Máy bay	16 - 20
Động cơ máy bay	10
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải mặt đất	7 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	5 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

VNA đã thực hiện trích khấu hao tài sản cố định hữu hình theo chế độ quy định và không

có thêm bất kỳ thay đổi nào trong chính sách trích khấu hao tài sản cố định hữu hình.

(ii) Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính dùng trong quản lý, như phần mềm quản lý giá vận chuyển hành khách/hàng hóa, phần mềm phục vụ hàng hóa, phần mềm kế toán. Tổng Công ty không thực hiện phân bổ quyền sử dụng đất được cấp không có thời hạn. Quyền sử dụng đất được cấp có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Các tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 năm đến 07 năm.

VNA đã thực hiện trích khấu hao tài sản cố định vô hình theo chế độ quy định và không có thêm bất kỳ thay đổi nào trong chính sách trích khấu hao tài sản cố định vô hình.

c. *Mức lương bình quân*

Năm 2019, VNA đảm bảo duy trì và ổn định thu nhập cho người lao động (cao hơn 7% so với năm 2018), mức lương bình quân của VNA tương đối cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong ngành hàng không tại Việt Nam. Năm 2020, do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến tình hình sản xuất kinh doanh, sản lượng giờ bay sụt giảm lần lượt bằng 53% và dự kiến bằng 44% so với năm 2019, mạng bay quốc tế đi/đến Việt Nam gần như đang tạm dừng khai thác, chỉ còn đối tượng khách chuyên gia hoặc công dân hồi hương, VNA phải điều hành linh hoạt nguồn lực, chính sách nhân sự và tiền lương theo từng giai đoạn diễn biến của dịch bệnh, tương ứng với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức lương bình quân của người lao động năm 2020 và 6 tháng đầu 2021 sụt giảm bằng 45% - 50% so với năm 2019, hạn chế khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong ngành hàng không.

Bảng 22: Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)

Chỉ tiêu	2019	2020	6T/2021
Phi công	137,8	62,6	41,1
Tiếp viên	24,5	13,0	11,3
Cán bộ nhân viên (trừ HDQT và BGD)	25,4	13,0	13,2

Ghi chú: Thu nhập Phi công, Tiếp viên không gồm Phụ cấp lưu trú

Nguồn: VNA

d. *Tình hình công nợ*

(i) Tổng công nợ phải thu phải trả

Bảng 23: Tổng công nợ hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Tổng các khoản phải thu	10.076.975	4.786.550	4.652.966
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.904.079	3.430.156	3.404.558

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Các khoản phải thu dài hạn	2.172.896	1.356.394	1.248.408
Tổng các khoản phải trả	57.847.310	56.489.804	64.185.951
Nợ ngắn hạn	31.420.636	32.705.410	42.692.678
Nợ dài hạn	26.426.674	23.784.394	21.493.273

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021 của VNA


Bảng 24: Tổng công nợ công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Tổng các khoản phải thu	8.167.948	3.337.355	2.986.565
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.206.694	2.075.612	1.799.250
Các khoản phải thu dài hạn	1.961.254	1.261.743	1.187.315
Tổng các khoản phải trả	50.387.187	49.409.654	54.988.521
Nợ ngắn hạn	24.789.970	26.552.384	34.386.503
Nợ dài hạn	25.597.217	22.857.270	20.602.018

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý II/2021 của VNA

(i) Chi tiết

 **Các khoản phải thu**

Bảng 25: Các khoản phải thu hợp nhất

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.904.079	3.430.156	3.404.558
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.367.025	2.049.596	1.905.455
Trả trước cho người bán ngắn hạn	457.603	290.057	269.102
Phải thu ngắn hạn khác	3.180.959	1.284.193	1.503.218
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(101.507)	(193.713)	(273.369)
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	23	151
Các khoản phải thu dài hạn	2.172.896	1.356.394	1.248.408
Phải thu dài hạn của khách hàng	1.412	1.412	1.412
Trả trước cho người bán dài hạn	91.466	-	0
Phải thu dài hạn khác	2.080.588	1.355.552	1.247.566
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	(571)	(571)	(571)

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
TỔNG CỘNG	10.076.975	4.786.550	4.652.966

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021 của VNA

Năm 2019, tổng nợ phải thu hợp nhất là khoảng 10.077 tỷ đồng, trong đó các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng 78,4%, còn lại là các khoản phải thu dài hạn. Trong tổng các khoản phải thu ngắn hạn phần lớn là các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu ngắn hạn khác. Phải thu dài hạn khác chiếm 20,7% với giá trị khoảng 2.081 tỷ đồng.

Năm 2020, tổng nợ phải thu là gần 4.787 tỷ đồng, giảm 52,5% so với năm 2019 (tương ứng với giảm 5.290 tỷ đồng) do ảnh hưởng của đại dịch covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các hoạt động liên quan đến vận tải hàng không.

Bảng 26: Các khoản phải thu Công ty mẹ

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/6/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.206.694	2.075.612	1.799.250
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.749.493	1.121.873	741.283
Trả trước cho người bán ngắn hạn	392.946	116.667	92.595
Phải thu ngắn hạn khác	3.098.825	883.303	1.018.170
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(34.570)	(46.231)	(52.798)
Các khoản phải thu dài hạn	1.961.254	1.261.743	1.187.315
Phải thu dài hạn khác	1.961.254	1.261.743	1.187.315
TỔNG CỘNG	8.167.948	3.337.355	2.986.565

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý II/2021 của VNA

Năm 2019, tổng nợ phải thu là gần 8.168 tỷ đồng, với tỷ trọng chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn, chiếm tới 76% tương ứng với gần 6.207 tỷ đồng. Trong tổng các khoản phải thu ngắn hạn phần lớn là các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu ngắn hạn khác. Phải thu dài hạn khác chiếm 24% với giá trị hơn 1.961 tỷ đồng.

Năm 2020, tổng nợ phải thu là gần 3.337 tỷ đồng, giảm 59,14% so với năm 2019 (tương ứng với giảm 4.831 tỷ đồng). Tổng nợ phải thu năm 2020 giảm là do các nguyên nhân sau:

- Chủ yếu là do quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh thu hẹp do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đồng thời VNA chuyển đổi hình thức đặt cọc thuê tàu bay từ đặt cọc bằng tiền sang mở LC, thực hiện bù trừ công nợ sửa chữa đòi quỹ đại tu vào tiền thuê, hạn chế các khoản ứng trước cho người bán.

- Khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 59,20% (tương đương 1.628 tỷ đồng) chủ yếu do khoản phải thu bán vé từ các đại lý bán và các hãng hàng không khác giảm mạnh.
- Khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn giảm 70,31% (tương đương 276 tỷ đồng) do quy mô sản xuất kinh doanh thu hẹp đồng thời VNA hạn chế ứng trước cho nhà cung cấp.
- Khoản mục phải thu ngắn hạn và dài hạn khác giảm 57,61%, tương đương 2.915 tỷ đồng (phải thu ngắn hạn khác giảm 71,5% tương đương 2.216 tỷ đồng, phải thu dài hạn khác giảm 35,67% tương đương 700 tỷ đồng) chủ yếu do việc bù trừ công nợ chi sửa chữa đòi quỹ đại tu vào tiền thuê khiến khoản công nợ nhanh chóng được giải phóng và việc chuyển đổi tiền đặt cọc thuê máy bay, động cơ thành LC để bù trừ thanh toán với bên cho thuê.

Các khoản phải thu công ty mẹ tại thời điểm 30/06/2021 đạt 2.987 tỷ đồng, trong đó nợ phải thu ngắn hạn chiếm khoảng 60,2%, nợ phải thu dài hạn chiếm 39,8%. Nợ phải thu giảm nhẹ so với đầu năm chủ yếu do nợ phải thu ngắn hạn tại thời điểm cuối Quý II/2021 tiếp tục giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

VNA thực hiện công tác quản lý công nợ phải thu, trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và xử lý nợ khó đòi theo quy định hiện hành của Nhà nước và chính sách của VNA.

Tại ngày 31/12/2019 và ngày 31/12/2020, VNA có khoản phải thu quá hạn như sau:

Bảng 27: Các khoản phải thu quá hạn năm 2019 và 2020

Đơn vị: Triệu đồng

	2020			2019		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Pan Pacific Airlines	142.234	100.027	42.206	-	-	-
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	38.538	38.538	-	38.538	38.538	-
Global Horizon Canada	-	-	-	13.470	13.470	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	-	-	-	8.609	8.609	-
Air Fast Ticket Group	5.711	5.711	-	5.365	5.365	-
Các đối tượng khác	69.471	50.007	19.463	56.563	36.096	20.467
Tổng cộng	255.953	194.284	61.669	122.545	102.078	20.467
<i>Trong đó:</i>						
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn	-	571	-	-	571	-
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn	-	193.713	-	-	101.507	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của VNA

VNA xác định giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập

tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tại ngày 30/06/2021, theo báo cáo tài chính hợp nhất, VNA có khoản phải thu khó đòi 328 tỷ VND, trong đó số có khả năng thu hồi là 54 tỷ VND. Công ty mẹ có số phải thu khó đòi 58,58 tỷ VND, trong đó số có khả năng thu hồi là 5,79 tỷ VND. Nguyên nhân lớn nhất phát sinh phải thu quá hạn trong VTHK do một số đối tác là các hãng hàng không đã phá sản, một số đại lý bán vé (BSP) đã ngừng hoạt động nên không có khả năng thu hồi

Bảng 28: Các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm 30/06/2021

tác	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân phát sinh
PAN PACIFIC	157.530	-	Từ 06/2020	Công ty mất khả năng thanh toán
Công ty cổ phần Hàng không Đông Dương	38.538	-	Từ năm 2009	Công ty ngừng hoạt động, mất khả năng thanh toán
Air Fast Ticket Group	5.711	-	Từ 07/2014	Đại lý ngừng hoạt động mất khả năng thanh toán
Các đối tượng khác	72.161	11.315		
Tổng cộng	273.940	11.315		

 Các khoản phải trả

Bảng 29: Các khoản phải trả hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nợ ngắn hạn	31.420.636	32.705.410	42.692.678
Phải trả người bán ngắn hạn	15.882.910	13.306.737	19.783.688
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	655.668	286.966	365.544
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	589.250	278.207	214.014
Phải trả người lao động	1.683.053	983.236	931.242
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.588.313	4.086.985	5.257.559
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	951.632	742.675	516.728
Phải trả ngắn hạn khác	599.837	528.584	475.226
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.507.876	11.193.775	14.031.162
Dự phòng phải trả ngắn hạn	174	8.632	8.667
Quỹ khen thưởng phúc lợi	961.923	1.289.614	1.108.849
Nợ dài hạn	26.426.674	23.784.394	21.493.273

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	2.685	3.013	2.877
Phải trả dài hạn khác	870.743	794.637	923.235
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25.426.549	22.856.942	20.431.561
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	126.697	129.802	135.601
NỢ PHẢI TRẢ	57.847.310	56.489.804	64.185.951

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021 của VNA

Bảng 30: Các khoản phải trả công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nợ ngắn hạn	24.789.970	26.552.384	34.386.503
Phải trả người bán ngắn hạn	12.468.743	10.082.875	15.614.314
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	395.550	117.056	203.339
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	126.322	15.896	12.364
Phải trả người lao động	847.353	499.112	588.276
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.800.402	4.394.286	6.056.596
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	941.166	735.255	486.755
Phải trả ngắn hạn khác	395.262	355.782	187.840
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.063.190	9.309.635	10.280.518
Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0	0
Quỹ khen thưởng phúc lợi	751.981	1.042.487	956.501
Nợ dài hạn	25.597.217	22.857.270	20.602.018
Phải trả dài hạn khác	760.986	685.907	815.972
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24.836.231	22.171.363	19.786.046
NỢ PHẢI TRẢ	50.387.187	49.409.654	54.988.521

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý II/2021 của VNA

Năm 2019, nợ phải trả của VNA là 50.387 tỷ đồng, trong đó, nợ phải trả dài hạn chiếm 50,8%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm 49,2% tương ứng với giá trị lần lượt là 25.597 tỷ đồng và 24.790 tỷ đồng.

Theo số liệu BCTC kiểm toán năm 2020, nợ phải trả của VNA tại thời điểm 31/12/2020 là 49.410 tỷ đồng, giảm 1,94% (giảm tuyệt đối 977 tỷ đồng) so với năm 2019. Trong đó nợ phải trả dài hạn là 22.857 tỷ đồng, giảm 10,7% (giảm tuyệt đối 2.740 tỷ đồng), nợ phải trả ngắn hạn là 26.552 tỷ đồng, tăng 7,11% (tăng tuyệt đối 1.762 tỷ đồng) so với năm 2019. Trong cơ cấu nợ phải trả cuối năm 2020, nợ phải trả dài hạn chiếm 46,26%, nợ phải trả ngắn hạn chiếm 53,74%.

Nguyên nhân nợ phải trả ngắn hạn năm 2020 tăng là do dư nợ vay ngắn hạn do VNA vay các ngân hàng tăng 5.120 tỷ đồng, trong khi khoản mục phải trả người bán giảm 2.386 tỷ đồng. Mặt khác, các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm chủ yếu là do hoạt động trả nợ vay.

Tình hình thanh toán các khoản nợ

Tại thời điểm 30/06/2021, VNA không có nợ vay quá hạn tại các Tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, VNA có phát sinh các khoản công nợ quá hạn khoảng 13.337,7 tỷ đồng. Tổng số nợ quá hạn này bao gồm nợ quá hạn của các hóa đơn từ 1 – trên 12 tháng (phát sinh từ thời điểm bùng phát đại dịch Covid-19 trong năm 2020), tỷ trọng nợ quá hạn chủ yếu nằm trong nhóm nợ từ 1-6 tháng (chiếm 75% tổng số nợ quá hạn). Nguyên nhân phát sinh nợ quá hạn do tác động ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, VNA phải dừng toàn bộ đường bay quốc tế thường lệ, chỉ thực hiện các chuyến bay giải cứu công dân, một số chuyến bay chở hàng trong khi vẫn phải thanh toán các khoản chi phí cố định (thuê tàu bay, phí đỗ tàu bay, bảo dưỡng sửa chữa...). Trên đường bay nội địa, doanh thu cũng bị sụt giảm nghiêm trọng.

Phương án xử lý các khoản công nợ quá hạn: VNA chủ động giãn hoãn 12.135,5 tỷ đồng và đàm phán, thỏa thuận giãn hoãn 1.202,2 tỷ đồng. VNA hiện đang tiếp tục đàm phán tăng tỷ lệ giãn hoãn đối với các đối tác, đồng thời cân đối từ các nguồn để thanh toán số nợ chủ động với nguyên tắc thanh toán dần các khoản nợ cũ để rút ngắn thời gian nợ với các đối tác. Tuy nhiên, khả năng thanh toán các khoản nợ quá hạn sẽ phụ thuộc rất lớn vào tiến độ triển khai giải ngân gói hỗ trợ dòng tiền 12.000 tỷ đồng của Chính phủ cũng như khả năng kiểm soát dịch bệnh và phục hồi của nền kinh tế.

Thông tin chi tiết các khoản công nợ quá hạn được nêu tại *Phần IX: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán*. Về giải pháp khắc phục, VNA sẽ sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phần này để thanh toán một phần các khoản nợ quá hạn, nợ đến hạn, trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn (chi tiết tại *Bảng 44: Kế hoạch sử dụng tiền thu được dự kiến*).

Tổng dư nợ vay qua các năm

Bảng 31: Chi tiết các khoản vay hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.507.876	11.193.775	14.031.162
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	769.381	2.702.674	3.086.633
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10.119	951.931	78.618
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	113.719	849.681	349.553

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	344.977	1.110.997	1.948.142
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	35.990	460.229	1.201.251
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	239.236	1.418.217
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	-	110.000	110.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	369.078	228.041
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	-	0
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	-	-	0
Ngân hàng HSBC	-	-	10.757
Tổng cộng	1.274.187	6.793.827	8.431.211
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.361.000	1.394.405	1.436.462
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.872.689	3.005.543	4.163.488
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả			
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	30.660.238	27.256.889	26.031.512
Nợ thuê tài chính dài hạn			
Ngân hàng Citibank	7.402.289	5.793.122	5.686.904
Ngân hàng Credit Agricole	586.769	224.870	191.301
Ngân hàng JP Morgan Chase	1.605.382	1.287.974	1.283.514
Ngân hàng HSBC	1.407.614	1.163.384	1.159.355
Tập đoàn ING	8.702.626	8.121.002	7.447.235
Ngân hàng MUFG	1.824.638	1.667.531	1.561.044
Công ty TNHH Viettel CHT	-	2.647	1.418
Tổng cộng	21.529.317	18.260.531	17.330.771
Vay dài hạn			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.864.443	4.841.484	4.769.732
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	838.155	832.044	829.162
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam	1.628.997	1.534.149	1.435.605
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt nam	210.812	171.286	154.045
Ngân hàng TMCP Quân đội	546.842	501.246	450.217

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Ngân hàng TNHH Indovina	286.882	254.303	237.622
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	322.439	302.598	282.748
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	40.578	62.560	55.523
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	65.562	46.821	37.451
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3.690	2.612	2.073
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	19.245	27.335
Ngân hàng Credit Agricole	8.246	-	0
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	2.802	1.273	509
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	593	-	0
Ngân hàng Công thương Việt Nam	310.882	426.737	418.719
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	0
TỔNG CỘNG	9.130.921	8.996.358	8.700.741

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021 của VNA

Bảng 32: Chi tiết các khoản vay Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.063.190	9.309.635	10.280.518
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	1.898.400	1.722.872
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	751.413	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	799.681	299.553
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	568.283	714.826
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	460.229	997.927
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	188.220	900.770
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	-	110.000	110.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	344.255	172.900
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	-	-	-
Tổng cộng	-	5.120.481	4.918.847
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.190.501	1.184.841	1.198.183
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.872.389	3.004.313	4.163.488
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	-	-	-

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	29.899.422	26.360.517	25.147.717
Nợ thuê tài chính dài hạn			
Ngân hàng Citibank	7.402.289	5.793.122	5.686.904
Ngân hàng Credit Agricole	586.769	224.870	191.301
Ngân hàng JP Morgan Chase	1.605.382	1.287.974	1.283.514
Ngân hàng HSBC	1.407.614	1.163.384	1.159.355
Tập đoàn ING	8.702.626	8.121.002	7.447.235
Ngân hàng MUFG	1.824.638	1.667.531	1.561.044
Tổng cộng	21.529.317	18.257.884	17.329.353
Vay dài hạn			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.758.767	4.740.593	4.676.247
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	834.565	832.044	829.162
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam	1.611.997	1.494.972	1.365.372
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt nam	161.253	125.940	108.156
Ngân hàng TMCP Quân đội	385.363	352.183	319.057
Ngân hàng TNHH Indovina	286.882	254.303	237.622
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	322.439	302.598	282.748
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	-	-
Ngân hàng Credit Agricole	8.246	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	-	-	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	593	-	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	-
TỔNG CỘNG	8.370.104	8.102.633	7.818.364

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý II/2021 của VNA

e. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 33: Các khoản phải nộp nhà nước Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Thuế GTGT	101.638	64.195	76.273
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Thuế TNDN (*)	190.008	47.624	99.357
Thuế thu nhập cá nhân	88.040	18.868	1.860
Thuế tài nguyên	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	441	20	11.340
Thuế bảo vệ môi trường	199.413	136.972	1.159
Thuế nhà thầu	9.349	10.499	23.994
Các khoản phải nộp khác	361	28	31
Tổng cộng	589.250	278.207	214.014

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021 của VNA

Bảng 34: Các khoản phải nộp Nhà nước Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	30/06/2021
Thuế GTGT	596	488	294
Thuế TNDN (*)	65.643	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	51.102	5.691	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1	11.011
Thuế nhà thầu	8.981	9.716	1.059
Tổng cộng	126.322	15.896	12.364

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý II/2021 của VNA

VNA luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Cụ thể, VNA luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế bao gồm thuế Giá trị gia tăng (GTGT), thuế Xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế nhà đất và tiền thuê đất, thuế bảo vệ môi trường, thuế nhà thầu và các khoản thuế khác theo quy định của Nhà nước.

f. Trích lập các quỹ

Bảng 35: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	685.962	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	684.241	-
Trích quỹ thưởng người quản lý	1.721	-
Quỹ Đầu tư phát triển	-	-
Tổng	685.962	-


Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, 2021 của VNA

ĐHĐCĐ thường niên 2020, 2021 đã quyết định phương án phân phối lợi nhuận năm 2019, 2020 và trích lập các quỹ theo số liệu bảng trên. Do tình hình hoạt động kinh doanh khó khăn năm 2020, ĐHĐCĐ thường niên 2021 quyết định không trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi do hoạt động kinh doanh lỗ.

VNA thực hiện việc trích lập các quỹ theo Quyết định của ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (Luật Doanh nghiệp, ...) và các quy định khác về trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước, bao gồm:

- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

g. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của VNA kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 2020

 Việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc Ngân hàng Nhà nước thực hiện tái cấp vốn đối với các Tổ chức tín dụng cho VNA vay

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2021 quy định về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn đối với các tổ chức tín dụng sau khi tổ chức tín dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP vay bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội và Nghị quyết số 194/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP do đại dịch COVID-19. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước thực hiện tái cấp vốn bằng đồng Việt Nam và không có tài sản đảm bảo trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng và số tiền cho vay của các tổ chức tín dụng đối với Tổng Công ty theo Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ. Tổng số tiền giải ngân tái cấp vốn đối với các tổ chức tín dụng tối đa là 4.000 tỷ đồng, lãi suất 0%/năm, tổng thời gian tái cấp vốn và gia hạn tối đa không quá 3 năm và giải ngân trước ngày 31 tháng 12 năm 2021. (Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2020 được kiểm toán của VNA).

Đến thời điểm lập Bản cáo bạch, VNA đã hoàn thành lựa chọn và ký hợp đồng với 03 tổ chức tín dụng cho VNA vay tái cấp vốn là Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank), Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) với tổng số tiền cho vay 4.000 tỉ đồng.

Diễn biến dịch COVID-19

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 2019, đại dịch Covid-19 là nhân tố ảnh hưởng lớn nhất đến tình hình hoạt động kinh doanh của VNA. Việc kéo dài của đại dịch Covid-19 ảnh hưởng đến nguồn thu ngành Vận tải hàng không trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Giá nhiên liệu biến động

Việc biến động của chi phí nhiên liệu có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VNA, nếu giá nhiên liệu bay trung bình/năm thay đổi 1 USD sẽ khiến chi phí khai thác của VNA thay đổi khoảng 170 tỷ đồng/năm. Nhiên liệu máy bay sử dụng cho ngành hàng không được sản xuất bằng cách chưng cất dầu thô. Triển vọng tăng giá dầu được hỗ trợ bởi những dự báo lạc quan về nhu cầu tiêu thụ, khi kinh tế Mỹ, Trung Quốc và châu Âu đều đang phục hồi nhanh từ cú sốc mà đại dịch Covid-19 gây ra. Những nhận định tích cực từ liên minh OPEC+ và Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) trong tuần này cũng góp phần quan trọng đưa dầu tăng giá. Giá dầu SingJet Kerosene trung bình năm 2021 được dự báo khoảng 70,44 USD/thùng, tăng hơn 20 USD/thùng so với cùng kỳ.

Tỷ giá USD/VND

VNA chịu sức ép về biến động tỷ giá do có nhiều khoản vay bằng đồng ngoại tệ, đặc biệt các khoản vay bằng đồng USD. Mặc dù theo đánh giá của các chuyên gia, điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng nhà nước trong năm 2021 sẽ ít nhiều gặp áp lực. Nhiều yếu tố thúc đẩy VND mạnh lên như: kinh tế vĩ mô hồi phục nhanh, áp lực lạm phát dự báo giảm, đồng USD sẽ tiếp tục suy yếu... Tuy nhiên, những biến động bất thường của tỷ giá, đặc biệt là tỷ giá VND/USD sẽ có tác động mạnh đến tình hình tài chính của VNA.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 36: Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	6T/2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,61	0,25	0,20
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>				
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,50	0,20	0,14
<i>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,76	0,90	1,08

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	6T/2021
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	3,11	9,30	(13,62)
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân</i>	Lần	1,24	0,58	0,23
+ Vòng quay vốn lưu động: <i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Lần	4,96	2,94	1,67
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân</i>	Lần	24,05	17,71	10,12
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	2,58%	-	-
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	3,19%	-	-
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	13,61%	-	-
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS): <i>Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ/ Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành</i>	Đồng	1.654	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021 của VNA

Bảng 37: Các chỉ tiêu tài chính công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	6T/2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,48	0,15	0,09
+ Hệ số thanh toán nhanh <i>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,23	0,07	0,08
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	6T/2021
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,73	0,84	1,01
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,71	5,39	(141,7)
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay tổng tài sản:				
<i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân</i>	Lần	1,01	0,48	0,16
+ Vòng quay vốn lưu động:				
<i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Lần	5,93	3,87	2,62
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
<i>Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân</i>	Lần	139,04	110,41	51,54
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):				
<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	3,35%	-	-
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):				
<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	3,39%	-	-
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):				
<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	13,12%	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng Quý II/2021 của VNA

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. Về Báo cáo tài chính riêng năm 2019 được kiểm toán của VNA

3.1.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.1.2. Vấn đề cần nhấn mạnh

Tổ chức Kiểm toán lưu ý tới Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng về các diễn biến của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc gia hạn thanh toán các khoản

vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp. Cụ thể như sau:

(i) Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra ("Covid-19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ diễn biến khó dự đoán của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Các giải pháp hiệu quả và chủ động của Chính phủ Việt Nam ("Chính phủ") đã được triển khai và kiểm soát nhằm đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của Tổ chức Y tế Thế giới trong việc kiểm soát dịch bệnh này, bao gồm nhưng không giới hạn việc hạn chế đi lại cũng như áp dụng cách ly toàn xã hội.

Do vậy, sự kiện trên đã tác động trực tiếp đến doanh thu lãi của Tổng Công ty đến lĩnh vực vận tải hàng không. Ban Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng tiềm tàng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, kèm theo các kế hoạch thích hợp trong ngắn hạn và dài hạn để kiểm soát sự không chắc chắn. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ Chính phủ và việc gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp. Tổng Công ty đã gửi công văn kêu gọi Chính phủ đưa ra những hỗ trợ cần thiết, bao gồm:

- Các khoản vay trong gói hỗ trợ tín dụng của Chính phủ cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid-19;
- Giảm thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước; và
- Hỗ trợ trong vấn đề thương thảo với các bên cho vay/chủ nợ và các tổ chức khác nhằm gia hạn các khoản vay và giãn nghĩa vụ thanh toán,

Khoản hỗ trợ tài chính đang trong quá trình xem xét và phụ thuộc vào quyết định phê duyệt của Chính phủ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc đang chủ động xem xét lại chiến lược kinh doanh, làm việc với các đối tác, các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng nhằm ứng phó với tình hình tài chính hiện tại.

(ii) Trong năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã chấp nhận phương án tái cơ cấu khoản đầu tư vào Hãng hàng không Cambodia Angkor Air. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng công ty đang thực hiện triển khai việc thoái vốn đầu tư trên.

(iii) Tính đến ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty đã ký các hợp đồng bán 5 máy bay A321 với tổng giá trị thanh lý khoảng 37.009.000 USD. Tổng Công ty đang thực hiện bàn giao các máy bay này và dự kiến hoàn thành trước tháng 6 năm 2020.

3.2. Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được kiểm toán của VNA

3.2.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2.2. Vấn đề cần nhấn mạnh

Tổ chức Kiểm toán lưu ý tới Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất về các diễn biến của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc gia hạn thanh toán các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp. Cụ thể như sau:

(i) Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra ("Covid-19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ diễn biến khó dự đoán của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Các giải pháp hiệu quả và chủ động của Chính phủ Việt Nam ("Chính phủ") đã được triển khai và kiểm soát nhằm đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của Tổ chức Y tế Thế giới trong việc tìm kiếm dịch bệnh này, bao gồm nhưng không giới hạn việc hạn chế đi lại cũng như áp dụng cách ly toàn xã hội.

Do vậy, sự kiện trên đã tác động trực tiếp đến doanh thu lãi của Tổng Công ty đến lĩnh vực vận tải hàng không. Ban Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng tiềm tàng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, kèm theo các kế hoạch thích hợp trong ngắn hạn và dài hạn để kiểm soát sự không chắc chắn. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ Chính phủ và việc gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp. Tổng Công ty đã gửi công văn kêu gọi Chính phủ đưa ra những hỗ trợ cần thiết, bao gồm:

- Các khoản vay trong gói hỗ trợ tín dụng của Chính phủ cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid-19;
- Giảm thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước; và
- Hỗ trợ trong vấn đề thương thảo với các bên cho vay/chủ nợ và các tổ chức khác nhằm gia hạn các khoản vay và giãn nghĩa vụ thanh toán,

Khoản hỗ trợ tài chính đang trong quá trình xem xét và phụ thuộc vào quyết định phê duyệt của Chính phủ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc đang chủ động xem xét lại chiến lược kinh doanh, làm việc với các đối tác, các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng nhằm ứng phó với tình hình tài chính hiện tại.

(ii) Trong năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã chấp nhận phương án tái cơ cấu khoản đầu tư vào Hãng hàng không Cambodia Angkor Air. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng công ty đang thực hiện triển khai việc thoái vốn đầu tư trên.

(iii) Tính đến ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty đã ký các hợp đồng bán 5 máy bay A321 với tổng giá trị thanh lý khoảng 37.009.000 USD. Tổng Công ty đang thực hiện bàn giao các máy bay này và dự kiến hoàn thành trước tháng 6 năm 2020.

3.3. Về Báo cáo tài chính riêng năm 2020 được kiểm toán của VNA

3.3.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.3.2. Vấn đề cần nhấn mạnh

Tổ chức kiểm toán đã có ý kiến nhấn mạnh tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của VNA vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 22.645 tỷ đồng và khoản phải trả quá hạn của VNA là 4.802 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, VNA có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 8.755 tỷ đồng và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm với số tiền là 6.894 tỷ đồng. Bên cạnh đó, dịch bệnh Covid-19 đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của VNA. Khả năng hoạt động liên tục của VNA sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, các khoản phải trả cho các nhà cung cấp và cho thuê cũng như diễn biến của dịch Covid-19. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 02, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của VNA.

Tổ chức kiểm toán cũng lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Theo Công văn số 26/BTC-TCDN do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 12 tháng 01 năm 2021, Tổng Công ty đã áp dụng hướng dẫn kế toán riêng về việc ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng của các máy bay khai thác và động cơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, và các ảnh hưởng của việc áp dụng hướng dẫn này được trình bày tại Thuyết minh số 12, 13 và 16.

a. Về giả định hoạt động liên tục tại thuyết minh số 02

Giả định hoạt động liên tục tại thuyết minh số 02 trong Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2020 của VNA cụ thể như sau:

Tại ngày 31/12/2020, nợ ngắn hạn của VNA vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 22.645 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 12.937 tỷ đồng) và khoản phải trả quá hạn của VNA là 4.802 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 đồng). VNA có lỗ trong năm với số tiền là 8.755 tỷ đồng (năm 2019: lãi 2.418 tỷ đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 6.894 tỷ đồng (năm 2019: dương 6.469 tỷ đồng). Dịch bệnh Covid-19 đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của VNA. Khả năng hoạt động liên tục của VNA sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp cũng như diễn biến của dịch Covid-19.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để VNA có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải

pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- VNA điều chỉnh lại lịch bay và các chặng bay phù hợp với nhu cầu thị trường và các diễn biến kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ nhằm tối ưu hóa chi phí và sử dụng đội tàu bay hiện có. Từ tháng 5 năm 2020 tới ngày lập báo cáo tài chính riêng này, VNA đã mở thêm 21 đường bay trong nước (lên con số tổng cộng 61 đường bay nội địa), duy trì thị phần vận tải hành khách nội địa đặc biệt trong giai đoạn mùa cao điểm trong năm;
- VNA đã thực hiện cơ cấu lại dịch vụ vận tải trong đó tăng các chuyến bay chở hàng hóa trong giai đoạn suy giảm nhu cầu vận tải hành khách trong nước và quốc tế. Do đó, doanh thu vận tải hàng hóa, bù trừ trong năm 2020 chỉ suy giảm khoảng 20% so với năm trước (Thuyết minh số 28) và tiếp tục tăng trưởng trong năm 2021;
- VNA cũng thực hiện quyết liệt các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý chung, chi phí gián tiếp, chi phí quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến thương mại, chi phí bán hàng;
- VNA điều chỉnh chính sách sử dụng lao động và chi phí lao động bao gồm chi phí lương của phi công, tiếp viên, ban lãnh đạo và các bộ phận khác trong VNA;
- VNA đã và đang tiếp tục đàm phán giảm giá, hoãn tiến độ thanh toán với các đối tác, trong đó có nhiều đối tác đã đồng ý giảm giá (đối với chi phí thuê máy bay, nhân công bảo dưỡng,...) hoặc hoãn tiến độ thanh toán (đối với chi phí thuê máy bay, quản lý bay, các dịch vụ chuyên bay,..);
- Hầu hết các ngân hàng đã đồng ý giãn thanh toán nợ vay cho các khoản vay đến hạn hoặc giãn các khoản dư nợ vay gốc đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 ban hành bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (áp dụng với các khoản dư nợ gốc đến hạn trả từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng công bố hết dịch), hoặc giảm chi phí lãi vay phải trả; VNA cũng đang trong quá trình đàm phán với các ngân hàng nội địa để có thêm hạn mức tín dụng trong năm 2021;
- Nhằm tối ưu hóa hoạt động và cắt giảm chi phí, VNA điều chỉnh tiêu chuẩn, quy trình dịch vụ đối với dịch vụ mặt đất (check in, phòng chờ, băng tải hành lý, cân hành lý, ống lồng,...), dịch vụ phục vụ trên chuyên bay (suất ăn, đồ uống, báo chí, giải trí,...), chủ động sắp xếp, điều chỉnh lịch bảo dưỡng sửa chữa của các máy bay;
- VNA cũng đã và đang đàm phán lùi lịch nhận máy bay thuê hoạt động, trong đó, 06 máy bay dòng B787-10 và A320 NEO đã được gia hạn nhận tới cuối năm 2021 và trong năm 2022, 2023 thay vì nhận trong năm 2020 theo thỏa thuận ban đầu;

- VNA cũng tìm kiếm các nguồn thu khác như thanh lý máy bay, bán và thuê lại máy bay, thanh lý các khoản đầu tư. Trong năm 2020, VNA đã thực hiện bàn giao 3/5 máy bay A321 thuộc hợp đồng thanh lý 05 máy bay đã ký từ năm 2019 và thu được toàn bộ số tiền là 365 tỷ đồng, đối với 2 máy bay còn lại khách hàng đã thực hiện thanh lý hợp đồng và thanh toán khoản phạt 23,5 tỷ đồng cho VNA. VNA đã xây dựng kế hoạch tiếp tục bán 2 máy bay này trong năm 2021 cùng với kế hoạch bán thêm 09 máy bay A321 sản xuất năm 2007-2008; và
- VNA cũng tiếp tục báo cáo và kêu gọi sự hỗ trợ tài chính từ Chính phủ và các cơ quan Nhà nước để VNA có thể duy trì khả năng hoạt động liên tục.

Nhà nước cũng đã có các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nói chung và cho các doanh nghiệp hàng không nói riêng bao gồm:

- Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19; Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 về việc gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất;
- Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 897/TCT-QLN ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc gia hạn nộp thuế, miễn tiền chậm nộp do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Theo đó, các doanh nghiệp/người nộp thuế bị thiệt hại bởi dịch bệnh được gia hạn nộp thuế và miễn tiền chậm nộp theo các quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 trong đó có VNA. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đang xem xét ban hành thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2020/TT-NHNN để tiếp tục hỗ trợ khách hàng trong năm 2021;
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Công văn số 874/LĐTBXH-BHXXH ngày 16 tháng 3 năm 2020 gửi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về hướng dẫn tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí và tử tuất đối với doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19;
- Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Theo đó, một số giải pháp được nhắc đến bao gồm:
 - Giảm 15% tiền thuê đất phải nộp,
 - Miễn phí bảo lãnh phát sinh trong năm 2020 đối với các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh cho các doanh nghiệp hàng không còn dư nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019,

- Giảm 50% giá cất cánh, hạ cánh tàu bay và giá dịch vụ điều hành bay đi, đến đối với các chuyến bay nội địa từ tháng 3 tới hết tháng 9 năm 2020;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14 ngày 27 tháng 7 năm 2020 nhằm sửa đổi Biểu thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay, theo đó thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay được giảm 30% từ 3.000 đồng/lít xuống 2.100 đồng/lít, áp dụng từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 tới hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được gia hạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14 ngày 21 tháng 12 năm 2020.
- Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (“ACV”) giảm giá 7 loại dịch vụ cho tất cả các hãng hàng không bao gồm cả hãng hàng không quốc tế và hãng hàng không Việt Nam đang sử dụng các dịch vụ tại các cảng hàng không của ACV. 7 loại dịch vụ bao gồm: dịch vụ dẫn máy bay (giảm 50%); dịch vụ thang ống, thuê băng chuyền, xử lý hành lý tự động, thuê quầy, phục vụ mặt đất (giảm 10%); và dịch vụ thuê văn phòng đại diện (giảm 100% đối với các hãng hàng không dừng bay, giảm 30% đối với các hãng vẫn duy trì bay). Thời gian miễn giảm là 7 tháng kể từ ngày 01 tháng 3 tới hết tháng 9 năm 2020; và

Bên cạnh các giải pháp hỗ trợ chung cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid-19 và ngành hàng không, Chính phủ đã và đang triển khai các chương trình hỗ trợ tài chính cho VNA bao gồm các khoản tín dụng và việc tăng thêm vốn điều lệ nhằm đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh liên tục của VNA. Quốc hội khóa 14 cũng đã thông qua các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho VNA do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tại kỳ họp lần thứ 10 trong tháng 11 năm 2020. Theo đó, Chính phủ đã giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) thực hiện các thủ tục cần thiết để tuân thủ theo Nghị quyết của Quốc hội, cụ thể như sau:

- Ngân hàng Nhà nước thực hiện tái cấp vốn không có tài sản đảm bảo cho các tổ chức tín dụng đủ điều kiện sau khi tổ chức tín dụng cho VNA vay. Thời hạn tái cấp vốn trong vòng 364 ngày, gia hạn không quá hai lần. Số tiền tái cấp vốn tối đa không quá 4.000 tỷ đồng và không chịu lãi suất. Việc giải ngân không được muộn hơn ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- VNA phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ thêm 8.000 tỷ đồng. SCIC thực hiện quyền mua cổ phần của cổ đông Nhà nước theo phương án được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định hiện hành khác.
- Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ cho vay và tăng vốn từ Chính phủ. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

b. Các ý kiến của Tổ chức kiểm toán về những nội dung liên quan đến chính sách trích khấu hao và phân bổ chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, động cơ năm 2020

Thuyết minh số 12 trong Báo cáo tài chính riêng năm 2020 được kiểm toán của VNA cụ thể như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.041.671.441.293 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.318.597.771.424 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 8.981.698.644.233 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 9.317.353.973.829 đồng) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Năm 2020, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng của Công văn số 26/BTC-TCDN của Bộ Tài Chính. Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách của Tổng công ty, khấu hao tài sản cố định hữu hình lũy kế trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc niên độ kế toán sẽ tăng 675 tỷ đồng, theo đó, chi phí khấu hao và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng tăng với cùng số tiền là 675 tỷ đồng.

Thuyết minh số 13 trong Báo cáo tài chính riêng năm 2020 được kiểm toán của VNA cụ thể như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đang thuê tài chính 26 máy bay bao gồm các loại máy bay A321, B787 và ATR-72. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tổng Công ty có quyền lựa chọn mua lại những máy bay này theo điều kiện của hợp đồng.

Năm 2020, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn tại Công văn số 26/BTC-TCDN của Bộ Tài chính. Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao của Tổng Công ty, khấu hao tài sản cố định thuê tài chính lũy kế trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc niên độ kế toán sẽ tăng 1.331 tỷ đồng, theo đó, chi phí khấu hao và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng sẽ tăng với cùng số tiền là 1.331 tỷ đồng.

Thuyết minh số 16 trong Báo cáo tài chính riêng năm 2020 được kiểm toán của VNA cụ thể như sau:

Năm 2020, Tổng Công ty phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo hướng dẫn tại Công văn số 26/BTC-TCDN của Bộ Tài chính. Nếu Tổng Công ty áp dụng phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo chính sách của Tổng Công ty, chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay chưa phân bổ trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc niên độ kế toán sẽ giảm 1.139 tỷ đồng, theo đó, chi phí sửa chữa lớn và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng sẽ tăng với cùng số tiền là 1.139 tỷ đồng.

Tổng ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách khấu hao và phân bổ chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, động cơ của VNA trên báo cáo tài chính riêng trong năm 2020 sẽ làm giảm chi phí Công ty mẹ 3.145 tỷ đồng.

3.4. Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của VNA

3.4.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính

kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.4.2. Vấn đề cần nhấn mạnh

Tổ chức Kiểm toán đã lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 24.456 tỷ đồng và khoản phải trả quá hạn của Tổng Công ty là 6.640 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty có kết quả kinh doanh hợp nhất lỗ với số tiền là 11.178 tỷ đồng và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất âm với số tiền là 6.456 tỷ đồng. Bên cạnh đó, dịch bệnh Covid-19 vẫn đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, các khoản phải trả cho các nhà cung cấp và cho thuê cũng như diễn biến của dịch Covid-19. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 02, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Tổ chức kiểm toán cũng lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo Công văn số 26/BTC-TCDN do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 12 tháng 01 năm 2021, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã áp dụng hướng dẫn kế toán riêng về việc ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng của các máy bay khai thác và động cơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, và các ảnh hưởng của việc áp dụng hướng dẫn này được trình bày tại Thuyết minh số 12, 13 và 14.

a. Về giả định hoạt động liên tục tại thuyết minh số 02

Giả định hoạt động liên tục tại thuyết minh số 02 trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 của VNA cụ thể như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 24.456 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 12.133 tỷ đồng) và khoản phải trả quá hạn của Tổng Công ty là 6.640 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 đồng). Tổng Công ty có kết quả kinh doanh hợp nhất lỗ trong năm với số tiền là 11.178 tỷ đồng (năm 2019: lãi 2.537 tỷ đồng) và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm âm 6.456 tỷ đồng (năm 2019: dương 8.819 tỷ đồng). Dịch bệnh Covid-19 đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp cũng như diễn biến của dịch Covid-19.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục trong ngắn hạn. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Tổng Công ty điều chỉnh lại lịch bay và các chặng bay phù hợp với nhu cầu thị trường và

- các diễn biến kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ nhằm tối ưu hóa chi phí và sử dụng đội tàu bay hiện có. Từ tháng 5 năm 2020 tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã mở thêm 21 đường bay trong nước (lên con số tổng cộng 61 đường bay nội địa), duy trì thị phần vận tải hành khách nội địa đặc biệt trong giai đoạn mùa cao điểm trong năm;
- Tổng Công ty đã thực hiện cơ cấu lại dịch vụ vận tải trong đó tăng các chuyến bay chở hàng hóa trong giai đoạn suy giảm nhu cầu vận tải hành khách trong nước và quốc tế. Do đó, doanh thu vận tải hàng hóa, bưu kiện trong năm 2020 chỉ suy giảm khoảng 20% so với năm trước (Thuyết minh số 30) và tiếp tục tăng trưởng trong năm 2021;
 - Tổng Công ty cũng thực hiện quyết liệt các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý chung, chi phí gián tiếp, chi phí quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến thương mại, chi phí bán hàng;
 - Tổng Công ty điều chỉnh chính sách sử dụng lao động và chi phí lao động bao gồm chi phí lương của phi công, tiếp viên, lãnh đạo và các bộ phận khác trong Tổng Công ty;
 - Tổng Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán giảm giá, hoãn tiến độ thanh toán với các đối tác, trong đó có nhiều đối tác đã đồng ý giảm giá (đối với chi phí thuê máy bay, nhân công bảo dưỡng, ...) hoặc hoãn tiến độ thanh toán (đối với chi phí thuê máy bay, quản lý bay, các dịch vụ chuyến bay,...);
 - Hầu hết các ngân hàng đã đồng ý giãn thanh toán nợ vay cho các khoản vay đến hạn hoặc giãn các khoản dư nợ vay gốc đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 ban hành bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (áp dụng với các khoản dư nợ gốc đến hạn trả từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng công bố hết dịch), hoặc giảm chi phí lãi vay phải trả; Tổng Công ty cũng đang trong quá trình đàm phán với các ngân hàng nội địa để có thêm hạn mức tín dụng trong năm 2021;
 - Nhằm tối ưu hóa hoạt động và cắt giảm chi phí, Tổng Công ty điều chỉnh tiêu chuẩn, quy trình dịch vụ đối với dịch vụ mặt đất (check in, phòng chờ, băng tải hành lý, cân hành lý, cầu ống lồng,...), dịch vụ phục vụ trên chuyến bay (suất ăn, đồ uống, báo chí, giải trí,...), chủ động sắp xếp, điều chỉnh lịch bảo dưỡng sửa chữa của các máy bay;
 - Tổng Công ty cũng đã và đang đàm phán lùi lịch nhận máy bay thuê hoạt động, trong đó, 06 máy bay dòng B787-10 và A320 NEO đã được gia hạn nhận tới cuối năm 2021 và trong năm 2022, 2023 thay vì nhận trong năm 2020 theo thỏa thuận ban đầu;
 - Tổng Công ty cũng tìm kiếm các nguồn thu khác như thanh lý máy bay, bán và thuê lại máy bay, thanh lý các khoản đầu tư. Trong năm 2020, Tổng Công ty đã thực hiện bàn giao 3/5 máy bay A321 thuộc hợp đồng thanh lý 05 máy bay đã ký từ năm 2019 và thu được toàn bộ số tiền là 365 tỷ đồng, đối với 2 máy bay còn lại khách hàng đã thực hiện thanh lý hợp đồng và thanh toán khoản phạt 23,5 tỷ đồng cho Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng kế hoạch tiếp tục bán 2 máy bay này trong năm 2021 cùng với kế hoạch bán thêm 09 máy bay A321 sản xuất năm 2007-2008; và

- Tổng Công ty cũng tiếp tục báo cáo và kêu gọi sự hỗ trợ tài chính từ Chính phủ và các cơ quan Nhà nước để Tổng Công ty có thể duy trì khả năng hoạt động liên tục
- Nhà nước cũng đã có các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nói chung và cho các doanh nghiệp hàng không nói riêng bao gồm:
 - Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19; Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 về việc gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất;
 - Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 897/TCT-QLN ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc gia hạn nộp thuế, miễn tiền chậm nộp do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19. Theo đó, các doanh nghiệp/người nộp thuế bị thiệt hại bởi dịch bệnh được gia hạn nộp thuế và miễn tiền chậm nộp theo các quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 trong đó có Tổng Công ty. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đang xem xét ban hành thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2020/TT-NHNN để tiếp tục hỗ trợ khách hàng trong năm 2021;
 - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Công văn số 874/LĐTBXH-BHXXH ngày 16 tháng 3 năm 2020 gửi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về hướng dẫn tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí và tử tuất đối với doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19;
 - Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Theo đó, một số giải pháp được nhắc đến bao gồm:
 - Giảm 15% tiền thuê đất phải nộp,
 - Miễn phí bảo lãnh phát sinh trong năm 2020 đối với các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh cho các doanh nghiệp hàng không còn dư nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019,
 - Giảm 50% giá cất cánh, hạ cánh tàu bay và giá dịch vụ điều hành bay đi, đến đối với các chuyến bay nội địa từ tháng 3 tới hết tháng 9 năm 2020.
 - Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14 ngày 27 tháng 7 năm 2020 nhằm sửa đổi Biểu thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay, theo đó thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay được giảm 30% từ 3.000 đồng /lít xuống 2.100 đồng/lít, áp dụng từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 tới hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 và được gia hạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14 ngày 21 tháng 12 năm 2020.

- Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (“ACV”) giảm giá 7 loại dịch vụ cho tất cả các hãng hàng không bao gồm cả hãng hàng không quốc tế và hãng hàng không Việt Nam đang sử dụng các dịch vụ tại các cảng hàng không của ACV. 7 loại dịch vụ bao gồm: dịch vụ dẫn máy bay (giảm 50%); dịch vụ thang ống, thuê băng chuyền, xử lý hành lý tự động, thuê quầy, phục vụ mặt đất (giảm 10%); và dịch vụ thuê văn phòng đại diện (giảm 100% đối với các hãng hàng không dừng bay, giảm 30% đối với các hãng vẫn duy trì bay). Thời gian miễn giảm là 7 tháng kể từ ngày 01 tháng 3 tới hết tháng 9 năm 2020; và

Bên cạnh các giải pháp hỗ trợ chung cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid-19 và ngành hàng không, Chính phủ đã và đang triển khai các chương trình hỗ trợ tài chính cho Tổng Công ty bao gồm các khoản tín dụng và tăng thêm vốn điều lệ nhằm đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh liên tục của Tổng Công ty. Quốc hội khóa 14 cũng đã thông qua các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Tổng Công ty do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tại kỳ họp lần thứ 10 trong tháng 11 năm 2020. Theo đó, Chính phủ đã giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) thực hiện các thủ tục cần thiết để tuân thủ theo Nghị quyết của Quốc hội, cụ thể như sau:

- Ngân hàng Nhà nước thực hiện tái cấp vốn không có tài sản đảm bảo cho các tổ chức tín dụng đủ điều kiện sau khi tổ chức tín dụng cho Tổng Công ty vay. Thời hạn tái cấp vốn trong vòng 364 ngày, gia hạn không quá hai lần. Số tiền tái cấp vốn tối đa không quá 4.000 tỷ đồng và không chịu lãi suất. Việc giải ngân không được muộn hơn ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- Tổng Công ty phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ thêm 8.000 tỷ đồng. SCIC thực hiện quyền mua cổ phần của cổ đông Nhà nước theo phương án được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định hiện hành khác.

Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh hợp nhất và kế hoạch dòng tiền hợp nhất, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn và các khoản hỗ trợ từ Chính phủ. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

b. Các ý kiến của Tổ chức kiểm toán về những nội dung liên quan đến chính sách trích khấu hao và phân bổ chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, động cơ năm 2020

Thuyết minh số 12 trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của VNA cụ thể như sau:

Năm 2020, Tổng Công ty phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo hướng dẫn tại Công văn số 26/BTC-TCDN của Bộ Tài chính. Nếu Tổng Công ty áp dụng phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo chính sách của Tổng Công ty, chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay chưa phân bổ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán sẽ giảm 1.139 tỷ đồng, theo đó, chi phí sửa chữa lớn và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng sẽ tăng với cùng số tiền là 1.139 tỷ đồng.

Thuyết minh số 13 trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của VNA cụ thể như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng với giá trị là 5.239.397.504.594 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.188.331.691.914 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 9.869.004.615.286 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.045.528.921.160 đồng) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

Năm 2020, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng của Công văn số 26/BTC-TCDN của Bộ Tài chính. Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao của Tổng Công ty, khấu hao tài sản cố định hữu hình lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán sẽ tăng 675 tỷ đồng, theo đó, chi phí khấu hao và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng tăng với cùng số tiền là 675 tỷ đồng.

Thuyết minh số 14 trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của VNA cụ thể như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đang thuê tài chính 26 máy bay bao gồm các loại máy bay A321, B787 và ATR-72. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tổng Công ty có quyền lựa chọn mua lại những máy bay này theo các điều kiện của hợp đồng thuê tài chính.

Năm 2020, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn tại Công văn số 26/BTC-TCDN của Bộ Tài chính. Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao của Tổng Công ty, khấu hao tài sản cố định thuê tài chính lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán sẽ tăng 1.331 tỷ đồng, theo đó, chi phí khấu hao và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng sẽ tăng với cùng số tiền là 1.331 tỷ đồng.

Tổng ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách khấu hao và phân bổ chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, động cơ của VNA trên báo cáo tài chính hợp nhất trong năm 2020 sẽ làm giảm chi phí hợp nhất 3.145 tỷ đồng.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021

Bảng 38: Các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu lợi nhuận năm 2021

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2020 (Tỷ đồng)	Năm 2021	
			Kế hoạch (Tỷ đồng)	% tăng/giảm KH 2021 so với TH 2020
Vốn chủ sở hữu hợp nhất	18.608	6.072	11	-99,82%
<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	<i>18.602</i>	<i>9.161</i>	<i>4.253</i>	<i>-54%</i>
Tổng Doanh thu hợp nhất	100.316	42.276	37.364	-11,60%
<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	<i>74.694</i>	<i>33.266</i>	<i>24.682</i>	<i>-25,80%</i>

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2020 (Tỷ đồng)	Năm 2021	
			Kế hoạch (Tỷ đồng)	% tăng/ giảm KH 2021 so với TH 2020
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	2.537	(11.178)	(14.526)	N/A
<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	2.418	(8.755)	(12.908)	N/A
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /Tổng Doanh thu hợp nhất	2,53%	-	-	
<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	3,24%	-	-	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân hợp nhất	13,61%	-	-	
<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	13,12%	-	-	
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	0%	

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 của VNA

Theo Kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/7/2021, Công ty mẹ VNA dự kiến lỗ 12.908 tỷ đồng cho năm 2021 và có lỗ lũy kế đến 31/12/2021 nên không chia cổ tức. Cũng tại Nghị quyết này, Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho HĐQT căn cứ diễn biến thị trường để phê duyệt điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nói trên

Ngay từ đầu năm 2021, VNA đã xác định đây sẽ là năm vô cùng khó khăn do hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn tiếp tục khủng hoảng trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến khó lường, đồng thời tình hình tài chính của VNA đã bị suy yếu sau những ảnh hưởng của năm 2020. VNA đã chủ động có sự chuẩn bị, đánh giá, xây dựng nhiều phương án kịch bản điều hành sản xuất kinh doanh tương ứng với các kịch bản thị trường và diễn biến dịch bệnh khác nhau, triệt để tiết kiệm, cắt giảm chi phí, bổ sung nguồn thu, tăng cường dự báo, theo dõi, quản lý chặt chẽ dòng tiền để duy trì thanh khoản và khả năng hoạt động liên tục, tích cực triển khai các giải pháp hỗ trợ của Nhà nước. Cụ thể:

- Về tổ chức sản xuất: Chủ động đánh giá, xây dựng các kịch bản sản xuất kinh doanh và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh sát với diễn biến của thị trường, diễn biến dịch bệnh; tích cực tham gia chương trình vận chuyển đồng bào hồi hương, chuyên gia; tăng cường các hoạt động vận chuyển hàng hóa; tận dụng mọi cơ hội để tăng nguồn thu và dòng tiền cho doanh nghiệp.
- Về chính sách lao động, tiền lương nhằm tối ưu hóa sử dụng nguồn lực và tiết giảm chi phí: Tiếp tục điều hành linh hoạt nguồn lực và các chính sách nhân sự để người lao động và VNA cùng chia sẻ các khó khăn theo từng giai đoạn diễn biến của dịch, tương ứng với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện triệt để tiết kiệm, cắt giảm chi phí và đàm phán giảm giá.

Trước bối cảnh dịch bệnh kéo dài, ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng cả trong và ngoài nước, VNA đã chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ phía đối tác, chủ động đánh giá tính ưu tiên đối với các đề án, dự án đầu tư, nội dung hoạt động để dừng thực hiện hoặc giãn/hoãn thời gian triển khai, cắt giảm tiết kiệm các khoản chi đảm bảo hoạt động... và kiến nghị giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn từ phía cơ quan nhà nước.

VNA sẽ thực hiện quyết liệt việc đàm phán giảm giá với các đối tác để giảm chi phí và giảm áp lực dòng tiền. Ngoài ra là các giải pháp cắt giảm chi phí thông qua việc điều hành linh hoạt chính sách lao động, điều chỉnh tiêu chuẩn phục vụ hành khách, tổ bay, chương trình tiết kiệm nhiên liệu, các nội dung chi phí công nghệ thông tin, xúc tiến thương mại và các khoản chi đảm bảo hoạt động không cần thiết...

Bên cạnh đó, VNA vẫn tích cực làm việc với các cơ quan nhà nước để kiến nghị kéo dài các chính sách hỗ trợ giảm giá đến hết năm 2021, góp phần giảm các chi phí sản xuất kinh doanh năm 2021 như khấu hao và phân bổ chi phí sửa chữa bảo dưỡng; chi phí điều hành bay, hạ cất cánh trong nước; thuế bảo vệ môi trường và các chính sách về phí bảo lãnh chính phủ, lưu kho ngoại quan...

Với các giải pháp đã triển khai thực hiện, tổng chi phí cắt giảm năm 2021 dự kiến đạt được khoảng 10.986 tỷ đồng, trong đó các giải pháp tự thân, đàm phán với đối tác là 6.858 tỷ đồng, còn lại là từ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Về công tác đầu tư: Nghiên cứu phương án điều chỉnh cơ cấu đội tàu bay và cấu hình tàu bay phù hợp nhu cầu thị trường hiện nay; Tăng cường sự liên kết, phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau giữa các đơn vị thành viên để nâng cao năng lực cạnh tranh của VNA Group, tăng hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.
- Triển khai và hoàn thành giải ngân gói hỗ trợ bổ sung dòng tiền cho VNA của Chính phủ để đảm bảo thanh khoản và thực hiện các giải pháp cân đối dòng tiền để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục và khả năng thanh toán của VNA
- Tái cơ cấu tổng thể doanh nghiệp: Thực hiện tái cơ cấu tài sản - nguồn vốn và danh mục đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, tái cơ cấu tổ chức bộ máy trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối ưu sử dụng nguồn lực (lao động, tàu bay.v.v.), nâng cao hiệu quả, cải thiện thu nhập của người lao động; kiện toàn tổ chức các khối theo hướng tinh gọn bộ máy, giảm tầng nấc trung gian, tinh giản số lượng lao động.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) xin đưa ra đánh giá về kế hoạch kinh doanh của VNA trong năm 2021 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của VNA, BSC cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của VNA dự kiến trong 2021 là có thể thực hiện được nếu tình hình dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt và không có những biến động bất thường, bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá

của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Không có

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ tại thời điểm ngày 04/06/2021 như sau:

Bảng 39: Thông tin về cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ trọng % vốn điều lệ
1	Nhà nước (Ủy ban Quản lý vốn tại Doanh nghiệp)	1.222.368.291	86,19%
	Trong đó người đại diện phần vốn:		
-	Ông Đặng Ngọc Hòa	444.471.775	31,34%
-	Ông Lê Hồng Hà	333.424.742	23,51%
-	Ông Tạ Mạnh Hùng	222.235.887	15,67%
-	Ông Lê Trường Giang	222.235.887	15,67%
2	ANA Holdings Inc.	124.438.698	8,77%
	Trong đó người đại diện phần vốn:		
-	Ông Tomoji Ishii	124.438.698	8,77%

2.2. Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp

- Năm thành lập: 2018
- Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2018 của Chính phủ.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số 6, Bà Huyện Thanh Quan, Quận Ba Đình, Hà Nội

- Số điện thoại: 08049558 Fax: 08049585
- Website: <http://cmssc.gov.vn/>
- Mục đích thành lập: Thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ sở hữu của Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp tại VNA tại thời điểm trở thành cổ đông lớn và hiện tại là 86,19%. Sau đợt phát hành này, Tỷ lệ sở hữu của Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp tại VNA dự kiến giảm xuống còn 55,1%.
- Người đại diện theo pháp luật:
 - + Ông Nguyễn Hoàng Anh – Chủ tịch
 - + Ông Hồ Sỹ Hùng – Phó Chủ tịch
 - + Ông Nguyễn Ngọc Cảnh – Phó Chủ tịch
 - + Bà Nguyễn Thị Phú Hà – Phó Chủ tịch
- Người đại diện vốn nhà nước theo ủy quyền tại VNA:
 - + Ông Đặng Ngọc Hòa đại diện 444.471.775 cổ phiếu, chiếm 31,34% vốn điều lệ
 - + Ông Lê Hồng Hà đại diện 333.424.742 cổ phiếu, chiếm 23,51% vốn điều lệ
 - + Ông Tạ Mạnh Hùng đại diện 222.235.887 cổ phiếu, chiếm 15,67% vốn điều lệ
 - + Ông Lê Trường Giang đại diện 222.235.887 cổ phiếu, chiếm 15,67% vốn điều lệ

2.2.1. Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch của cổ đông lớn với Tổ chức phát hành

Không có

2.2.2. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

Không có

2.3. ANA Holdings Inc.

- Năm thành lập: 1952
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0014-01-050876
- Quốc tịch: Nhật
- Địa chỉ: 1-5-2 Higashi-Shimbashi, Minato-ku, Tokyo
- Số điện thoại: 81-3-6735-1001
- Website: <http://www.ana.co.jp>
- Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng không

- Vốn điều lệ (31/12/2020): 318.789 triệu Yên Nhật
- Tỷ lệ sở hữu của ANA tại VNA tại thời điểm trở thành cổ đông lớn và hiện tại là 8,77%. Sau đợt phát hành này, Tỷ lệ sở hữu của ANA tại VNA dự kiến không thay đổi.
- Người đại diện theo pháp luật:
 - Ông: Shinichiro Ito – Chủ tịch HĐQT
 - Ông: Shinya Katanozaka – Tổng Giám đốc
- Người đại diện vốn theo ủy quyền tại VNA: Tomoji Ishii

2.3.1. Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch của cổ đông lớn với Tổ chức phát hành

Không có

2.3.2. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Bảng 40: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái nhiệm
1.	Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch HĐQT	8/2020
2.	Lê Hồng Hà	Thành viên HĐQT	01/2021
3.	Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	10/2016
4	Lê Trường Giang	Thành viên HĐQT	01/2021
5	Tomoji Ishii	Thành viên HĐQT	08/2020

Ông Đặng Ngọc Hòa - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Căn cước công dân : 025072000351 cấp ngày 14/09/2018 Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Thường trú : 20A ngõ 121 Phố Thái Hà, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kỹ thuật ngành Hàng không

– Quá trình công tác :

02/1995 – 12/1995	:	Chuyên viên Hãng Hàng không quốc gia (học chuyển loại tại Học viện Quân sự)
01/1996 – 06/2000	:	Chuyên viên Ban Kỹ thuật vật tư và xăng dầu hàng không Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam
07/2000 – 09/2001	:	Tạm hoãn Hợp đồng lao động đi học cao học tại nước ngoài
10/2001 – 12/2008	:	Chuyên viên Ban Kỹ thuật, VNA
01/2009 – 02/2010	:	Phó trưởng phòng, giao nhiệm vụ Quyền trưởng phòng KH bảo dưỡng, Ban Kỹ thuật, VNA
03/2010 – 09/2010	:	Trưởng phòng Chương trình bảo dưỡng và hợp đồng Ban Kỹ thuật, VNA
10/2010 – 02/2012	:	Phó trưởng ban Quản lý vật tư, VNA
03/2012 – 12/2013	:	Quyền Trưởng ban Quản lý vật tư, VNA
01/2013 – 02/2016	:	Trưởng ban Quản lý vật tư, VNA
03/2016 – 07/2020	:	Phó Tổng giám đốc, VNA
08/2020 - nay	:	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, VNA

– Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

1	06/2010-11/2015	Công ty TNHH MTV Xăng dầu hàng không	TV HĐQT
2	12/2015 - 3/2016	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam	TV HĐQT
3	3/2018-01/2020	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
4	01/2020-8/2020	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	Chủ tịch HĐQT
5	Từ tháng 8/2020 đến nay	Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Bộ GTVT và Cục Hàng Không.	Thành viên

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

– Các khoản nợ đối với công ty : Không

– Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
1.317.529.000 đồng	636.568.222 đồng	268.800.000 đồng	

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 444.481.470 cổ phiếu, chiếm 31,3407 %VĐL
- Đại diện sở hữu
- Sở hữu cá nhân : 444.471.775 cổ phiếu, chiếm 31,34 %VĐL
- : 9.695 cổ phiếu, chiếm 0,0007% VĐL
- Thông tin của những người có liên quan:

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Đặng Văn Như	1924	Bố đẻ	130251503	18/2/2008	Phú Thọ	-	0,0000%
Đỗ Thị Hải	1930	Mẹ đẻ	130251685	8/11/2008	Phú Thọ	-	0,0000%
Trần Văn Anh	1975	Vợ	12059428	16/7/2012	Hà Nội	-	0,0000%
Đặng Khánh Vy	2002	Con	Chưa có CMT			-	0,0000%
Đặng Vy Lê	2009	Con	Chưa có CMT			-	0,0000%
Đặng Văn Minh	1963	Anh Trai	23185244	22/3/2010	TP.HCM	-	0,0000%
Đặng Kim Thanh	1965	Chị gái	12028012	12/4/1997	Hà Nội	-	0,0000%
Đặng Văn Khánh	1968	Anh Trai	130895218	19/6/2012	Phú Thọ	-	0,0000%
Đặng Thị Hồng Lý	1971	Chị gái	13088183	10/6/2008	Hà Nội	-	0,0000%

Ông Lê Hồng Hà – Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Chứng minh thư nhân dân: 011798424 cấp ngày 9/3/2009 Nơi cấp: Công an Hà Nội
- Thường trú : P1608, Chung cư Lancaster, 20 Phố Núi Trúc, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác
 - 02/1994 - 7/2004 : Chuyên viên Ban Tiếp thị hành khách, Hãng Hàng không quốc gia
 - 08/2004 - 12/2007 : Trưởng phòng Phát triển bán và Du lịch, Ban Tiếp thị hành khách, VNA
 - 01/2008 - 12/2008 : Phó trưởng ban Tiếp thị hành khách, VNA
 - 12/2008 - 06/2011 : Giám đốc Văn phòng khu vực miền Trung, VNA
Phó tổng giám đốc VNA
 - 03/2012 – 10/2016 : Kiểm giữ chức Tổng giám đốc Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines
 - 11/2016 - 07/2020 : Phó tổng giám đốc VNA
 - 08/2020 - 12/2020 : Thành viên HĐQT VNA
 - 01/2021 - nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, VNA
- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	07/2008 - 06/2012	Công ty liên doanh Abacus Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
2	11/2016 - 01/2019	Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	Chủ tịch HĐQT
3	03/2018 - nay	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
1.402.924.000 đồng	599.773.317 đồng	268.218.182 đồng	

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 333.433.061 cổ phiếu, chiếm 23,5107 % VĐL
- Đại diện sở hữu : 333.424.742 cổ phiếu, chiếm 23,51 %VĐL
- Sở hữu cá nhân : 8.319 cổ phiếu, chiếm 0,0007% VĐL

- Thông tin của những người có liên quan:

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Lê Hồng Sơn	1945	Bố đẻ	11245343	4/5/2009	Hà Nội	-	0,0000%
Võ Thị Lệ Mỹ	1948	Mẹ đẻ	10557299	12/1/2006	Hà Nội	-	0,0000%
Lê Như Minh	1975	Vợ	11744016	24/12/2012	Hà Nội	-	0,0000%
Lê Hồng Nam	1997	Con trai	B6661002	18/5/2012	Cục QL XNC	-	0,0000%
Lê Minh Tuấn	2001	Con trai	1201022376	2/9/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	-	0,0000%
Lê Hồng Vân	1975	Em gái	1175018168	2/6/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	-	0,0000%

🌸 Ông Tạ Mạnh Hùng – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Căn cước công dân : 033072001572 Ngày cấp: 28/10/2016 , Nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Thường trú : Số 26, ngõ 11, đường Tây Hồ, Quận Tây Hồ, TP.Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản lý
- Quá trình công tác
 - 11/1994 – 04/1996 : Trợ lý giám đốc, Công ty liên doanh khách sạn Vườn Thủ Đô
 - 05/1996 – 07/1996 : Học Nghiệp vụ thương mại hàng không, Trường Hàng không Việt Nam

- 08/1996 -05/1997 : Chuyên viên Trung tâm du lịch hàng không, Hãng Hàng không quốc gia
- 06/1997 – 06/2001 : Chuyên viên, Ban Kế hoạch Tiếp thị hàng hóa, VNA
- 07/2001 – 04/2005 : Phó phòng Kế hoạch hàng hóa, Ban Kế hoạch Tiếp thị hàng hóa, VNA
- 05/2005 – 11/2012 : Phó giám đốc Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài
- 12/2012 – 04/2014 : Phó trưởng ban Đầu tư, VNA
- 05/2014 – 09/2016 : Trưởng ban Đầu tư - Mua sắm, VNA
- 10/2016 – nay : Thành viên HĐQT VNA

– Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	02/2013 - 04/2017	Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	Chủ tịch HĐQT
2	05/2013 - 04/2016	Công ty CP Đào tạo Bay Việt	TV HĐQT
3	05/2020 - nay	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	TV HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
1.463.921.000 đồng	566.387.820 đồng	233.309.091 đồng	

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 222.244.892 cổ phiếu, chiếm 15,6706 % VĐL
 - Đại diện sở hữu : 222.235.887 cổ phiếu, chiếm 15,67%%VĐL
 - Sở hữu cá nhân : 9.005 cổ phiếu, chiếm 0,0006% VĐL
- Thông tin những người có liên quan:

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tạ Đức Dịch	1935	Bố đẻ				-	0,0000%
Nguyễn Thị Đỗ	1932	Mẹ đẻ				-	0,0000%
Lý Thị Thơ	1969	Vợ	11807654	4/12/2008	Hà Nội	-	0,0000%
Tạ Hùng Minh	2009	Con trai	Chưa có CMT			-	0,0000%
Tạ Hùng Quân	2014	Con trai	Chưa có CMT			-	0,0000%
Tạ Thị Phong	1952	Chị ruột	033147001270	4/9/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	-	0,0000%
Tạ Thị Thoa	1955	Chị ruột	33154000301	15/8/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	-	0,0000%
Tạ Đức Ân	1958	Anh trai	033058002606	13/9/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	-	0,0000%
Tạ Thị Hiền	1962	Chị ruột	N1249829	19/10/2008	ĐSQ Việt Nam tại Đức	-	0,0000%
Tạ Thị Thu	1967	Chị ruột	033165000412	13/9/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	-	0,0000%
Tạ Thị Thành	1969	Chị ruột	145089376	3/4/2010	Công an tỉnh Hưng Yên	-	0,0000%

 **Ông Lê Trường Giang – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1967
- Quốc tịch : Việt Nam
- Chứng minh nhân dân : 011267828 Ngày cấp: 08/04/2010 Nơi cấp: Công an Hà Nội
- Thường trú : 18-05 P2 Khu đô thị Ciputra, Quận Tây Hồ, TP.Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác

- 1989 – 04/1993 : Cán bộ Sở công an Hà Nội
- 05/1993 – 08/1996 : Cán bộ Ban Quan hệ quốc tế, Hãng hàng không quốc gia
- 09/1996 – 12/2004 : Trợ lý cơ quan đại diện VN tại Singapore, VNA
 Kiêm trợ lý bán thuộc Chi nhánh Singapore (11/2001 – 12/2004)
- 01/2005 – 05/2010 : Trưởng Chi nhánh Hồng Kông, VNA
- 06/2010 – 03/2012 : Phó chánh Văn phòng Đối ngoại, VNA
- 04/2012 – 03/2015 : Chánh Văn phòng đối ngoại, VNA
- 04/2015 – 05/2015 : Điều hành hoạt động tạp chí Heritage, VNA
- 06/2015 – 07/2018 : Tổng biên tập tạp chí Heritage, VNA
- 08/2018 – 12/2019 : Trưởng ban Truyền thông-Thương hiệu, VNA
 Kiêm Người phát ngôn của VNA (06/2019 – 12/2019)
- 01/2020 - 12/2020 : Chánh Văn phòng Tổng công ty, VNA
- 01/2021 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị, VNA

– Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	07/2012 - 10/2017	Công ty TNHH MTV Suất ăn hàng không Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
2	08/2017 - nay	Công ty CP DV hàng hóa Tân Sơn Nhất	Chủ tịch HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
1.143.427.150 đồng	779.743.053 đồng	233.309.091 đồng	172.500.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 222.243.886 cổ phiếu, chiếm 15,67056 % VĐL
- Đại diện sở hữu : 222.235.887 cổ phiếu, chiếm 15,67 %VĐL
- Sở hữu cá nhân : 7.999 cổ phiếu, chiếm 0,00056% VĐL

- Thông tin những người có liên quan:

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Trần Hồng Diệp	1973	Vợ	001173007487	25/3/2016	Hà Nội	-	0,0000%
Lê Châu Giang	1993	Con gái	001193016259	7/8/2019	Hà Nội	-	0,0000%
Lê Nam Giang	2001	Con trai	N1893448	21/3/2018	Sydney	-	0,0000%
Lê Minh Giang	2009	Con trai	N1905371	4/3/2018	Singapore	-	0,0000%
Lê Xuân Trinh	1933	Bố đẻ	049033000063	6/12/2019	Hà Nội	-	0,0000%
Phan Thị Cúc	1945	Mẹ đẻ	024145000024	18/01/2016	Hà Nội	-	0,0000%
Lê Hà Giang	1969	Em ruột	011369155	13/3/2010	Hà Nội	-	0,0000%
Lê Hương Giang	1974	Em ruột	011907847	10/5/2011	Hà Nội	6.000	0,00042%

Ông Tomoji Ishii– Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1966
- Quốc tịch : Nhật Bản
- Hộ chiếu : TR7811372 ngày cấp 06/03/2017 và hết hạn 06/03/2027
- Thường trú : Shiodome City Center, 1-5-2 Higashi-Shimbashi, Minato-ku, Tokyo 105-7140, Japan
- Trình độ văn hóa :
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Khoa học chính trị
- Quá trình công tác
 - 04/1989 – 10/1991 : Dịch vụ hành khách, Chi nhánh Fukuoka
 - 11/1991 – 02/1995 : Bán sản phẩm, Chi nhánh Fukuoka

- 03/1995 – 03/2001 : Dịch vụ hành khách, Văn phòng sân bay Tokyo
- 4/2001 – 03/2002 : Kế hoạch kinh doanh tập đoàn, Văn phòng Giám đốc
- 04/2002 – 03/2007 : Quản lý, kế hoạch kinh doanh tập đoàn, Hoạch định chiến lược doanh nghiệp
- 04/2007 – 03/2009 : Quản lý, Chiến lược tiếp thị, Bán sản phẩm và Tiếp thị
- 04/2009 – 06/2009 : Giám đốc, Quản lý doanh thu, Tiếp thị và Kế hoạch bán sản phẩm
- 07/2009 – 03/2012 : Giám đốc, Quản lý doanh thu, Tiếp thị và Kế hoạch bán sản phẩm
- 04/2012 – 03/2013 : Giám đốc, hoạch định chiến lược doanh nghiệp
- 04/2013 – 03/2014 : Giám đốc cấp cao, Tài chính và Quan hệ cổ đông, ANA HOLDINGS, INC
- 04/2014 – 03/2015 : Giám đốc cấp cao, Kế hoạch doanh nghiệp
- 04/2015 – 03/2017 : Phó chủ tịch, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch doanh nghiệp, Phó Chủ tịch Quản lý kinh doanh, ANA HOLDINGS, INC
- 04/2017 – 03/2020 : Trưởng phòng Châu Á và châu Đại Dương kiêm, TGD Chi nhánh Singapore
- 04/2020 – nay : Phó chủ tịch cao cấp Chiến lược doanh nghiệp, ANA HOLDINGS, INC
- 08/2020 - nay : Kiêm Thành viên HĐQT, VNA

– Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
	04/2020 – nay	Tập đoàn ANA HOLDINGS INC.	Phó chủ tịch

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
-	44.153.889	48.142.962	-

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 124.438.698 cổ phiếu, chiếm 8,7704 % VĐL
 - Đại diện sở hữu : 124.438.698 cổ phiếu, chiếm 8,7704 %VĐL
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu, % VĐL
- Thông tin những người có liên quan:

Tên cá/nhân tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Eri Ishii	-	Vợ	TK7743212	14/08/2012	Japan	-	0,0000%
Ryota Ishii	-	Con trai	TR8829011	7/8/2017	Japan	-	0,0000%
Kohei Ishii	-	Con trai	TR8723197	18/07/2017	Japan	-	0,0000%
Keiichiro Ishii	-	Anh ruột	908008246981		Japan	-	0,0000%
ANA Holdings Inc	-	Thành viên HĐQT	0104-01-050876	1/4/2013	Japan	124.438.698	8,77385%

3.2. Ban kiểm soát

Bảng 41: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái nhiệm
1	Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng ban Kiểm soát	05/2019
2	Mai Hữu Thọ	Thành viên BKS	03/2015
3	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên BKS	07/2021

Bà Nguyễn Thị Thiên Kim – Trưởng ban Kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1967
- Quốc tịch : Việt Nam
- Chứng minh nhân dân : 011720261 cấp ngày: 17/07/2008 tại Công an Hà Nội
- Thường trú : Phòng 1004, Chung cư Vườn Xuân, 71 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

– Quá trình công tác:

- 06/1989 - 06/1993 : Kế toán tổng hợp, Đoàn Vận tải thủy sản, Công ty Thủy sản Trung ương
- 07/1993 - 10/1997 : Chuyên viên Ban Tài chính kế toán, Hãng Hàng không quốc gia
- 11/1997 - 06/2002 : Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ, VNA
- 07/2002 - 07/2007 : Chuyên viên Ban Tài chính kế toán, VNA
- 08/2007 - 09/2011 : Phó trưởng phòng Chế độ kiểm tra, Ban Tài chính kế toán, VNA
- 10/2011 - 10/2012 : Kiểm soát viên nội bộ, Ban Kiểm soát nội bộ, VNA
- 11/2012 - 03/2015 : Kiểm soát viên nội bộ cấp 1, Ban Kiểm soát nội bộ, VNA
- 04/2015 - 09/2015 : Kiểm soát viên, Ban Kiểm toán nội bộ, VNA
- 10/2015 - 05/2017 : Trưởng phòng Kiểm toán HĐKD, Ban Kiểm toán nội bộ, VNA
- 06/2017- 04/2019 : Phó Trưởng ban Kiểm toán nội bộ, VNA
- 05/2019 - nay : Trưởng ban Kiểm soát VNA

– Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	04/2006 - nay	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài	Trưởng ban Kiểm soát
2	10/2011 - 11/2015	Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không	Kiểm soát viên
3	01/2016 - nay	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	Kiểm soát viên

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
1.305.066.587 đồng	675.675.273 đồng	229.234.364 đồng	140.000.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 4.455 cổ phiếu, chiếm 0,0003 % VDL
- Thông tin những người có liên quan:

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/dại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Phạm Ngọc Minh	1963	Chồng	011861318	19/4/2013	CA TP Hà Nội	-	0,0000%
Phạm Thị Kim Hoàn	1993	Con gái	001193005507	25/2/2016	Cục CS ĐKQL cư trú	-	0,0000%
Phạm Minh Quang	1999	Con trai	C0487869	28/5/2018	Cục CS ĐKQL cư trú	-	0,0000%
Nguyễn Thị Minh Ngọc	1958	Chị gái	001099029322	18/12/2019	Cục CS QLHC về trật tự XH	-	0,0000%
Nguyễn Minh Hoàng	1963	Anh trai	011843945	30/8/2007	CA TP Hà Nội	-	0,0000%
Nguyễn Thị Hải Yên	1970	Em gái	001170021590	2/12/2020	Cục CS QLHC về trật tự XH	-	0,0000%

🌸 Ông Mai Hữu Thọ – Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1962
- Quốc tịch : Việt Nam
- Chứng minh nhân dân : 010208340 cấp ngày: 10/7/2007 tại Công an Hà Nội
- Thường trú : Số 19 ngõ 409 Đường An Dương Vương, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

03/1984 – 11/1993 : Trợ lý tài vụ, Vụ tài vụ, Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam

- 12/1993 – 11/1995 : Phó Trung tâm Thanh toán quốc tế, Ban Tài chính Kế toán, Hãng HKQGVN
- 12/1995 – 12/1997 : Trưởng phòng Kế toán, Ban Tài chính Kế toán, Hãng Hàng không quốc gia
- 01/1998 – 08/1998 : Trưởng phòng Kế toán tổng hợp, Ban Tài chính Kế toán, VNA
- 09/1998 – 10/2001 : Trưởng phòng Kế toán, Ban Tài chính Kế toán, VNA
- 11/2001 – 04/2011 : Phó ban Tài chính kế toán, VNA
: Kiêm Phó kế toán trưởng VNA (từ 11/2003 – 4/2011)
- 05/2011 – 04/2012 : Phó phụ trách Ban Kiểm soát nội bộ thuộc Hội đồng thành viên, VNA
- 05/2012 – 03/2015 : Trưởng ban Kiểm soát nội, VNA
- 03/2015 – nay : Thành viên Ban Kiểm soát, VNA
- 04/2015 – 09/2019 : Kiêm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ, VNA
- 10/2019 – 12/2020 : Kiêm Phụ trách Ban Kiểm tra kiểm toán, VNA

– Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	04/2009 - 05/2014	Tổng công ty CP Bảo hiểm Bảo Minh	Ủy viên HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
1.366.282.363 đồng	754.767.583 đồng	198.469.818 đồng	172.500.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 8.204 cổ phiếu, chiếm 0,0006 % VDL
- Thông tin những người có liên quan

	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
--	----------	---------	------------------------	----------	---------	----------	--------------

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan						CP cá nhân/đại diện sở hữu (CP)	
Mai Hữu Khuê	1925	Bố đẻ				-	0,0000%
Hà Thị Nhậm	1929	Mẹ đẻ	010049130		CA TP Hà Nội	-	0,0000%
Mai Hữu Hà	1959	Anh trai	0011077050	12/5/2008	CA TP Hà Nội	-	0,0000%
Lê Thị Giang Hương	1968	Vợ	011714604	3/29/2006	CA TP Hà Nội	-	0,0000%
Mai Hữu Ngộ	2004	Con trai	001204017586	10/4/2019	Cục CS QLHC về trật tự XH	-	0,0000%
Mai Hữu Nhân	2006	Con trai	00120613287	23/3/2021	Cục CS QLHC về trật tự XH	-	0,0000%

🌸 Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1974
- Quốc tịch : Việt Nam
- Chứng minh nhân dân : 001074026372 cấp ngày 9/12/2020 tại Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Thường trú : P304 -B2, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác
 - 01/1997-08/2001 : Cán bộ phòng Tín dụng quốc tế - Hội sở chính Vietcombank
 - 08/2001- 4/2002 : Thư ký Ban Điều Hành- Hội sở chính Vietcombank
 - 4/2002-11/2004 : Thư ký Hội đồng quản trị - Hội Sở chính Vietcombank
 - 11/2004- 02/2008 : Phó chánh Văn phòng kiêm Thư ký Hội đồng quản trị - Hội sở chính Vietcombank
 - 02/2008-6/2013 : Chánh Văn phòng Vietcombank
 - 6/2013-3/2015 : Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch Vietcombank
 - 3/2015-12/2015 : Quyền Giám đốc Chi nhánh Tây Hồ, Vietcombank
 - 12/2015- 4/2017 : Giám đốc Chi nhánh Tây Hồ, Vietcombank

- 4/2017- 12/2017 : Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp, Hội sở chính Vietcombank
- 12/2017- 4/2019 : Giám đốc Khối Bán buôn kiêm Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp, Hội sở chính Vietcombank
- 4/2019 - nay : Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối Bán buôn, Vietcombank
- 7/2021 – nay : Thành viên Ban Kiểm soát, VNA
- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	4/2019 - nay	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối Bán buôn

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
-	-	-	-

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số cổ phiếu hiện đang nắm giữ :
- Đại diện sở hữu : 14.803.693 cổ phiếu, chiếm 1,044% VDL
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- Thông tin của những người có liên quan

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Khắc Thực	1943	Bố đẻ	010283508	02/09/2009	CA Hà Nội	-	0%
Nguyễn Thị Sản	1944	Mẹ đẻ	011799289	07/12/2008	CA Hà Nội	-	0%
Phan Đình Mậu	1928	Bố vợ (đã mất)	0			-	0%

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Lê Thị Hiền	1943	Mẹ vợ (đã mất)	0			-	0%
Phan Thị Hồng Minh	1975	Vợ	011799304	09/01/2010	CA Hà Nội	-	0%
Nguyễn Thùy Dương	2003	Con gái	01303019270	04/05/2018	Cục CS ĐKQLCT & DLQG về dân cư	-	0%
Nguyễn Quang Anh	2006	Con trai	Còn nhỏ			-	0%
Nguyễn Thị Thanh Phương	1977	Em gái	001177015615	11/01/2017	Cục CS ĐKQLCT & DLQG về dân cư	-	0%
Nguyễn Chí Hoàng	1970	Em rể	011529989	05/11/1998	CA Hà Nam	-	0%
Ngân hàng TNHH Ngoại Thương Việt Nam tại Lào	-	Thành viên HĐQT	Giấy đăng ký doanh nghiệp số L 0167/ĐKDN	27/01/2020	Văn phòng Đăng ký DN – Cục đăng ký và quản lý DN – Bộ Công thương Lào	-	0%
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	Phó Tổng giám đốc	Giấy chứng nhận ĐKKD với mã số Doanh nghiệp 0100112437	16/01/2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội	14.803.693	1,044%

3.3. Ban Giám đốc

Bảng 42: Danh sách thành viên Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái nhiệm
1	Lê Hồng Hà	TV HĐQT kiêm TGD	01/2021
2	Trịnh Ngọc Thành	Phó Tổng giám đốc	07/2009
3	Trịnh Hồng Quang	Phó Tổng giám đốc	10/2008
4	Nguyễn Hồng Lĩnh	Phó Tổng giám đốc	12/2017
5	Nguyễn Chiến Thắng	Phó Tổng giám đốc	04/2021
6	Tô Ngọc Giang	Phó Tổng giám đốc	04/2021
7	Đình Văn Tuấn	Phó Tổng giám đốc	04/2021

 Ông Lê Hồng Hà – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

(Xem lý lịch chi tiết phần Thành viên HĐQT)

🌸 Ông Trịnh Ngọc Thành – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Chứng minh nhân dân : 011913587 cấp ngày 25/6/2007 Nơi cấp: Công an Hà Nội
- Thường trú : Số 10A, Phố Tăng Bạt Hổ, Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác
 - 10/1981 - 07/1982 : Học viên Học viện kỹ thuật quân sự
 - 08/1982 - 08/1987 : Sinh viên Đại học Hàng không dân dụng Kiep, Liên Xô
 - 09/1987 - 01/1988 : Đoàn 781, Bộ quốc phòng
 - 02/1988 - 12/1990 : Trợ lý cục vận chuyển, Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam
 - 01/1991 - 5/1993 : Trợ lý Ban vận tải, Tổng công ty Hàng không Việt Nam
 - 06/1993 - 02/1996 : Trưởng trung tâm kiểm soát chỗ, Ban Tiếp thị hành khách, Hãng hàng không quốc gia
 - 03/1996 - 02/1997 : Phó ban Tiếp thị hành khách, kiêm trưởng Trung tâm kiểm soát chỗ, Hãng hàng không quốc gia
 - 03/1997 - 04/1997 : Phụ trách Ban Tiếp thị hành khách, VNA
 - 05/1997 -06/1998 : Phó, quyền Trưởng ban Tiếp thị hành khách, VNA
 - 07/1998 - 06/2004 : Phó trưởng ban Kế hoạch thị trường, VNA
 - 07/2004 – 06/2009 : Trưởng Ban Kế hoạch thị trường, VNA
Phó Tổng giám đốc VNA
 - 07/2009 – 08/2012 : Biệt phái, giữ chức Tổng giám đốc Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air
 - 09/2012 – nay : Phó Tổng giám đốc VNA

[Phần dưới của trang này được cố tình để trống]

- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	03/2003 - 06/2004	Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines	Ủy viên HĐQT
2	07/2009 - 08/2012	Hãng hàng không Cambodia Angkor Air	TV HĐQT kiêm TGD
3	12/2012 - nay	CTCP Tin học viễn thông Hàng không	Chủ tịch HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
1.402.924.000 đồng	789.120.000 đồng	152.727.273 đồng	

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 9.706 cổ phiếu chiếm 0,00068% VDL
- Thông tin những người có liên quan:

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Trịnh Trân	1928	Bố đẻ					
Nguyễn Thị Chít	1930	Mẹ đẻ				-	0,0000%
Lê Thị Phương Lan	1970	Vợ	11798002	1/6/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	699	0,00005%
Trịnh Thanh Tùng	1996	Con trai	13286717	12/5/2010	Hà Nội	-	0,0000%
Trịnh Lan Phương	2002	Con gái	Chưa có CMT	1/6/2016	Cục cảnh sát ĐKQL	-	0,0000%

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
					cư trú và DLQG về dân cư		
Trịnh Ngọc Khánh	1957	Anh trai	11233414	4/8/2011	Hà Nội	-	0,0000%
Trịnh Thu Hằng	1960	Chị gái	11009899	20/7/2004	Hà Nội	-	0,0000%
Trịnh Thu Nga	1961	Chị gái				-	0,0000%
Trịnh Chiến	1966	Em trai	11501467	24/6/2004	Hà Nội	-	0,0000%

Ông Nguyễn Hồng Lĩnh – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1962
- Quốc tịch : Việt Nam
- Chứng minh nhân dân : 024178113 cấp ngày 10/10/2003 nơi cấp Công an TP.HCM
- Thường trú : Số 8 Hát Giang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Lái máy bay
- Quá trình công tác
 - 04/1979 - 09/1980 : Học viên dự khóa Không quân
 - 10/1980 - 06/1984 : Học lái máy bay tại Trường Hàng không Liên Xô
 - 07/1984 - 09/1993 : Phi công lái AN24, AN26, IL18 tại Đoàn bay 919, Hãng Hàng không quốc gia
 - 10/1993 - 8/1995 : Học viên chuyển loại lái A320 tại Cộng hòa Pháp
 - 9/1995 – 12/1997 : Lái chính, Đội trưởng Đội bay A320, Đoàn bay 919, Hãng HKQGVN
 - 01/1998 – 11/1998 : Trưởng phòng Kế hoạch, Đoàn bay 919, Hãng hàng không quốc gia
 - 12/1998 - 07/2000 : Trưởng ban Đảm bảo chất lượng khai thác bay, VNA
 - 08/2000 - 12/2003 : Phó Trưởng ban Đảm bảo chất lượng, Chánh thanh tra bay, VNA

- 01/2004 - 06/2012 : Phó Đoàn trưởng Đoàn bay 919, VNA
- 07/2012 - 12/2012 : Quyền Đoàn trưởng Đoàn bay 919, VNA
- 01/2013 - 11/2017 : Đoàn trưởng Đoàn bay 919, VNA
- 01/12/2017 - nay : Phó Tổng giám đốc VNA

– Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	04/2018 - nay	Công ty CP Đào tạo Bay Việt	Chủ tịch HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
3.821.747.859 đồng	2.063.023.329 đồng	596.422.000 đồng	

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 8.204 cổ phiếu, chiếm 0,0006% VDL
 - Thông tin những người có liên quan

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thị Mộc		Mẹ đẻ				-	0,0000%
Phan Thị Mỹ Phượng	1968	Vợ	022170479	9/4/2009	CA TP HCM	-	0,0000%
Nguyễn Hồng Sơn	1992	Con	024777689	29/6/2007	TP. HCM	-	0,0000%
Nguyễn Hồng Hải	1997	Con	025413902	4/4/2011	TP. HCM	-	0,0000%
Nguyễn Thị Liên	1949	Chị gái	013009743		Hà Nội	-	0,0000%

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thị Loan	1952	Chị gái	013205014		Hà Nội	-	0,0000%
Nguyễn Thị Lịch	1955	Chị gái	012836295		Hà Nội	-	0,0000%
Nguyễn Văn Bộ	1959	Anh trai	001050905616		Hà Nội	-	0,0000%
Nguyễn Văn Năng	1965	Em trai	00106650044		Hà Nội	-	0,0000%
Công ty CP đào tạo Bay Việt (VFT)		Chủ tịch HĐQT	Giấy CNĐKKD số 0305790306				

Ông Trịnh Hồng Quang – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1963
- Quốc tịch : Việt Nam
- Chứng minh nhân dân : 012637530 cấp ngày 20/11/2003 nơi cấp Công an Hà Nội
- Thường trú : Số 22 D3 Ciputra, Quận Tây Hồ, TP.Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 08/1987 - 09/1992 : Cán bộ XN Quản lý đèn công cộng, Sở công trình đô thị HN
 - 10/1992 - 01/1995 : Chuyên viên Ban Vận tải - Tổng công ty Hàng không dân dụng Việt Nam
 - 02/1995 - 12/1996 : Phó trưởng phòng Tiếp thị hàng hoá, Ban Kế hoạch và Tiếp thị hàng hoá, Hãng hàng không quốc gia
 - 01/1997 - 12/1997 : Phó trưởng VPCN VNA tại Đài Loan
 - 01/1998 – 12/2002 : Trưởng VPCN VNA tại Đài Loan
 - 01/2003 - 12/2004 : Trưởng VPCN VNA tại Nhật bản
 - 01/2005 - 11/2005 : Phó, Quyền Trưởng ban Tiếp thị hành khách, VNA
 - 12/2005 - 09/2008 : Trưởng ban Tiếp thị hành khách, VNA
 - 10/2008 – 07/2012 : Phó tổng Giám đốc VNA

- 08/2012 – 04/2015 : Phó tổng Giám đốc VNA
 Biệt phái Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Hãng
 Hàng không Cambodia Angkor Air (từ 8/2012 – 4/2015)
- 05/2015 - nay : Phó tổng Giám đốc VNA

– Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	12/2008 - 12/2012	Công ty CP Tin học viễn thông Hàng không	Chủ tịch HĐQT
2	05/2012 - 06/2013	Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài	Chủ tịch HĐQT
3	01/2019 - nay	Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	Chủ tịch HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
1.402.924.000 đồng	789.120.000 đồng	152.727.273 đồng	

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 8,434 cổ phiếu, chiếm 0,00059% VDL
- Thông tin những người có liên quan

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Trịnh Văn Sùng	1938	Bố đẻ	10596048	30/9/2010	Hà Nội	-	0,0000%
Trần Thị Ngọc Bảo	1938	Mẹ đẻ	11801721	30/9/2010	Hà Nội	-	0,0000%
Vũ Minh Hà	1966	Vợ	11227613	26/7/2007	Hà Nội	-	0,0000%

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Trịnh Minh Trang	1990	Con gái	26106171	16/9/2015	HCM	-	0,0000%
Trịnh Vũ Nhật Linh	2000	Con gái	130001033	13/5/2015	Hà Nội	-	0,0000%
Trịnh Hồng Minh	1976	Em trai	1076005928	24/6/2015	Hà Nội	1.500	0,000106%
Trịnh Thị Ngọc Lan	1967	Chị gái	1167002688	18/6/2015	Hà Nội	-	0,0000%

🌸 Ông Nguyễn Chiến Thắng – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Chứng minh nhân dân : 011575416 cấp ngày 13/03/2007 nơi cấp Công an Hà Nội
- Thường trú : Căn 2009-25T1, Chung cư N05, Phố Trung Hòa Nhân Chính, P. Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kỹ thuật
- Quá trình công tác
 - 11/1995 – 12/1998 : Kỹ sư Xí nghiệp sửa chữa máy bay A76, Hãng hàng không quốc gia
 - 01/1999 – 12/2000 : Đi học Cao học tại nước ngoài
 - 01/2001 – 12/2008 : Chuyên viên Ban Kỹ thuật, VNA
 - 01/2009 – 02/2010 : Phó phòng, giao nhiệm vụ Quyền trưởng phòng Kỹ thuật phát triển, Ban Kỹ thuật, VNA
 - 03/2010 – 09/2011 : Trưởng phòng Kỹ thuật máy bay, Ban Kỹ thuật, VNA
 - 10/2011 – 12/2012 : Phó Trưởng ban Kỹ thuật, VNA
 - 01/2013 – 03/2015 : Trưởng ban Kỹ thuật, VNA
 - 01/2020 – 07/2021 : Trưởng ban Tổ chức và Nhân lực, VNA
 - 04/2021 - nay : Phó Tổng giám đốc VNA

- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	12/2014 - 8/2020	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	TV HĐTV
2	8/2020-nay	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	Chủ tịch HĐTV

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
1.194.878.262 đồng	727.513.262 đồng	211.590.273 đồng	172.500.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 5.000 Cổ phiếu, chiếm 0,00035% VDL
- Thông tin những người có liên quan

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thế Hưng	1938	Bố đẻ					
Phạm Thị Quy	1941	Mẹ đẻ					
Nguyễn Thị Thanh Vân	1979	Vợ	001179014740	09/03/2020	Cục CS QLHC về trật tự XH	-	0,0000%
Nguyễn Nguyệt Minh	2005	Con gái	001305015030	10/03/2020	Cục CS QLHC về trật tự XH	-	0,0000%
Nguyễn Thế Anh	2008	Con trai	C6166503	05/10/2018	Cục QL XNC	-	0,0000%
Nguyễn Hải Hà	1970	Anh trai	0300070004577	09/08/2018	Cục CS QLHC về trật tự XH	-	0,0000%

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Ngọc Anh	1974	Em trai	011765618	17/01/2007	CA. TP Hà Nội	-	0,0000%
Nguyễn Bá Khánh	1945	Bố vợ				-	0,0000%
Mai Thị Liên	1949	Mẹ vợ	012022124	10/3/2014	CA. TP Hà Nội	-	0,0000%

Ông Tô Ngọc Giang – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1970
- Quốc tịch : Việt Nam
- Căn cước công dân : 033070000310 cấp ngày: 01/07/2015 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Thường trú : Số 15 ngách 4 ngõ 162 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, TP.Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ khoa học
- Quá trình công tác
 - 03/1995 – 04/1996 : Học viên dự khoá Đoàn bay 919
 - 05/1996 – 11/1997 : Học lái máy bay tại Cộng hòa Pháp
 - 12/1997 – 02/1999 : Chuyển loại lái phụ ATR72
 - 03/1999 – 11/2000 : Lái phụ ATR72, Trung tâm Huấn luyện bay, Hãng hàng không quốc gia
 - 12/2000 : Lái phụ AR72, Đoàn bay 919, VNA
 - 01/2001 – 02/2004 : Chuyển loại lái phụ A320, Đoàn bay 919, VNA
 - 03/2004 – 12/2005 : Lái chính A320/1, Đoàn bay 919, VNA
 - 01/2006 – 12/2006 : Giáo viên lái chính A320, Đội phó Đội bay A320/1, ĐB 919, VNA
 - 01/2007 – 12/2009 : Đội trưởng Đội bay A320, Đoàn bay 919, VNA
 - 01/2010 – 11/2017 : Phó đoàn trưởng Đoàn bay 919, VNA
 - 12/2017 – 3/2021 : Đoàn Trưởng Đoàn bay 919, VNA


04/2021 - nay : Phó Tổng giám đốc VNA
: Kiêm Đoàn Trưởng Đoàn bay 919

- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
3.481.459.683 đồng	1.983.888.177 đồng	606.503.000 đồng	231.000.000 đồng

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 2.194 cổ phiếu, chiếm 0,00015% VDL
- Thông tin những người có liên quan:

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thị Kim Dung	1936	Mẹ đẻ	012516197	28/8/2006	CA Tp. Hà nội	-	0,0000%
Tô Ngọc Trữ	1928	Bố đẻ					
Nguyễn Văn Đức	1932	Bố vợ	040034000014	30/1/2015	Cục CS ĐKQL cư trú và DL QG về dân cư	-	0,0000%
Nguyễn Xuân Thảo	1942	Mẹ vợ	001142000622	02/2/2015		-	0,0000%
Nguyễn Xuân Tú	1971	Vợ	001171004234	01/7/2015		2.311	0,0002%
Tô Ngọc Lam	2001	Con gái	001301001973	16/07/2015		-	0,0000%
Tô Kim Ngọc	1959	Chị gái	022155001466	27/2/2019		-	0,0000%
Tô Kim Anh	1961	Chị gái	010413013	01/3/2008	CA Tp. Hà nội	-	0,0000%

 **Ông Đinh Văn Tuấn – Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1970
- Quốc tịch : Việt Nam

- Căn cước công dân : 033070000310 cấp ngày: 01/07/2015 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Thường trú : P2111 R4A Royal City, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế phát triển
- Quá trình công tác
 - 02/1996 – 11/1997 : Chuyên viên Đoàn bay 919, Hãng Hàng không quốc gia
 - 12/1997 – 01/2003 : Chuyên viên Ban Điều hành bay, VNA
 - 02/2003 – 05/2007 : Phó phòng Điều phái bay TSN, Ban Điều hành bay, VNA
 - 06/2007 – 08/2009 : Quyền Trưởng Trung tâm khẩn nguy, UB Khẩn nguy, VNA
 - 09/2009 – 06/2012 : Trưởng phòng Điều hành, kiêm Trục ban trưởng Trung tâm Điều hành khai thác, VNA
 - 07/2012 – 12/2017 : Phó giám đốc Trung tâm Điều hành khai thác, VNA
 - 07/2012 – 12/2017 : Kiêm Trưởng Trung tâm khẩn nguy, UB Khẩn nguy (Từ 08/2013 – 10/2014)
 - 01/2018 – 03/2021 : Giám đốc Trung tâm Điều hành khai thác, VNA
 - 08/2020 – 03/2021 : Tổng giám đốc Hãng Hàng không Pacific Airlines
 - 04/2021 - nay : Phó Tổng giám đốc VNA
 - 04/2021 - nay : Kiêm Tổng giám đốc Hãng Hàng không Pacific Airlines
- Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	10/08/2020 - nay	Hãng Hàng không Pacific Airlines	Tổng Giám đốc

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
1.123.259.992 đồng	221.437.600 đồng	*	172.500.000 đồng

* Ông Đinh Văn Tuấn được bổ nhiệm Tổng giám đốc Pacific Airlines từ 10/8/2020

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 5,899 cổ phiếu, chiếm 0,00042% VDL
- Thông tin những người có liên quan

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Đình Văn Thiều	1919	Bố đẻ					
Cao Thị Vân	1929	Mẹ đẻ					
Nguyễn Mai Phương	1975	Vợ	035175000890	20/10/2016	Hà Nội	-	0,0000%
Đình Minh Đức	2001	Con	001201021406	20/10/2016	Hà Nội	-	0,0000%
Đình Đức Thọ	2007	Con			Hà Nội	-	0,0000%
Đình Chí Kiên	1958	Anh trai			Dak Lak		
Đình Thị Kim Hoa	1963	Chị gái	240343604	10/08/2012	Hà Nội	-	0,0000%
Đình Xuân Anh	1964	Anh trai	181414640	09/10/2010	Nghệ An	-	0,0000%

3.4. Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái nhiệm
1	Trần Thanh Hiền	Kế toán trưởng	10/2010

Ông Trần Thanh Hiền – Kế toán trưởng

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1963
- Quốc tịch : Việt Nam
- Chứng minh nhân dân : 012637617 cấp ngày: 08/01/2004 Nơi cấp: Công an HN
- Thường trú : Số 22 Hoa Phượng 1, Vinhomes Riverside, Quận Long Biên, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :

- 12/1985 – 11/1992 : Chuyên viên Ủy ban kế hoạch Nhà nước
- 12/1992 – 12/1995 : Chuyên viên Ban tài chính kế toán (TCKT), Hãng hàng không quốc gia
- 01/1996 – 10/1997 : Phó phòng Đầu tư & Phát triển vốn, Ban TCKT, Hãng hàng không quốc gia
- 11/1997 – 08/1998 : Trưởng phòng đầu tư phát triển vốn, Ban TCKT, Hãng hàng không quốc gia
- 09/1998 – 10/2003 : Trưởng phòng tài chính đầu tư, Ban TCKT, VNA
- 11/2003 – 12/2009 : Phó trưởng Ban TCKT, VNA
- 01/2010 - 09/2010 : Trưởng Ban TCKT, Phó kế toán trưởng VNA
- 10/2010 – nay : Kế toán trưởng, kiêm Trưởng ban TCKT, VNA

– Chức vụ đã và đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

STT	Thời gian	Tên tổ chức	Chức vụ
1	11/1998-06/2007	Công ty CP Suất ăn liên doanh Tân Sơn Nhất	Ủy viên HĐQT
2	03/2003-03/2005	Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	Ủy viên HĐQT
3	03/2009-10/2012	Ngân hàng TMCP Techcombank	Ủy viên HĐQT
4	10/2011-11/2015	Tổng công ty CP Bảo hiểm hàng không	Chủ tịch HĐQT
5	10/2014-nay	Công ty CP cho thuê máy bay VN	Chủ tịch HĐQT

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Tiền lương Năm 2019	Tiền lương Năm 2020	Tiền lương 6T đầu năm 2021	Thưởng 2019**
1.317.529.000 đồng	789.120.000 đồng	151.200.000 đồng	

- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với VNA và các công ty con của VNA : Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VNA hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VNA : Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ : 8.432 cổ phiếu, chiếm 0,00059% VDL
- Thông tin những người có liên quan:

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Năm sinh	Quan hệ	Số CMND hoặc ĐKKD/GPHĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP cá nhân/ đại diện sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
Trần Duy Đạo	1941	Bố đẻ	162186586	11/9/2001	Nam Định	-	0,0000%
Trần Thị Hải	1942	Mẹ đẻ	16047352	18/7/2007	Nam Định	-	0,0000%
Trần Thị Hương	1968	Vợ	B2449989	29/7/2008	Cục XNC	2.500	0,0002
Trần Thị Minh Trang	1992	Con gái	B3937787	12/12/2009	Cục XNC	-	0,0000%
Trần Hồng Phúc	2000	Con trai	B8031608	10/6/2013	Cục XNC	-	0,0000%
Trần Minh Tâm	2000	Con gái	B8031609	10/6/2013	Cục XNC	-	0,0000%
Trần Thị Hương	1965	Em gái	161245942	19/11/2002	Nam Định	-	0,0000%
Trần Thị Thu	1968	Em gái	162297985	26/12/2007	Nam Định	-	0,0000%
Trần Thị Hạnh	1972	Em gái	162117064	2/2/2015	Nam Định	-	0,0000%
Trần Duy Đông	1975	Em trai	25189064	24/8/2009	TP HCM	-	0,0000%
Công ty CP cho thuê máy bay Việt Nam		Chủ tịch HĐQT				-	0,0000%

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu:

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 800.000.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán: 8.000.000.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến:

Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định:

“Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:

- 1. Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;*
- 2. Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở công ty”*

Theo quy định này, mức giá bán cho cổ đông hiện hữu sẽ không bị phụ thuộc vào giá thị trường hoặc giá trị ghi trên sổ sách tại thời điểm gần nhất.

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, ĐHĐCĐ đã thông qua giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần

7. Phương thức phân phối

7.1. Tỷ lệ phân phối

Tỷ lệ phân phối là 56,405920%. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Cứ 100 quyền sẽ được mua 56,405920 cổ phiếu phát hành thêm.

- Đối với cổ đông đã lưu ký: VSD phân phối và thông báo quyền mua tới các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán – thành viên lưu ký của VSD.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ phiếu được thực hiện quyền tại VNA hoặc tổ chức được VNA ủy quyền.
- Đối với cổ đông nhà nước: Chính phủ giao Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) thay mặt Chính phủ đầu tư mua cổ phiếu tại VNA thuộc quyền mua cổ phần của cổ đông Nhà nước theo phương thức chuyển giao quyền mua theo quy định của Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội và Nghị quyết số 194/NQ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

7.2. Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, đăng ký nhưng không nộp tiền mua

Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 7.699 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 56,405920%, cổ đông A được mua $7.699 * 56,405920\% = 4.342,6$ cổ phiếu phát hành thêm. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A sẽ được mua 4.342 cổ phiếu mới từ phát hành thêm.

Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua (nếu có) được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét phân phối tiếp cho các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định pháp luật và Điều lệ VNA để đợt phát hành thành công ở mức tối đa, với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký

mua, không nộp tiền mua phân phối tiếp cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Việc phân phối số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua phân phối tiếp tuân thủ các quy định sau:

- Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.
- Quy định không sở hữu chéo theo Điều 195 Luật Doanh nghiệp.
- Đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VNA. Theo đó, cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi thực hiện phân phối tiếp sẽ chỉ phân phối cho tổ chức, cá nhân trong nước.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Đăng ký mua cổ phiếu

- Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện đăng ký quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ quy định.
- Khi đăng ký quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phiếu theo mức giá quy định trong thời hạn đăng ký mua cho phép. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện sẽ hết hiệu lực.
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các tổ chức, cá nhân trong nước. Quyền mua cổ phiếu chỉ được chuyển nhượng 01 lần duy nhất trong thời gian quy định.

8.2. Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu

- Nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phiếu qua hình thức chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Luật Chứng khoán 2019. Thông tin về tài khoản phong tỏa được trình bày tại Mục 12 Phần VII tại Bản Công bố Thông tin này.
- Chuyển giao cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSD.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực. Trong trường hợp cần thiết, VNA sẽ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đề gia hạn thêm thời gian phân phối cổ phiếu theo đúng quy định (gia hạn tối đa 30 ngày). Thời gian phát hành dự kiến trong quý III-IV năm 2021.

Bảng 43: Lịch trình phân phối cổ phiếu

STT	Công việc	Thời gian (ngày làm việc)
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng	T
2	Công bố thông tin về đợt chào bán	T
3	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông mua cổ phần phát hành thêm với VSD	T
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	T + 7
5	Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông	T + 8
8	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (<i>đối với cổ đông không mua hoặc không mua hết số cổ phần được quyền mua của mình</i>)	(T + 12) – (T + 33)
9	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm (<i>đối với cổ đông mua toàn bộ hoặc một phần số cổ phần được quyền mua của mình</i>)	(T + 12) – (T + 38)
10	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông lưu ký và chưa lưu ký	(T + 39) – (T + 42)
11	Lập báo cáo HĐQT kết quả chào bán và quyết định phương thức xử lý số cổ phần lẻ và số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có).	(T + 43) – (T + 46)
13	Báo cáo kết quả phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	(T + 47) – (T + 49)

Lịch trình phân phối cổ phiếu cụ thể sẽ được VNA công bố chính thức tại bản thông báo chào bán sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, đảm bảo theo quy định của Pháp luật.

10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi)

Đợt chào bán của VNA là chào bán cổ phiếu phổ thông của công ty, không phải là việc chào bán cổ phiếu ưu đãi.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu VNA chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua được phân phối tiếp cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn tối thiểu 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các tổ chức, cá

nhân trong nước. Quyền mua cổ phiếu chỉ được chuyển nhượng 01 lần duy nhất trong thời gian quy định.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tiền mua cổ phiếu được chuyển vào tài khoản phong tỏa của VNA:

- Số tài khoản: **1022070325**
- Tên tài khoản: Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của VNA

Tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV, Chính phủ đã báo cáo Quốc hội ban hành Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020, theo đó Quốc hội đã nhất trí với đề nghị của Chính phủ cho phép VNA chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ khi đáp ứng quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 15 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và giao SCIC thay mặt Chính phủ đầu tư mua cổ phiếu tại VNA thuộc quyền mua cổ phần của cổ đông Nhà nước theo phương thức chuyển giao quyền mua.

Trên cơ sở Nghị quyết số 135/2020/QH14, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 194/NQ-CP ngày 31/12/2020 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về giải pháp tháo gỡ khó khăn cho VNA, trong đó có việc thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của VNA.

Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp (cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại VNA) đã có ý kiến thông qua Phương án phát hành trước khi VNA tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

14. Hủy bỏ đợt chào bán

Không áp dụng

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Như đã nêu tại Mục 9 Phần IV nêu trên, giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VNA là 0%. Tuy nhiên, tại ngày 04/6/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VNA là 9,15% và Điều lệ của công ty đang quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VNA được xác định theo quy định của pháp luật.

Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VNA:

- Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các tổ chức, cá nhân trong nước.
- Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua nếu có phân phối tiếp sẽ chỉ phân phối cho tổ chức, cá nhân trong nước.

16. Các loại thuế có liên quan

16.1. Đối với công ty

Hiện nay, VNA thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân (cho cả người lao động Việt Nam và nước ngoài), thuế nhà thầu nước ngoài và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật.

VNA không được hưởng ưu đãi về thuế suất và chỉ được miễn giảm thuế nhà thầu nước ngoài đối với những Hợp đồng đủ điều kiện được miễn giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Chính phủ Việt Nam và các nước theo quy định của Cơ quan thuế.

16.1.1. Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03/06/2008 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, VNA thực hiện kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế phải nộp bằng số thuế GTGT đầu ra trừ (-) số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Trong đó:

- Thuế GTGT đầu ra bằng tổng số thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn GTGT. Thuế suất GTGT đầu ra theo quy định của Nhà nước, chủ yếu là 10% đối với hoạt động vận tải, hoạt động phụ trợ vận tải và hoạt động khác trong nước và 0% với hoạt động vận tải quốc tế.
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế GTGT của hàng hóa nhập khẩu đáp ứng điều kiện quy định.

16.1.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 03/06/2008 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 32/2013/QH13) và các văn bản hướng dẫn thi hành, VNA thực hiện nộp thuế TNDN:

- Thuế suất: 20%
- Thu nhập tính thuế: trong kỳ được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ (-) thu nhập được miễn thuế trừ (-) các khoản lỗ được kết chuyển. (Trong đó, thu nhập chịu thuế bằng doanh thu từ việc cung cấp hàng hóa dịch vụ từ tất cả hoạt động kinh doanh bao gồm cả hoạt động kinh doanh chính và hoạt động kinh doanh khác mà VNA được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa trừ (-) chi phí được trừ tính thuế TNDN cộng (+) các khoản thu nhập khác).
- Số thuế phải nộp = thuế suất * thu nhập tính thuế

VNA không được hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN.

16.1.3. Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

Căn cứ Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày

21/11/2007 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, người lao động làm việc cho VNA (bao gồm cả lao động Việt Nam và lao động nước ngoài) thực hiện nộp thuế TNCN theo quy định.

Thuế suất: đối với cá nhân không cư trú áp dụng thuế suất 20%, đối với cá nhân cư trú áp dụng biểu thuế suất lũy tiến với mức cao nhất là 35%.

VNA ghi nhận khoản nộp thuế TNCN phải nộp cho người lao động là phi công nước ngoài vào chi phí. Đối với các đối tượng khác, thuế TNCN được khấu trừ từ thu nhập của người lao động và nộp cho Cơ quan thuế theo quy định.

16.1.4. Thuế nhà thầu nước ngoài (NTNN)

Căn cứ vào văn bản hướng dẫn thi hành về thuế NTNN, VNA thực hiện kê khai nộp thuế NTNN cho nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho VNA theo qui định.

Các trường hợp xin miễn giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần được thực hiện theo đúng theo quy định và thủ tục của Nhà nước và được các cơ quan quản lý thuế chấp thuận.

16.1.5. Các loại thuế khác

VNA thực hiện nộp các loại thuế khác tuân thủ theo quy định của Nhà nước và Pháp luật.

Năm 2020, do dịch bệnh Covid-19, Chính phủ ban hành Nghị quyết 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 cho phép các doanh nghiệp hàng không được miễn giảm thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay bằng 70% mức thuế theo quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH 14 ngày 26/09/2018 đến hết 31/12/2020.

16.2. Đối với nhà đầu tư

16.2.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân

a. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- **Đối với nhà đầu tư trong nước:** thì thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.
- **Đối với nhà đầu tư nước ngoài:** thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại điểm 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn”.

b. Thu nhập từ cổ tức

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới

phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/06/2013 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 65/2013/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

16.2.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức

a. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

b. Thu nhập từ cổ tức

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

17. Thông tin về các cam kết

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 946/NQ-HĐQT ngày 14/07/2021 về việc triển khai phương án chào bán, HĐQT cam kết niêm yết cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

18. Thông tin về các chứng khoán khác đang được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Đại dịch Covid-19 diễn biến kéo dài, phức tạp và khó lường khiến cho tất cả các Hãng hàng không trên thế giới phải thực hiện cắt giảm mạnh khai thác trong bối cảnh các quốc gia thực hiện phong tỏa đất nước, giãn cách xã hội đã đẩy các Hãng hàng không toàn cầu vào tình trạng khủng hoảng, mất khả năng thanh toán. Do tác động tiêu cực của dịch bệnh, VNA đang rơi vào trạng thái khủng hoảng toàn diện.

Để ứng phó với đại dịch, bên cạnh các giải pháp phòng chống dịch, VNA đã và đang triển khai nhiều giải pháp mạnh mẽ mang tính đột phá, quyết liệt ứng phó với đại dịch nhưng những gì đã và đang diễn ra là bất khả kháng, nằm ngoài sự kiểm soát của doanh nghiệp.

Hiện tại, việc đảm bảo dòng tiền là yếu tố quan trọng nhất đối với VNA để duy trì hoạt động do các chi phí cố định chiếm tỷ trọng rất lớn (chủ yếu chi phí đội bay). Kể cả khi phải dừng hoạt động (không có dòng tiền thu) thì hàng tháng VNA vẫn phải thanh toán các khoản chi phí rất lớn liên quan đến thuê mua tàu bay cho đội bay. Do tác động của Covid-19, hoạt động sản xuất, kinh doanh và dòng tiền của VNA suy giảm nghiêm trọng, dự kiến trong thời gian tới tiếp tục còn nhiều khó khăn; nếu không có sự hỗ trợ kịp thời của Chính phủ và các cổ đông, VNA sẽ rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Mục đích của đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng lần này của VNA nhằm bổ sung

vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tránh rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán trong ngắn hạn. Chi tiết kế hoạch sử dụng tiền của đợt phát hành được nêu tại Mục 1 Phần IX.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm được sử dụng bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và cải thiện khả năng thanh toán trong ngắn hạn của VNA, hạn chế các tác động, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trong năm 2020 và đang tiếp tục diễn biến phức tạp. Kế hoạch sử dụng tiền thu được dự kiến theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới cụ thể như sau:

Bảng 44: Kế hoạch sử dụng tiền thu được dự kiến

STT	Thứ tự ưu tiên	Số tiền (tỷ đồng)	Tiến độ
1	Trả nợ vay đến hạn cho các tổ chức tín dụng (*)	2.050	Năm 2021
2	Thanh toán nợ quá hạn và nợ đến hạn cho các đối tác, nhà cung cấp (**)	3.950	Quý 4/2021, năm 2022 theo tiến độ thanh toán
3	Thanh toán vốn lưu động để đảm bảo khả năng thanh toán, duy trì hoạt động SXKD trong bối cảnh dịch bệnh Covid vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp như: trả lương, thuế, hoàn vé, các khoản thanh toán không vay được ngân hàng (thu hộ trả hộ, bù trừ công nợ...), các khoản trả nợ vay đến hạn trong năm 2022 (trong Q1/2022, các khoản nợ vay đến hạn dự kiến tại các ngân hàng trên 2.500 tỷ đồng).	2.000	Quý 4/2021 và năm 2022
Tổng		8.000	

Nguồn: VNA

(*) Danh sách các khoản nợ đến hạn tại các tổ chức tín dụng:

STT	Tên tổ chức tín dụng	Loại tiền	Lãi suất	Số dư nợ đến hạn trả
1	NH TMCP Ngoại thương VN	Tỷ đồng	4.2%	738

STT	Tên tổ chức tín dụng	Loại tiền	Lãi suất	Số dư nợ đến hạn trả
2	NH TMCP Ngoại thương VN	Tỷ đồng	3.5%	390
3	NH TMCP Đầu tư và PT VN	Tỷ đồng	4.6%	236
4	NH TMCP Đông Nam Á	Tỷ đồng	4.8%	400
5	Ngân hàng JP Morgan	USD	LIBOR + 1.60%	1.291.496
6	Ngân hàng Citibank	USD	LIBOR + (0.45% - 3.98%)	4.311.851
7	Ngân hàng ING	USD	LIBOR + 0.45%	6.987.364
	Tổng cộng (quy tỷ đồng)			2.053

(**) Danh sách các khoản công nợ quá hạn của các đối tác, nhà cung cấp:

STT	Đối tác	Nợ quá hạn (tỷ đồng)
I	Thuê máy bay: (Dự kiến chi trả cho các đối tác: Jackson Square Aviation Ireland Limited (JSA), BBAM (GLENHAGEN LIMITED/ KOLEDELL LIMITED), DAE ,ACG, CLOVER (PAAL Mercury Company Limited), CAVIC, ICBC, CIT/AVOLON, JLPS, AERCAP Ireland Limited, VALC, ALC)	7.099,4
II	Nhiên liệu, Sửa chữa bảo dưỡng động cơ, phụ tùng vật tư (Dự kiến chi trả cho các đối tác: Air France, RRP Engine Leasing Limited, STEA , KLM Engineering and Maintenance, Rolls-Royce plc, Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC), Đối tác khác)	4.021,8
III	Dịch vụ chuyển bay + Dịch vụ hàng không (Dự kiến chi trả cho các đối tác: TCTY Quản lý bay VN, CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT MÁY BAY (VAECO), Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, Đối tác khác)	1.847,6
IV	Chi dịch vụ khác	368,8
	Tổng nợ quá hạn đến 30/6/2021	13.337,7

Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ quyết định điều chỉnh việc giải ngân tùy thuộc vào tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của VNA.

Trường hợp không thu đủ số tiền theo dự kiến, VNA sẽ chủ động tìm kiếm các nguồn bổ sung khác để đảm bảo duy động đủ vốn bổ sung dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

Website : www.bsc.com.vn

Trụ sở : Tầng 10, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hà Nội

Điện thoại : (024) 3935 2722

Fax : (024) 2220 0669

Trên cơ sở các thông tin mà tổ chức tư vấn đã thu thập được về VNA và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam có một số nhận định như sau:

Khối lượng chào bán lần này là 800.000.000 cổ phần, tương đương 56,405920% vốn điều lệ của VNA – khối lượng này là tương đối lớn đối với mức trung bình so quy mô các đợt tăng vốn của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam nhưng ở mức trung bình so với quy mô hoạt động của VNA. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được Tổng Công ty sử dụng để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh để vượt qua khủng hoảng đại dịch Covid-19, mục đích và phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ VNA thông qua và ủy quyền cho HĐQT VNA triển khai chi tiết.

Bên cạnh những rủi ro đã được đề cập trong Bản cáo bạch này, BSC đánh giá việc gia tăng nguồn vốn từ đợt phát hành này là bước tiến cần thiết và phù hợp với nhu cầu bổ sung dòng tiền cho VNA vượt qua những khó khăn hiện nay và là yếu tố quyết định rất quan trọng đối với khả năng duy trì hoạt động của VNA.

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 15, Tòa Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84 24) 71050 000

Fax : (84 24) 6288 5678

Website : deloittevietnam@deloitte.com

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XIII. PHỤ LỤC

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 01/01/2021.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/07/2021 thông qua phương án chào bán và phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn và Tờ trình HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ số 930/TTr-TCTHK-HDDQT ngày 13/07/2021
3. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 946/NQ-HĐQT ngày 14/07/2021 về việc triển khai phương án chào bán và Tờ trình TGD báo cáo HĐQT số 945/TCTHK-TKTCC ngày 14/07/2021.
4. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 948 /NQ-HĐQT ngày 14/07/2021 thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng và Tờ trình TGD báo cáo HĐQT số 947/TCTHK-TKTCC ngày 14/07/2021.
5. Bản sao Điều lệ Công ty ngày 14/07/2021
6. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được kiểm toán
7. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được kiểm toán
8. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021
9. Báo cáo tài chính riêng năm 2019 được kiểm toán
10. Báo cáo tài chính riêng năm 2020 được kiểm toán
11. Báo cáo tài chính riêng Quý II/2021